

Số: /BSR-VP HĐQT

Quảng Ngãi, ngày tháng 04 năm 2021

V/v Công bố thông tin Báo cáo  
thường niên năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
2. Mã chứng khoán: BSR
3. Địa chỉ trụ sở chính: số 208 Đại lộ Hùng Vương, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
4. Điện thoại: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông Nguyễn Hải Âu - Người được ủy quyền công bố thông tin theo Giấy ủy quyền số 6696/BSR-VP HĐQT ngày 20/12/2019. Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT).
6. Loại thông tin công bố:  24 giờ  Bất thường  Định kỳ  Theo yêu cầu
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn tại đường dẫn: [www.bsr.com.vn](http://www.bsr.com.vn).

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- TGD;
- Ban TCKT, KTKH, QTNL, PCRR;
- Ban CNTT (đăng Website);
- Lưu: VT, VP HĐQT, binhvt.

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**Nguyễn Hải Âu**

**Tài liệu đính kèm:** Báo cáo thường niên năm 2020.





# VƯƠN LÊN TỪ NỘI LỰC TỎA SÁNG TỪ THÁCH THỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



## MỤC LỤC

# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- 09. Thông tin khái quát
- 11. Quá trình hình thành và phát triển
- 13. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 16. Thông điệp của Ban Lãnh đạo
- 18. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20. Sơ đồ công nghệ và Chu trình sản xuất Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- 30. Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý
- 46. Định hướng phát triển
- 48. Quản trị rủi ro

# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 100. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 103. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 104. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 108. Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 114. Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 119. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

- 56. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 64. Tổ chức và nhân sự
- 66. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 70. Tình hình tài chính
- 74. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

# 03

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 80. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 88. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 89. Kế hoạch phát triển trong tương lai

# 06

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 122. Tổng quan Báo cáo Phát triển bền vững
- 130. Kinh tế
- 131. Môi trường
- 142. Xã hội
- 143. Việc làm
- 144. An toàn và sức khoẻ nghề nghiệp
- 148. Giáo dục và đào tạo
- 150. Cộng đồng địa phương
- 151. Các mục tiêu môi trường - xã hội năm 2021
- 152. Bảng tham chiếu GRI

# 07

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 156. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 158. Báo cáo kiểm toán độc lập
- 160. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 162. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 163. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 164. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





## THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

**Công ty** Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

**BSR** Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

**Tập đoàn** Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**ĐHĐCĐ** Đại hội đồng Cổ đông

**HĐQT** Hội đồng quản trị

**Ban TGD** Ban Tổng Giám đốc

**TGD** Tổng Giám đốc

**BĐH** Ban Điều hành

**BKS** Ban Kiểm soát

**CBCNV** Cán bộ công nhân viên

**NLĐ** Người lao động

**SXKD** Sản xuất kinh doanh

**PCCC** Phòng cháy chữa cháy

**CHCN** Cứu hộ cứu nạn

**ATSKMT** An toàn sức khỏe môi trường

**NLSH** Nhiên liệu sinh học

**TA4** Bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4

**TNHH** Trách nhiệm hữu hạn

**MTV** Một thành viên

**VP** Văn phòng

**VP HĐQT** Văn phòng Hội đồng quản trị

**Chi nhánh – DQRE** Chi nhánh – Ban Quản lý Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất

**BSR-BF** Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung

**PV Building** Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

**PMS** Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí

**PVOS** Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam

**NMLD** Nhà máy lọc dầu

**Ban KTKH** Ban Kinh tế Kế hoạch

**Ban TCKT** Ban Tài chính Kế toán

**Ban QTNL** Ban Quản trị và phát triển nguồn nhân lực

**Ban PCRR** Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro

**Ban ATMT** Ban An toàn môi trường

**Ban NCPT** Ban Nghiên cứu phát triển

**Ban KD** Ban Kinh doanh

**Ban TMDV** Ban Thương mại dịch vụ

**Ban VHSX** Ban Vận hành sản xuất

**Ban BDSC** Ban Bảo dưỡng sửa chữa

**Ban ĐĐSX** Ban Điều độ sản xuất

**Ban QLCL**: Ban Quản lý chất lượng

**Ban KTTB** Ban Kiểm tra thiết bị

**Ban QLVT** Ban Quản lý vật tư

**Ban KSNB** Ban Kiểm soát nội bộ

**Ban QLCB** Ban Quản lý cảng biển

**Ban CNTT** Ban Công nghệ thông tin

**NCMR** Nâng cấp mở rộng

**XDCB** Xây dựng cơ bản

**RPBM** Rà phá bom mìn

**NSNN** Ngân sách Nhà nước

**VĐL** Vốn điều lệ



# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát 09
- Quá trình hình thành và phát triển 11
- Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi 13
- Thông điệp của Ban Lãnh đạo 16
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 18
- Sơ đồ công nghệ và Chu trình sản xuất Nhà máy lọc dầu Dung Quất 20
- Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý 30
- Định hướng phát triển 46
- Quản trị rủi ro 48



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

**Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/06/2008, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 18/12/2018.

Vốn điều lệ đăng ký:

**31.004.996.160.000** đồng



**Địa chỉ trụ sở chính:**

208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam



**Điện thoại:** 0255 3825825



**Số fax:** 0255 3825826



**Website:** [www.bsr.com.vn](http://www.bsr.com.vn)



**Mã cổ phiếu:** BSR



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## 09/05/2008

Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn được thành lập theo Quyết định số 1018/QĐ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



## 05/06/2008

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 (cấp lần đầu).



## 22/02/2009

BSR tổ chức đón dòng sản phẩm thương mại đầu tiên của NMLD Dung Quất. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu mốc lịch sử của ngành Dầu khí Việt Nam.



## 06/01/2011

Khánh thành và chính thức đưa NMLD Dung Quất đi vào vận hành thương mại, kết thúc quá trình xây dựng, vận hành chạy thử.



## 17/01/2018

BSR tổ chức thành công đợt bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.



## 01/03/2018

Cổ phiếu BSR bắt đầu giao dịch trên hệ thống UPCoM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.



## 01/07/2018

Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## 15/04/2014

NMLD Dung Quất vận hành 600 ngày đêm liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.



## 24/12/2014

BSR vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch Nước trao tặng.



## 08/12/2017

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1978/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## 22/02/2019

Đánh dấu 10 năm BSR sản xuất và xuất bán các sản phẩm ra thị trường đảm bảo chất lượng, góp phần phát triển kinh tế và ổn định an ninh năng lượng Quốc gia.



## Năm 2020

Thực hiện thành công Bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4. Đạt được 04 chỉ tiêu "An toàn - Chất lượng - Tiến độ - Tiết giảm chi phí" trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 2 trong cả nước và đặc biệt ở miền Trung.



"

Nhà máy lọc dầu Dung Quất, thuộc Khu kinh tế Dung Quất, là nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam. Đây là một trong những dự án kinh tế lớn, trọng điểm quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn đầu thế kỷ 21.

## TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### TẦM NHÌN

Phấn đấu trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu Đông Nam Á và mang tầm vóc quốc tế, thể hiện vị thế, trí tuệ và niềm tự hào Việt Nam trong lĩnh vực lọc - hóa dầu thế giới.

### SỨ MỆNH

- Đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- Là động lực cho sự phát triển kinh tế miền Trung và cả nước.
- Cung cấp các sản phẩm/dịch vụ chất lượng, mang lại sự hài lòng cho khách hàng và phù hợp với thị trường.
- Nâng cao giá trị doanh nghiệp, gia tăng lợi nhuận, sự hài lòng và đóng góp vào sự thịnh vượng của các Cổ đông và các bên liên quan.

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**Chính trực:** Trung thực với bản thân và mọi người, tôn trọng mọi cam kết và ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức cao nhất.

**Cống hiến:** Tận tâm, tận tụy trong mọi công việc.

**Khát khao học hỏi:** Khát khao học hỏi là chìa khóa mang lại sự thành công cho doanh nghiệp và chính mình.

**Quyết liệt:** Đam mê mãnh liệt, tự tin cao độ, tự nguyện và hết lòng thực hiện tầm nhìn, sứ mệnh của BSR cho dù khó khăn đến đâu.

**Đoàn kết:** Đoàn kết tạo ra sức mạnh để thực hiện thành công tầm nhìn và sứ mệnh của Công ty, đồng thời đem lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.





**105%**

Công suất  
trung bình



**5.930.000** tấn  
sản phẩm

Sản lượng sản xuất 2020



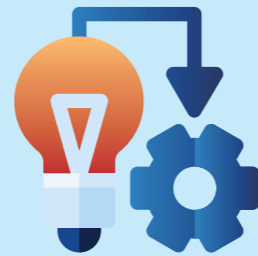
**6.256 tỷ**

Nợ ngân sách  
Nhà nước



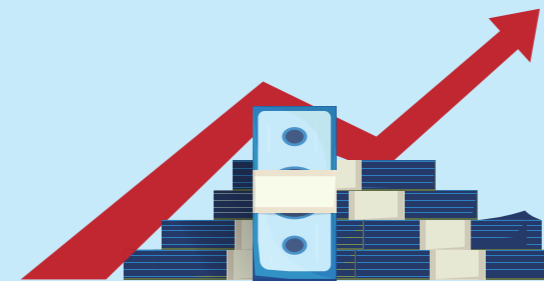
**1.844 tỷ**

Tiết giảm chi phí



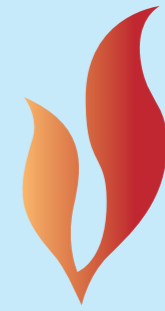
**1.400**

Sáng kiến cải tiến  
được đăng ký trên hệ thống



**57.895 tỷ**

Doanh thu



**MỘT NĂM NHÌN LẠI**

**2020**



## THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Năm 2020 được xem là năm khó khăn nhất trong lịch sử ngành dầu khí nói chung và ngành lọc hóa dầu nói riêng, khi nhiều nhà máy lọc dầu trên thế giới tuyên bố ngừng hoạt động vĩnh viễn, đóng cửa một phần hoặc cắt giảm mạnh công suất dưới tác động kép của đại dịch Covid-19 lan rộng và giá dầu giảm sâu xuống mức đáy trong lịch sử, có lúc ở mức âm 37 đô la Mỹ/thùng vào tháng 4/2020. Ảnh hưởng kép nói trên đã tác động rất tiêu cực tới toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR. Thêm vào đó, tình hình thời tiết diễn biến bất lợi so với các năm trước, trong đó có cơn bão số 9 với cường độ mạnh nhất trong hơn 20 năm qua, tác động trực tiếp vào tỉnh Quảng Ngãi và Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đã gây trở ngại rất lớn đến hoạt động sản xuất chung của Công ty.

Trong cơn bão khủng hoảng kép chưa từng có từ khi thành lập công ty, con tàu BSR nhiều lần tưởng như đã bị nhấn chìm, nhưng với bản lĩnh và quyết tâm vượt bậc của tập thể ban lãnh đạo và người lao động, con tàu BSR đã vượt bão an toàn. Dưới sự hỗ trợ và chỉ đạo quyết liệt của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cổ đông chính của BSR, ban lãnh đạo công ty đã triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả gói giải pháp ứng phó, với phương châm: "Quản trị biến động – Tối ưu giá trị – Đẩy mạnh tiêu thụ – Nỗ lực vượt khó – Nắm bắt cơ hội – An toàn về đích". Nhờ đó Công ty đã vượt khó thành công và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 đề ra, trong đó phải kể đến những kết quả nổi bật sau:

- Công ty đã kiểm soát chặt chẽ việc phòng chống dịch Covid-19, nhờ đó đã vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định với công suất trung bình đạt 105%. Đặc biệt thành công nổi bật là công tác bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy đã hoàn thành đạt cả 4 tiêu chí đề ra (An toàn, Chất lượng, Tiến độ và Chi phí) trong điều kiện vô vàn khó khăn, thử thách như dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại, thời tiết mưa bão ở Quảng Ngãi và tình trạng thiết bị của nhà máy sau hơn 10 năm vận hành. Điều này đã mang lại kết quả về đích trước kế hoạch sản xuất 19 ngày, vượt 7% kế hoạch sản lượng.

- Công ty đã thực hành triệt để công tác tiết kiệm, tiết giảm chi phí kết hợp với tối ưu các hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ đó tiết giảm được gần 2.000 tỷ đồng, góp phần quan trọng giúp công ty duy trì được dòng tiền và đảm bảo các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại thời điểm cuối năm 2020 đều ở ngưỡng an toàn.

- Trong khó khăn, bản lĩnh và trí tuệ của người lao động BSR tích lũy trong nhiều năm đã được toả sáng qua hơn 1400 ý tưởng Kaizen trong năm 2020, trong đó nhiều ý tưởng đã được công nhận là sáng kiến, cải tiến và áp dụng vào thực tế, mang lợi cho Công ty hàng trăm tỷ đồng.

Bước sang năm 2021, khó khăn đã tạm qua đi, với triển vọng tích cực từ đà hồi phục của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, năm 2021 vẫn được dự báo còn nhiều thách thức, dịch bệnh vẫn chưa thể được kiểm soát hoàn toàn, thị trường xăng dầu được đánh giá tiếp tục diễn biến khó lường,... Nhận thức đầy đủ các khó khăn, thách thức cũng như cơ hội trong năm 2021, BSR tiếp tục làm tốt công tác dự báo thị trường, xây dựng các kịch bản ứng phó với tình hình mới, đồng thời phát huy các kết quả đã đạt được trong năm 2020 để tận dụng tối đa các cơ hội đến với Công ty trong năm 2021.

BSR sẽ tập trung vận hành nhà máy an toàn, ổn định ở công suất hợp lý với chế độ vận hành và cơ cấu sản phẩm tối ưu; đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến, nghiên cứu, ứng dụng, đa dạng hóa sản phẩm mới có giá trị cao hơn; tiếp tục thực thi triệt để công tác tiết giảm, tiết kiệm chi phí và quản trị dòng tiền; nâng cao năng lực quản trị, tăng cường số hóa hệ thống quản lý để nâng cao hiệu quả điều hành; tái tạo văn hóa BSR để tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho người lao động.

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của Quý Cổ đông/Nhà đầu tư, những người đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn trong hành trình hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng. Với những nỗ lực vượt khó trong năm 2020 và các giải pháp linh hoạt, sáng tạo đã đề ra cho năm 2021, chúng tôi tin tưởng BSR sẽ đạt được các mục tiêu nêu trên.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!



**Ông Nguyễn Văn Hội**  
Chủ tịch HĐQT



**Ông Bùi Minh Tiến**  
Tổng Giám đốc

“ Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, những người đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn trong hành trình hướng đến tương lai bền vững và thịnh vượng.



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



### SẢN XUẤT DẦU MỎ TINH CHẾ

Sản xuất, chế biến dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hoá phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.

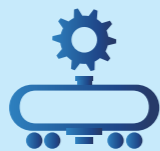


### BÁN BUÔN NHIÊN LIỆU RẮN, LỎNG, KHÍ VÀ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN

Kinh doanh, phân phối dầu mỏ và các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hoá phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.



Kho bãi và lưu giữ hàng hoá



Sửa chữa máy móc thiết bị



Kiểm tra và phân tích kỹ thuật



Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

### ĐỊA BÀN TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY:

Chủ yếu là thị trường nội địa Việt Nam

### TRONG NƯỚC:

Các sản phẩm xăng dầu, nhiên liệu phản lực Jet-A1, hạt nhựa Polypropylene và khí hóa lỏng LPG của NMLD Dung Quất

### NƯỚC NGOÀI:

Sản phẩm FO, MFO được xuất khẩu ra thị trường quốc tế



### TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY:

Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi



### NHÀ MÁY:

Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.



# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ VÀ CHU TRÌNH SẢN XUẤT NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT

## SƠ ĐỒ NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT

### GIỚI THIỆU NMLD DUNG QUẤT

**2009**

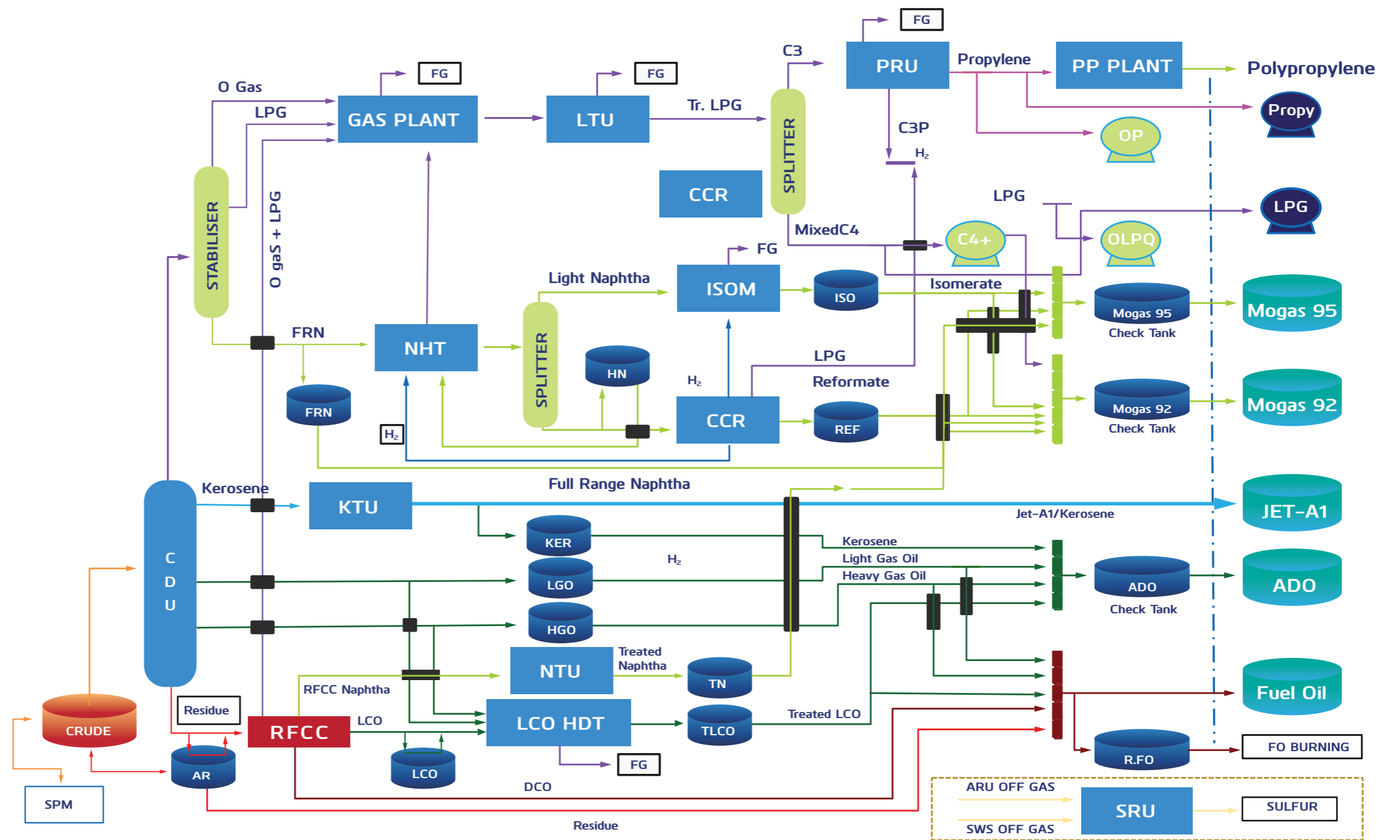
Nhà máy lọc dầu Dung Quất được đưa vào vận hành

CÔNG SUẤT

**6,5** triệu tấn dầu thô/năm



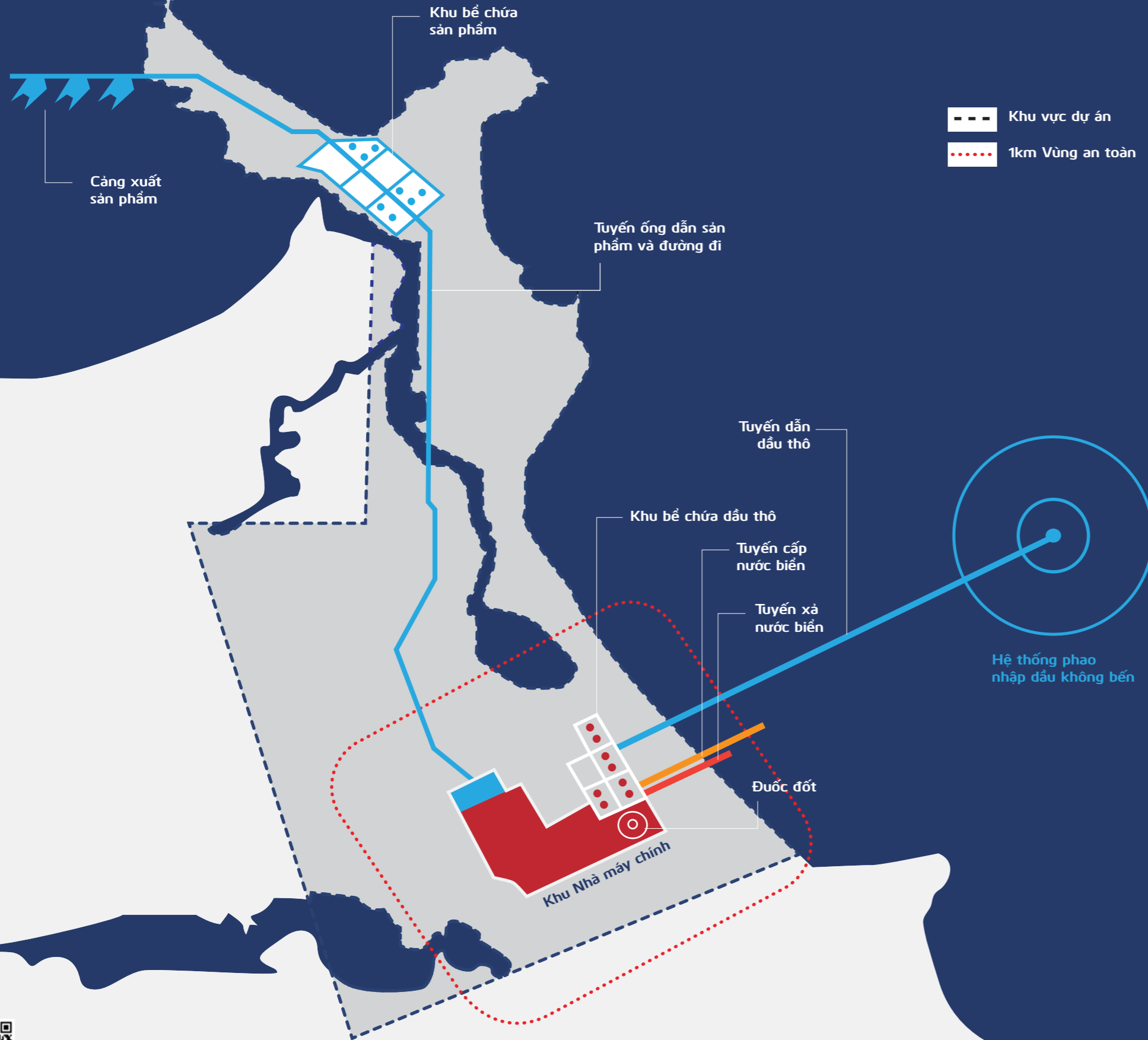
Nhà máy được thiết kế chi tiết và xây dựng, chạy thử bởi Tổ hợp Nhà thầu Technip Pháp, JGC-Nhật và các nhà thầu phụ nước ngoài khác.



Viết tắt	Tên phân xưởng	Chức năng	Công suất thiết kế (Thùng/ngày)
CDU	Phân xưởng chưng cất dầu thô (Crude Distillation Unit)	Phân tách dầu thô thành các phân đoạn sản phẩm/sản phẩm trung gian khác nhau	148.000
NHT	Phân xưởng xử lý Naphtha bằng Hydro (Naphtha Hydrotreater Unit)	Tách loại S, N, nước, kim loại khỏi dòng Naphtha	23.500
CCR	Phân xưởng Reforming xúc tác (Continuous Catalytic Reformer Unit)	Sản xuất cấu tử xăng có chỉ số octan cao	21.100
KTU	Phân xưởng xử lý sản phẩm nhiên liệu phân lọc (Kerosene Treatment Unit)	Loại bỏ S, axit Naphthenic, nước khỏi sản phẩm nhiên liệu phân lọc	10.000
RFCC	Phân xưởng cracking xúc tác (Residue Fluidized Catalytic Cracking Unit)	Chuyển hóa cặn từ phân xưởng chưng cất dầu thô thành các sản phẩm như xăng, LPG...	69.700
LTU	Phân xưởng xử lý khí hóa lỏng LPG (LPG Treater Unit)	Xử lý LPG tạo thành từ phân xưởng RFCC	21.000
NTU	Phân xưởng xử lý RFCC Naphtha	Xử lý Naphtha tạo thành từ phân xưởng RFCC	45.000
PRU	Phân xưởng thu hồi Propylene (Propylene Recovery Unit) (Kg/hr)	Thu hồi Propylene để sản xuất Polypropylene	77.240
ISOM	Phân xưởng đồng phân hóa (Light Naphtha Isomerization Unit)	Đồng phân hóa hydrocarbon để tạo cấu tử xăng có chỉ số octan cao	6.500
LCO-HDT	Phân xưởng xử lý LCO bằng hydro (LCO Hydrotreater Unit) (Kg/hr)	Loại bỏ N, S và kim loại bằng hydro nhằm làm sạch LCO	165.000
PP	Nhà máy sản xuất nhựa Polypropylene (Polypropylene Plant) (tấn/năm)	Sản xuất nhựa Polypropylene từ Propylene	150.000
SWS	Phân xưởng xử lý nước chua (Sour Water Stripping Unit)	Loại bỏ hóa khí chua khỏi dòng nước chua	82 (m <sup>3</sup> /h)
ARU	Phân xưởng tái sinh Amine (Amine Regeneration Unit)	Làm sạch, tái sinh Amine	102 (m <sup>3</sup> /h)
CNU	Phân xưởng trung hòa kiềm (Spent Caustic Neutralisation Unit)	Trung hòa kiềm	15 (m <sup>3</sup> /h)
SRU	Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 1 (Sulfur Recovery Unit 1)	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	5 (tấn/ngày)
SRU2	Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 2 (Sulfur Recovery Unit 2)	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	13 (tấn/ngày)



# GIỚI THIỆU NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT



Tổng diện tích khoảng

**956** ha

Mở rộng trong tương lai

**140** ha

Mặt đất

**485** ha

Mặt biển

**471** ha

Khu Nhà máy chính

**110** ha

Khu bể chứa dầu thô

**42** ha

Khu bể chứa sản phẩm

**43,83** ha

Khu tuyến dẫn dầu thô, cấp và xả nước biển

**17** ha

Tuyến ống dẫn sản phẩm

**77,46** ha

Cảng xuất sản phẩm

**135** ha

Hệ thống phao nhập dầu không bến, tuyến ống ngầm dưới biển và khu vực vòng quay tàu

**336** ha

## BẢO DƯỠNG TỔNG THỂ LẦN 4

Năm 2020, trong bối cảnh khó khăn thách thức do dịch bệnh Covid-19 và khí hậu khắc nghiệt, BSR đã tiến hành thành công bảo dưỡng tổng thể nhà máy lần 04, đạt 4 chỉ tiêu: An toàn, Chất lượng, Tiến độ và Chi phí.



51

Tiến độ 51 ngày đêm



1,42

Triệu giờ công an toàn



88,8

Triệu đô la Mỹ được duyệt



80,3

Triệu đô la Mỹ thực chi



254

Chuyên gia nước ngoài được huy động



4.700

Nhân sự tham gia bảo dưỡng



7.537

Hạng mục công việc được hoàn thành

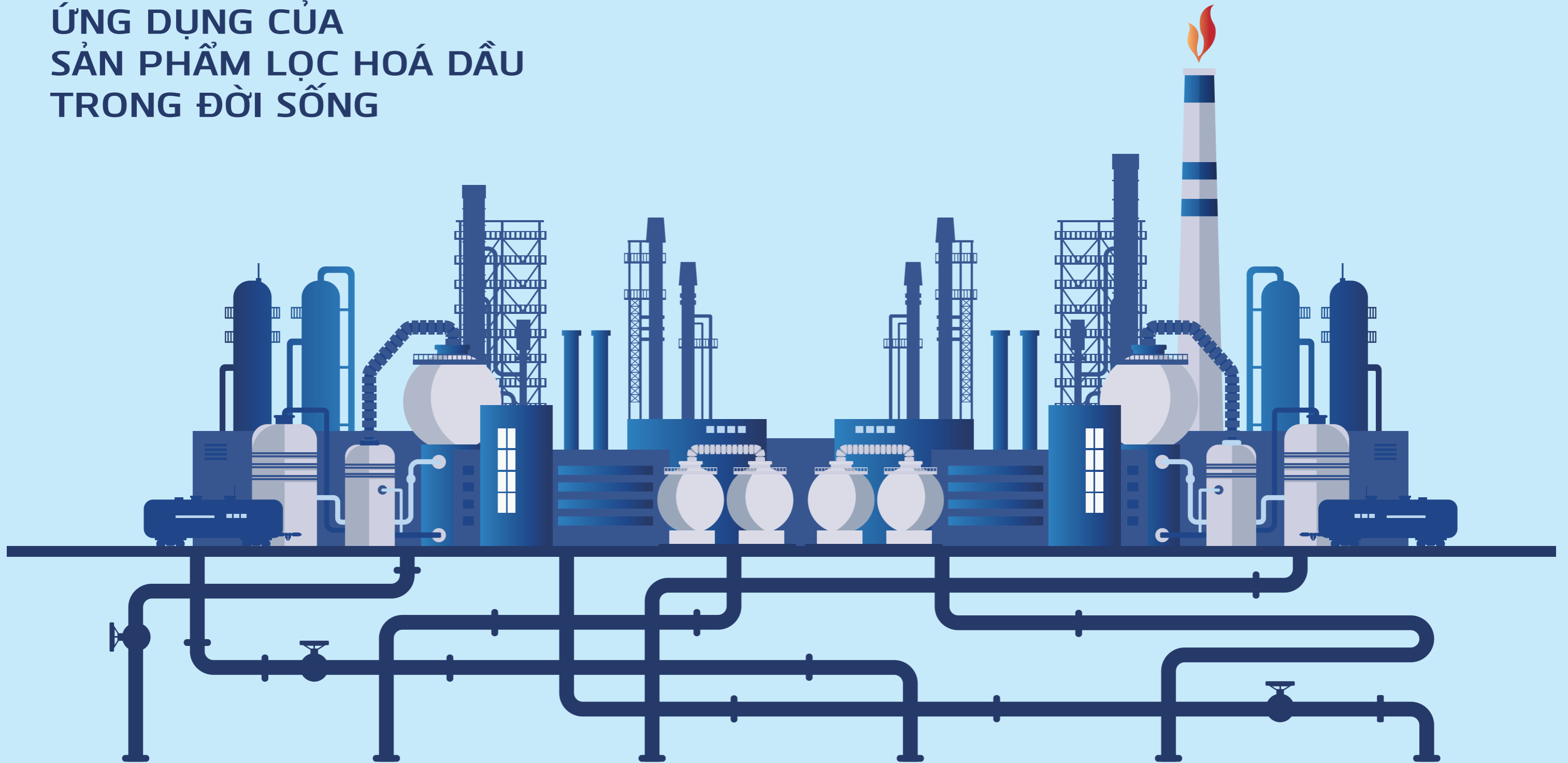


110%

Công suất nhà máy sau khi khởi động lại



# ỨNG DỤNG CỦA SẢN PHẨM LỌC HOÁ DẦU TRONG ĐỜI SỐNG



Nhiên liệu cho phương tiện vận tải (máy bay, xe máy...)



Máy tính, điện thoại,... được sản xuất từ các sản phẩm hoá dầu.



Sợi tổng hợp sử dụng trong ngành may mặc.



Thành phần tạo ra bút màu, hồ dán...



Nguyên liệu trong mỹ phẩm, dầu gội đầu...



Thành phần cấu tạo máy MRI, máy tạo nhịp tim...





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị doanh nghiệp của BSR hoạt động với cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

Đại hội đồng Cổ đông

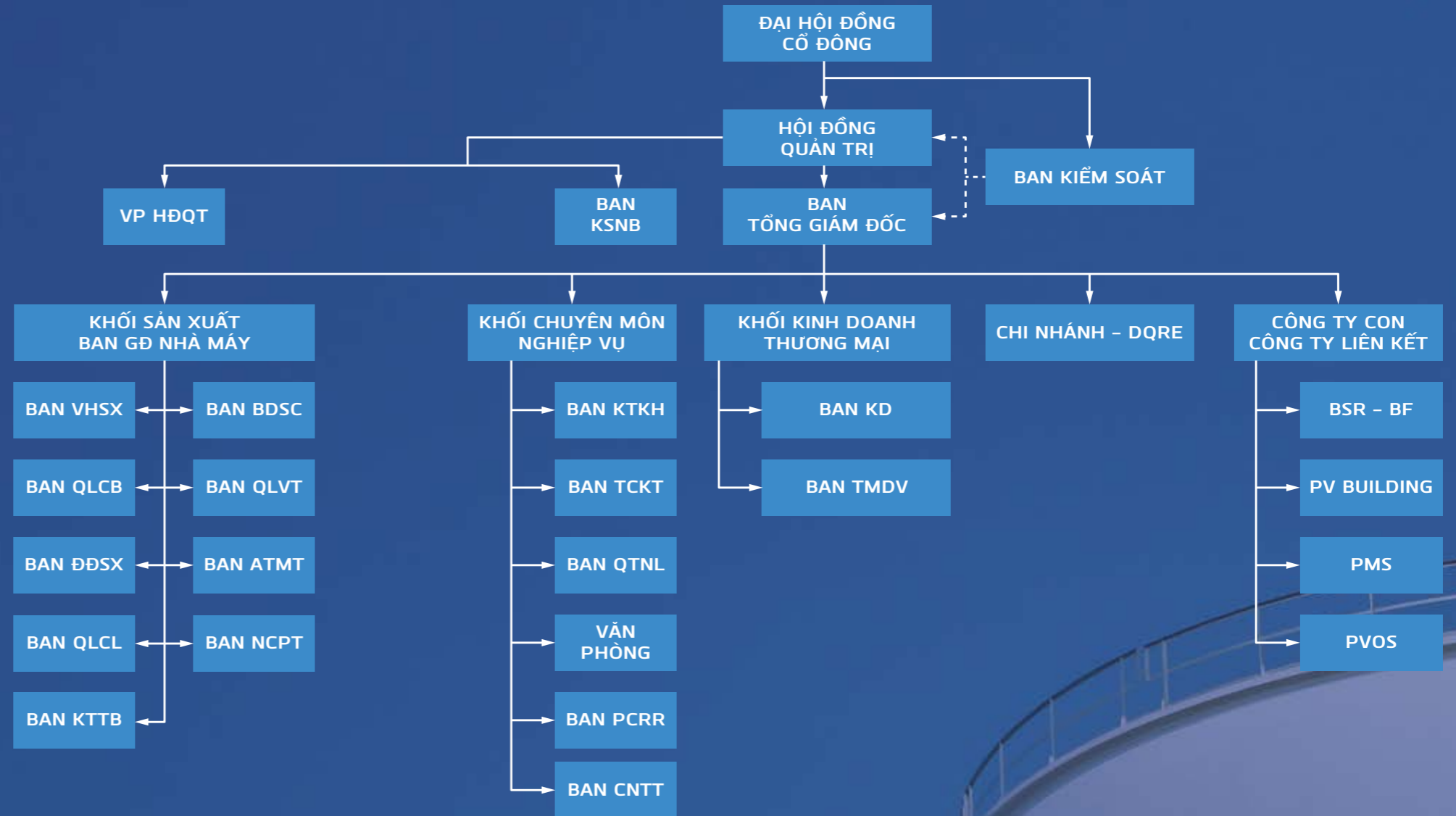
Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Các Ban chuyên môn, Nhà máy, Chi nhánh

Các công ty con, công ty liên kết



## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông Lê Xuân Huyền

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT  
(Đã miễn nhiệm từ tháng 02/2020)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:  
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

**Năm sinh:** 1966 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Tiến sỹ Quá trình và Thiết bị công nghệ hóa học



### Ông Nguyễn Văn Hội

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1968 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Thiết kế và quản lý dự án

#### Quá trình công tác

- 08/2008 – 06/2011: Đồng Giám đốc Dự án tại Vương Quốc Anh, Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Công ty Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- 07/2011 – 02/2014: Phó Trưởng ban Chế biến Dầu khí; từ 13/08/2013, kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- 02/2014 – 30/05/2014: Phó Trưởng ban phụ trách Ban Chế biến Dầu khí, kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- 06/2014 – 05/2018: Trưởng ban Chế biến Dầu khí, kiêm Ủy viên HĐQT Công ty Lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- 18/05/2018 – 06/2018: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 – 02/2020: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

#### Quá trình công tác

- 01/2002 – 02/2003: Phó Trưởng phòng TCHC, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc thứ 1 Công ty liên doanh NMLD Việt Nga.
- 03/2003 – 01/2007: Trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 01/2007 – 10/2008: Trưởng phòng Giám sát kỹ thuật, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 10/2008 – 07/2010: Phó Trưởng ban phụ trách xây dựng, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 07/2010 – 04/2013: Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
- 04/2013 – 07/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 – 01/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 02/2020 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.





### Ông Bùi Minh Tiến

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1969 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,  
Cử nhân Khoa học Vật lý

#### Quá trình công tác

- 05/2007 - 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- 01/2011 - 12/2013: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.
- 12/2013 - 01/2015: Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 01/2015 - 06/2018: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 6/2018 - 12/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 12/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Nguyễn Hải Âu

Chức vụ: Thành viên HĐQT (độc lập)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1973 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế, Luật sư.

#### Quá trình công tác

- 12/1998 - 06/2001: Chuyên viên Phòng Hợp tác Quốc tế, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).
- 06/2001 - 12/2007: Chuyên viên Ban Luật, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2008 - 01/2009: Chuyên viên chính Ban Luật và Quan hệ Quốc tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 02/2009 - 01/2012: Phó Trưởng ban Ban Luật và Quan hệ Quốc tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 02/2012 - 05/2018: Phó Trưởng ban Pháp chế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - 04/2019: Chuyên viên chính Ban Pháp chế và Kiểm tra, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 04/2019 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Hà Đồng

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1965 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ  
máy và thiết bị công nghiệp Dầu khí

#### Quá trình công tác

- 08/1999 - 05/2001: Kỹ sư trưởng, Phó Trưởng phòng Cơ khí năng lượng, Công ty liên doanh NMLD Việt Nga.
- 06/2001 - 02/2010: Phó Trưởng phòng Công nghệ, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 03/2010 - 03/2014: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- 03/2014 - 08/2017: Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- 08/2017 - 06/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.
- 07/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn



### Ông Nguyễn Bá Phước

Chức vụ: Thành viên HĐQT (độc lập)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1978 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ  
kết cấu, kỹ sư công trình biển dầu khí

#### Quá trình công tác

- 07/2006 - 06/2009: Giám đốc Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế (AFFLUX).
- 07/2009 - 05/2018: Đảm nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng ban, Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Khương Lê Thành

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:  
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

**Năm sinh:** 1977 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ  
Quản lý kinh tế; Kỹ sư Lọc hóa dầu

#### Quá trình công tác

- 01/2002-09/2002: Kỹ sư đào tạo Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga.
- 09/2002-12/2008: Kỹ sư giám sát An toàn phòng Giám sát xây lắp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 12/2008 - 07/2009: Phó Trưởng phòng phụ trách phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2009 - 09/2016: Trưởng phòng Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 09/2016 - 07/2018: Phó TGD Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 - 02/2020: Phó TGD Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 02/2020 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Ông Bùi Minh Tiến**

Chức vụ: Tổng Giám đốc  
(Thành viên HĐQT)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1969 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,  
Cử nhân khoa học Vật lý

**Quá trình công tác**

- 05/2007 - 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- 01/2011 - 12/2013: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.
- 12/2013 - 01/2015: Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 01/2015 - 06/2018: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 6/2018 - 12/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau
- 12/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

**Ông Nguyễn Ngọc Anh**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1962 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Tiến sỹ  
Quản lý kinh tế, Thạc sỹ Kỹ thuật,  
Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, Kỹ sư Tàu  
biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

**Quá trình công tác**

- 01/2008 - 06/2014: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping).
- 07/2014 - 10/2015: Phó TGD Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans).
- 10/2015 - 07/2018: Phó TGD Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 - đến nay: Phó TGD Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

**Ông Nghiêm Đức Dương**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1976 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ  
Quản lý dự án, Kỹ sư công trình thủy

**Quá trình công tác**

- 12/2006 - 03/2009: Phó Trưởng phòng GSXL, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 03/2009 - 02/2010: Trưởng phòng GSXL, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 02/2010 - 02/2012: Phó Trưởng ban Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau.
- 02/2012 - 12/2014: Phó Trưởng ban Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu.
- 12/2014 - 04/2018: Phó Trưởng ban Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1, kiêm Đại biểu HĐND tỉnh Hậu Giang khóa IX 2016-2021.
- 05/2018 - 07/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, kiêm Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất.

**Ông Bùi Ngọc Dương**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1975 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kỹ  
thuật hóa dầu, Kỹ sư Lọc hóa dầu

**Quá trình công tác**

- Từ 08/2000 đến 06/2008: Chuyên viên Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ 06/2008 đến 10/2010 Chuyên viên Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2010 - 08/2014: Phó Trưởng phòng Dự án, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 09/2014 - 05/2018: Phó Trưởng ban Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 06/2018 - 04/2019: Phó Trưởng ban phụ trách Ban Khí & Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 04/2019 - 01/2020: Trưởng Ban Khí và Chế biến Dầu khí (Ban Công nghiệp Khí và Lọc hóa dầu), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 02/2020 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.





### Ông Trần Đoàn Thịnh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:  
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

**Năm sinh:** 1980 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ quản lý Kinh tế, Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Lọc hóa dầu

#### Quá trình công tác

- 02/2004 – 04/2009: Trợ lý Phó Trưởng ban Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 04/2009 – 06/2009: Phó Trưởng phòng TCHC, Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 06/2009 – 08/2010: Phó Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí (nay là Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí – PVBuilding).
- 08/2010 – 05/2011: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và phát triển Nhà Dầu khí.
- 05/2011 – 03/2019: Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí.
- 03/2019 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Nguyễn Việt Thắng

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1975 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, Kỹ sư Lọc hóa dầu

#### Quá trình công tác

- 10/1997 – 01/1999: Chuyên viên Ban QLDA NMLD Số 1 Dung Quất.
- 02/1999 – 02/2003: Chuyên viên Phòng Thương mại, Công ty Liên doanh NMLD Việt Nga.
- 03/2003 – 12/2003: Chuyên viên Phòng Thương mại Hợp đồng, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 12/2003 – 03/2006: Trợ lý Trưởng ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 04/2006 – 11/2006: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 12/2006 – 11/2008: Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 11/2008 – 10/2015: Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 10/2015 – 04/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn, trực tiếp làm Trưởng ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất.
- 04/2018 – 05/2020: Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Dầu Việt Nam.
- 05/2020 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Bạch Đức Long

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1976 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Tài chính doanh nghiệp

#### Quá trình công tác

- 10/2006 – 01/2008: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu khí.
- 01/2008 – 08/2008: Phụ trách Tài chính kế toán Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển An toàn Môi trường Dầu khí.
- 11/2008–04/2009: Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) Sài Gòn.
- 05/2009 – 08/2010: Kế toán trưởng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn.
- 08/2010 – 05/2016: Kế toán trưởng Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam.
- 05/2016 – 06/2016: Phó Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 06/2016 – 02/2018: Phó Giám đốc chi nhánh, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau – Ban QLDA chuyên ngành.
- 02/2018 – 05/2019: Phó Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau
- 05/2019 – đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban TCKT, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

### Ông Nguyễn Duyên Cường

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Đã miễn nhiệm từ ngày 05/05/2020)

**Năm sinh:** 1971 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Tiến sỹ Kinh tế

### Ông Đinh Thái Hà

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Từ trần ngày 03/10/2020)

**Năm sinh:** 1972 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế



## DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

**Ông Phạm Ngọc Quý**

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1973 / **Quốc tịch:** Việt Nam**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ (Anh văn)**Quá trình công tác**

- 08/2000 – 02/2003: Chuyên viên Tài chính tín dụng, Công ty Liên doanh NMLD Việt – Nga (Vietross).
- 02/2003 – 10/2007: Chuyên viên Phòng Thương mại (từ 06/2005 là phòng Kế hoạch Hợp đồng) Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 10/2007 – 09/2010: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 09/2010 – 06/2018: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 07/2018 – đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

**Ông Hoàng Ngọc Xuân**

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1982 / **Quốc tịch:** Việt Nam**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Ngân hàng**Quá trình công tác**

- 12/2009 – 12/2010: Trưởng Phòng Giao dịch, Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 12/2010 – 03/2012: Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 04/2012 – 04/2013: Trưởng Phòng Giao dịch, Phòng Giao dịch 02 – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 05/2013 – 12/2013: Thư ký Phó Tổng Giám đốc, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 01/2014 – 06/2018: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 07/2018 – đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

**Ông Vũ Lê Huy**

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV CNTT Dung Quất

**Năm sinh:** 1978 / **Quốc tịch:** Việt Nam**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Ngân hàng Tài chính**Quá trình công tác**

- 11/2001 – 08/2008: Làm việc tại Công ty Tài chính Dầu khí và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 08/2008 – 07/2010: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 07/2010 – 01/2014: Kiểm soát viên chính tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất
- 01/2014 – 05/2015: Kiểm soát viên chuyên trách tại Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Công Thương (tháng 5/2014 Hàm Phó Vụ trưởng Bộ Công Thương)
- 06/2015 – 07/2015: Hàm Phó Vụ trưởng, Kiểm soát viên chuyên ngành phụ trách chung tại Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam.
- 08/2015 – đến nay: Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất
- 07/2018 – đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) tại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



## DANH SÁCH BAN GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT



### Ông Mai Tuấn Đạt

Chức vụ: Giám đốc Nhà máy

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1976 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ QTKD quốc tế, Kỹ sư Tự động hóa các XN công nghiệp

#### Quá trình công tác

- 12/2010 – 02/2011: Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa, Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 03/2011 – 02/2016: Trưởng phòng Bảo dưỡng sửa chữa, Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn kiêm nhiệm Phó phòng Kỹ thuật tổng hợp Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 03/2016 – 12/2017: Trưởng ban Vận hành sản xuất, Công ty Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 01/2018 – 10/2019: Phó Giám đốc Nhà máy kiêm phụ trách Trưởng ban Kiểm tra thiết bị, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 10/2019 – 02/2020: Giám đốc Nhà máy kiêm phụ trách Trưởng ban Kiểm tra thiết bị, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 02/2020 – 08/2020: Giám đốc Nhà máy kiêm phụ trách Trưởng ban Bảo dưỡng sửa chữa, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 08/2020 – đến nay: Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Đặng Ngọc Đình Điệp

Chức vụ: Phó Giám đốc Nhà máy

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

**Năm sinh:** 1977 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Hoá dầu

#### Quá trình công tác

- 03/2008 – 06/2009: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Ban QLDA NMLD Dung Quất.
- 06/2009 – 11/2013: Trưởng Bộ phận Công nghệ Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 11/2013 – 02/2015: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 02/2015 – 03/2016: Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 03/2016 – 01/2017: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 01/2017 – 10/2019: Phó trưởng ban Nghiên cứu phát triển, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn.
- 10/2019 – đến nay: Phó Giám đốc nhà máy phụ trách kỹ thuật công nghệ, Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn.



### Ông Cao Tuấn Sĩ

Chức vụ: Phó Giám đốc Nhà máy kiêm Trưởng ban Vận hành sản xuất

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV CNTT Dung Quất

**Năm sinh:** 1975 / **Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản lý kinh tế, Kỹ sư Công nghệ hóa dầu

#### Quá trình công tác

- 03/2003 – 05/2010: Chuyên viên/Kỹ sư Công nghệ phòng Giám sát công nghệ, Ban QLDA Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất.
- 06/2010 – 03/2011: Giám đốc khu vực Chung cất dầu thô, Phòng Sản xuất – Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 03/2011 – 03/2012: Chuyên viên phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 03/2012 – 03/2016: Giám đốc khu vực, Phân xưởng Polypropylen – Phòng Sản xuất, Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 03/2016 – 12/2017: Phó Trưởng phòng Sản xuất – Phó Trưởng ban Vận hành sản xuất, Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 12/2017 – 10/2019: Trưởng ban Vận hành sản xuất, Công ty Lọc Hóa dầu Bình Sơn.
- 10/2019 – đến nay: Phó Giám đốc Nhà máy phụ trách sản xuất, kiêm nhiệm Trưởng ban Vận hành sản xuất, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.





## CÔNG TY CON

### Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

**Trụ sở chính:**

Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

**Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 02/04/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08/09/2017

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...

**Vốn điều lệ đăng ký:** 175.222.840.000 đồng

**Cổ phiếu của PV Building (mã chứng khoán: PBT):**

đã giao dịch trên UPCOM từ ngày 18/01/2019 theo Thông báo số 43/TB-SGDHN ngày 14/01/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Số lượng cổ phần BSR sở hữu:** 14.589.284 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 83,26% vốn điều lệ).

## CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

**Trụ sở chính:**

Đường Võ Văn Kiệt, thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

**Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:**

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300468798 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/02/2018

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

Xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình,...

**Vốn điều lệ đăng ký:** 100.000.000.000 đồng

**Vốn điều lệ thực góp:** 80.000.000.000 đồng

**Số lượng cổ phần BSR sở hữu:** 700.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 8,75% vốn điều lệ).

### Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

**Trụ sở chính:**

KCN phía Đông – Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

**Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Số 3403000191 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 29/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/01/2018

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

Sản xuất, bán buôn nhiên liệu sinh học và các sản phẩm liên quan

**Vốn điều lệ đăng ký:** 982.000.000.000 đồng

**Số lượng cổ phần BSR sở hữu:** 59.902.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 65,54% vốn điều lệ).

### Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)

**Trụ sở chính:**

KCN Dầu khí Long Sơn, xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:**

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500889978 ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13/08/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp

**Ngành nghề kinh doanh chính:**

Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn trữ dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ Nhà máy lọc dầu

**Vốn điều lệ đăng ký:** 95.467.730.000 đồng

**Vốn điều lệ thực góp:** 95.467.730.000 đồng

**Vốn góp của BSR:** 4.244.000.000 VNĐ (Tỷ lệ sở hữu: 5,03% vốn điều lệ).





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



“ Xây dựng BSR trở thành Công ty Lọc hóa dầu chủ động, năng động, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với an toàn và bảo vệ môi trường.

## MỤC TIÊU TRỌNG TÂM

Xây dựng BSR trở thành Công ty Lọc hóa dầu chủ động, năng động, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với an toàn và bảo vệ môi trường.



Hoàn thành dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.



Tìm kiếm, mở rộng nguồn đầu thô cung cấp cho Nhà máy.



Đa dạng hóa sản phẩm, tích hợp hóa dầu.

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với phương châm “An toàn – Hiệu quả – Bền vững”, Công ty đã xây dựng các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện được các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo được các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững:

Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo. Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.

Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và làm tốt công tác an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.



# QUẢN TRỊ RỦI RO



“ BSR đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch sản xuất, kinh doanh trên nền các kịch bản về giá dầu để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động.

“ Đến nay, Nhà máy luôn hoạt động an toàn và ổn định, đạt mốc 30 triệu giờ công an toàn (10/03/2021), không có tai nạn lao động, mất ngày công (LTI).

## RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty đã chú trọng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro từ những ngày đầu thành lập. Đến nay, Nhà máy luôn hoạt động an toàn và ổn định, đạt mốc 30 triệu giờ công an toàn (10/03/2021), không có tai nạn lao động, mất ngày công (LTI). Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, các chỉ số môi trường luôn đạt được các quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Công ty đã xây dựng, duy trì áp dụng, cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 45001, ISO 14001, các thành phần của hệ thống quản lý an toàn công nghệ; xây dựng và thường xuyên tổ chức diễn tập các phương án ứng phó sự cố khẩn cấp, trang bị đầy đủ các thiết bị để sẵn sàng ứng phó với các sự cố khẩn cấp, giảm thiểu các rủi ro gây ra đối với con người, tài sản, môi trường.

Công ty chủ động phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước tổ chức các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy.

Nhiều sáng kiến, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường của CBCNV được áp dụng thành công trong hoạt động sản xuất đã mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

## RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

**Rủi ro cung vượt cầu:** Thị trường dầu mỏ và sản phẩm dầu đang đối mặt với nhu cầu thấp do ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19. Trong khi đó, tình hình địa chính trị tại một số nơi trên thế giới và đặc biệt là đối đầu chiến lược Mỹ - Trung Quốc có xu hướng gia tăng cũng là yếu tố ảnh hưởng đến thị trường dầu mỏ trong thời gian tới. Nhu cầu năng lượng hóa thạch tại các nước phát triển giảm sút, nguồn cung sẽ dồn về khu vực châu Á, đặc biệt là các nước ASEAN. Do đó, thị trường nội địa từ năm tới sẽ gặp sự cạnh tranh rất khốc liệt. Vì vậy, BSR sẽ linh động tỷ lệ Term/Spot và trong nước/nhập khẩu để chủ động hơn trong công tác thu xếp nguồn dầu thô và tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh ký kết các hợp đồng dài hạn nhằm ổn định nguồn cung đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

**Rủi ro từ các đối thủ cạnh tranh:** BSR có chiến lược bán hàng phù hợp nhằm tăng lợi thế cạnh tranh so với hàng nhập khẩu và nội địa: tập trung vào các khách hàng lớn, lâu năm, chú trọng và giữ vững thị trường chủ lực (miền Trung và miền Nam); có chính sách giá cạnh tranh cũng như ký hợp đồng

tiêu thụ sản phẩm dài hạn. Bên cạnh đó, BSR đẩy mạnh phối hợp xây dựng chuỗi cung ứng trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh để ổn định sản xuất và phát triển.

**Rủi ro về biến động giá ảnh hưởng đến hiệu quả lọc dầu:** Giá dầu thô biến động do những tác động từ nhu cầu, nguồn cung và an ninh kinh tế thế giới. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh, giá thành sản phẩm chính của BSR cùng lợi nhuận lọc dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự biến động của giá dầu trên thế giới. Việc giá dầu diễn biến phức tạp, tăng/giảm không ổn định ngoài tầm kiểm soát ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR. Để phòng ngừa rủi ro về giá dầu trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn, BSR đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch sản xuất, kinh doanh trên nền các kịch bản về giá dầu để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động.



Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô đã được ban hành theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/09/2011. Tuy nhiên đến nay Chính phủ vẫn chưa ban hành lộ trình lưu hành các sản phẩm xăng dầu với chất lượng khác nhau (tương đương tiêu chuẩn Euro II, III, IV, V), gây bị động cho các doanh nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch để đáp ứng lộ trình này. Song song với việc triển khai dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất, BSR đã và đang tiếp tục làm việc, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền để có phương án tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu hiện nay của BSR theo tiêu chuẩn Euro II/III cho tới khi hoàn thành việc nâng cấp chất lượng sản phẩm lên tiêu chuẩn Euro V.

**Rủi ro phát triển sản phẩm thay thế:** Dịch bệnh Covid-19 là yếu tố đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Mặc dù các dự báo cho rằng nhu cầu dầu sẽ tăng trở lại trong năm 2021, nhưng nhìn chung, về lâu dài nhu cầu sẽ suy giảm dần hoặc sụt giảm mạnh hơn nếu các đầu tàu kinh tế chuyển đổi dần sang nền kinh tế xanh. Tuy nhiên, việc phát triển các nguồn năng lượng sạch cần lộ trình dài hạn, kinh phí đầu tư lớn. Trước bối cảnh này, để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và phát triển thị trường, BSR không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo và cải tiến chất lượng sản phẩm. Trong ngắn hạn, BSR có thể chủ động trong việc tiêu thụ các loại sản phẩm lọc hóa dầu tại thị trường Việt Nam và trong khu vực trước các rủi ro phát triển sản phẩm mới.

## RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

**Rủi ro về lãi suất:** Đây là rủi ro phát sinh khi có sự biến động của chênh lệch lãi suất, giữa lãi suất đầu tư tiền gửi ngân hàng với lãi suất phải trả cho việc đi vay, dẫn đến làm giảm thu nhập tài chính của Công ty. Vì vậy, BSR luôn chú trọng đến công tác lập kế hoạch, cân đối dòng tiền hàng tháng, phân tích, đánh giá để quyết định gửi tiền, vay vốn đạt tối ưu và hiệu quả.

**Rủi ro về tỷ giá:** Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro về tỷ giá, BSR thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước, theo dõi sát sao các biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án kinh doanh phù hợp, linh hoạt và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Với số dư vốn vay ngoại tệ lớn và sử dụng ngoại tệ trong giao dịch kinh doanh và trả nợ vay, biến động về tỷ giá ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của BSR. Để giảm thiểu rủi ro này, BSR luôn triển khai đến các Ngân hàng về việc chào tỷ giá ngoại tệ cạnh tranh cho từng giao dịch, lựa chọn mua với tỷ giá thấp nhất và trích lập dự phòng rủi ro tỷ giá.

## RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG, TUÂN THỦ

Công ty đã xây dựng và cập nhật liên tục hệ thống các văn bản quản lý nội bộ các quy chế, quy định, quy trình tuân thủ theo quy định của Pháp luật về công ty cổ phần, tuân thủ yêu cầu của các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001 và ISO 50001. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên triển khai các đợt đánh giá sự tuân thủ các Quy chế, quy định và Quy trình trong toàn Công ty để đảm bảo tính hiệu lực của các văn bản quản lý nội bộ cũng như sự tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## ẢNH HƯỞNG TỪ SỰ THAY ĐỔI CỦA CHÍNH SÁCH

Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô đã được ban hành theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/09/2011 dự báo gây ra các khó khăn đối với BSR trong việc tiêu thụ sản phẩm với tiêu chuẩn khí thải Euro II/III của nhà máy lọc dầu Dung Quất từ năm 2022. BSR đang triển khai đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất để sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn mức Euro V. BSR đã gửi các báo cáo tới các cơ quan liên quan để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định yêu cầu chất lượng sản phẩm đáp ứng theo tiêu chuẩn khí thải EURO IV/V đối với sản phẩm của nhà máy lọc dầu Dung Quất cho đến khi hoàn thành dự án này.

Với sản phẩm không thuộc danh mục chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (quy định Nghị định số 146/2017/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ) trong trường hợp dầu thô nội địa đưa vào chế biến trên 51%, BSR đã có báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính hỗ trợ ý kiến để Chính phủ xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ Dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu. Bên cạnh đó, BSR đã trình Bộ Tài chính phương thức xác định tỷ lệ giá trị sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ dầu thô trong nước và nhập khẩu để kê khai hoàn thuế GTGT khi xuất khẩu sản phẩm.



## RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Hiện nay, BSR tham gia góp vốn vào 04 công ty với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là 899,3 tỷ đồng, trong đó có 02 Công ty con (Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí – PV Building và Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Miền Trung Dung Quất – BSR – BF) và 02 công ty liên kết (Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí – PMS, Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam – PVOS).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty PV Building và PMS tương đối ổn định, có triển vọng phát triển và sinh lời qua các năm. Đối với Công ty PVOS (BSR tham gia góp vốn với giá trị đầu tư 4,2 tỷ đồng): Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng dự án nên chưa phát sinh doanh thu.

BSR đã tiến hành thủ tục để thoái vốn tại PMS, PVOS. Tuy nhiên công tác thoái vốn tại 2 đơn vị này hiện đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý liên quan đến thoái vốn tại các đơn vị chưa phải là công ty cổ phần đại chúng. BSR đã có công văn kiến nghị cấp có thẩm quyền và sẽ tiếp tục triển khai thực hiện công tác thoái vốn tại PMS, PVOS sau khi có hướng dẫn.

Hoạt động của BSR-BF gặp nhiều khó khăn, chưa đem lại hiệu quả. BSR-BF đã tái khởi động nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất vào tháng 04/2019, và tiếp tục nỗ lực tìm kiếm đối tác để bao tiêu sản phẩm đồng thời thực hiện hợp tác với đối tác để gia công sản phẩm E100.

## RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

BSR đang triển khai dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Hiện dự án đang gặp khó khăn về tiến độ thực hiện do khó khăn trong công tác thu xếp nguồn vốn tài trợ cho dự án cũng như biến động tiêu cực của thị trường dầu mỏ trong thời gian vừa qua. BSR sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực để có các giải pháp thực thi tốt nhất trong quản lý và triển khai dự án này.

## RỦI RO VỀ DỊCH BỆNH COVID-19

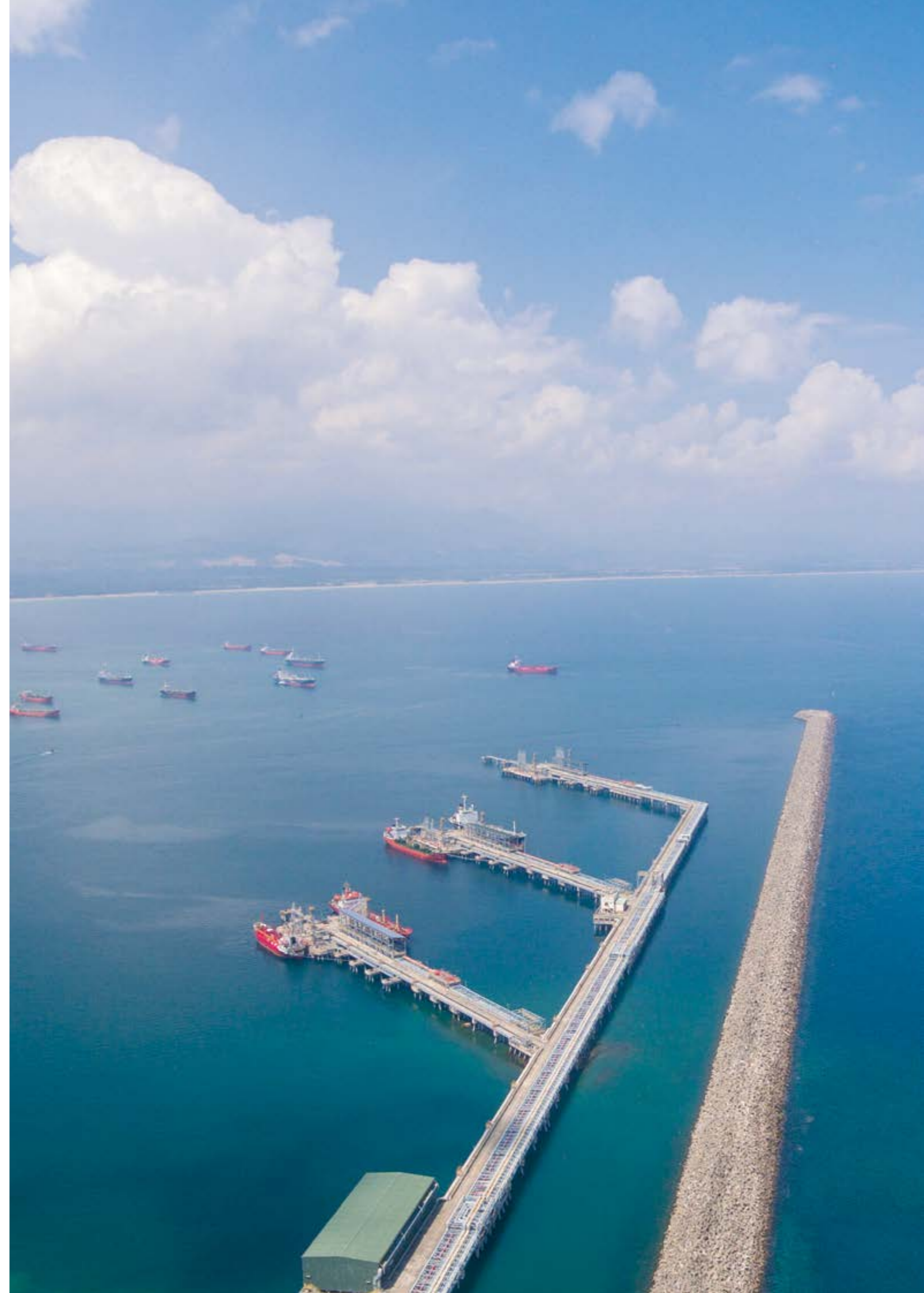
Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường. Trong bối cảnh Việt Nam và nhiều quốc gia ở Châu Á, Châu Âu, Mỹ đóng cửa biên giới, hạn chế nhập cảnh và đi lại đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của BSR;

CBCNV BSR đến từ nhiều vùng miền khác nhau của đất nước, nhân sự Nhà thầu phục vụ Nhà máy đến từ nhiều nước khác nhau trên thế giới nên nguy cơ tiếp xúc với người nhiễm bệnh là rất cao. Điều này có thể ảnh hưởng đến tâm lý và năng suất lao động của CBCNV;

Với tác động của dịch Covid-19, nhu cầu vận tải, lưu thông và sản xuất công nghiệp sụt giảm, dẫn đến xăng dầu sản xuất ra không tiêu thụ hết, tồn kho nhà máy có nguy cơ tank-top, giá thành sản phẩm giảm mạnh;

Để phòng chống và ứng phó với dịch bệnh, BSR thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch bệnh như: Thành lập Ban chỉ đạo và Ban chỉ huy, xây dựng các hướng dẫn phòng chống dịch bệnh, cung cấp đầy đủ các trang thiết bị/vật tư, xây dựng các tình huống ứng phó với dịch để duy trì vận hành nhà máy ổn định trong thời gian dịch bệnh, hạn chế tối đa các ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến BSR.

Toàn bộ CBCNV Công ty đã ý thức được tác động và sự nguy hiểm của dịch bệnh Covid-19 đến sức khỏe bản thân và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để từ đó nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, tỉnh Quảng Ngãi, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và của BSR. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có CBCNV nào mắc Covid-19.



# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 56
- Tổ chức nhân sự 64
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 66
- Tình hình tài chính 70
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 74

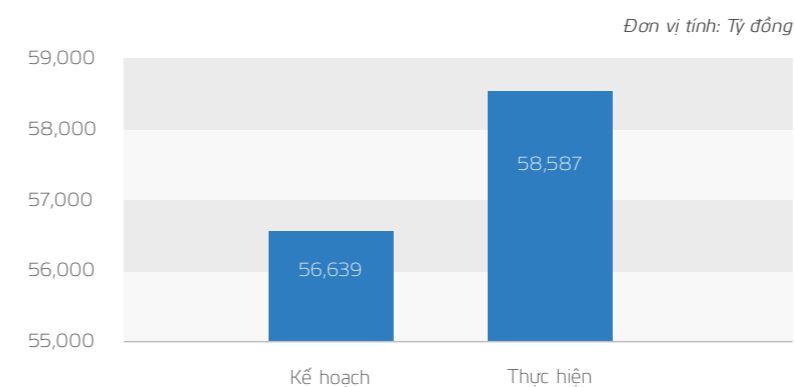


# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

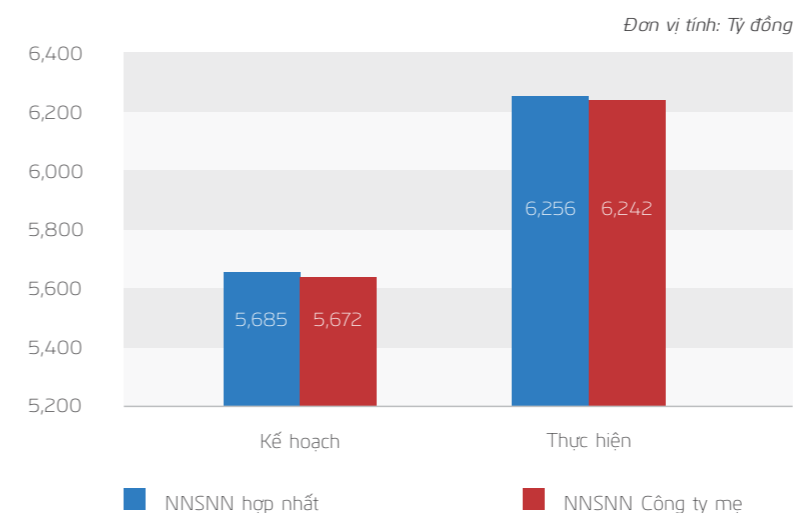
## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH


STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2019	NĂM 2020	
				KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN
<b>I Chi tiêu sản lượng</b>					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.941.440	5.563.551	5.930.486
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.994.597	5.563.551	5.922.021
<b>II Chi tiêu tài chính (hợp nhất)</b>					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	103.429	56.663	58.651,1
2	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.321	5.685	6.256
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.054	-	-2.852,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.873	-	-2.858,1
<b>III Chi tiêu tài chính Công ty mẹ</b>					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	103.330	56.639	58.586,9
2	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.311	5.672	6.242
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.088	-	-2.812,5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.912	-	-2.812,4

## SO SÁNH DOANH THU THỰC HIỆN VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2020



## SO SÁNH THỰC HIỆN NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2020



Sản lượng sản xuất vượt  
**6,6%**   
so với kế hoạch

Về đích trước  
**19 ngày**  
so với kế hoạch sản lượng

Tổng doanh thu công ty mẹ vượt  
**3,4%**   
so với kế hoạch



## PHÂN TÍCH KẾT QUẢ

### VỀ SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT, TIÊU THỤ VÀ DOANH THU

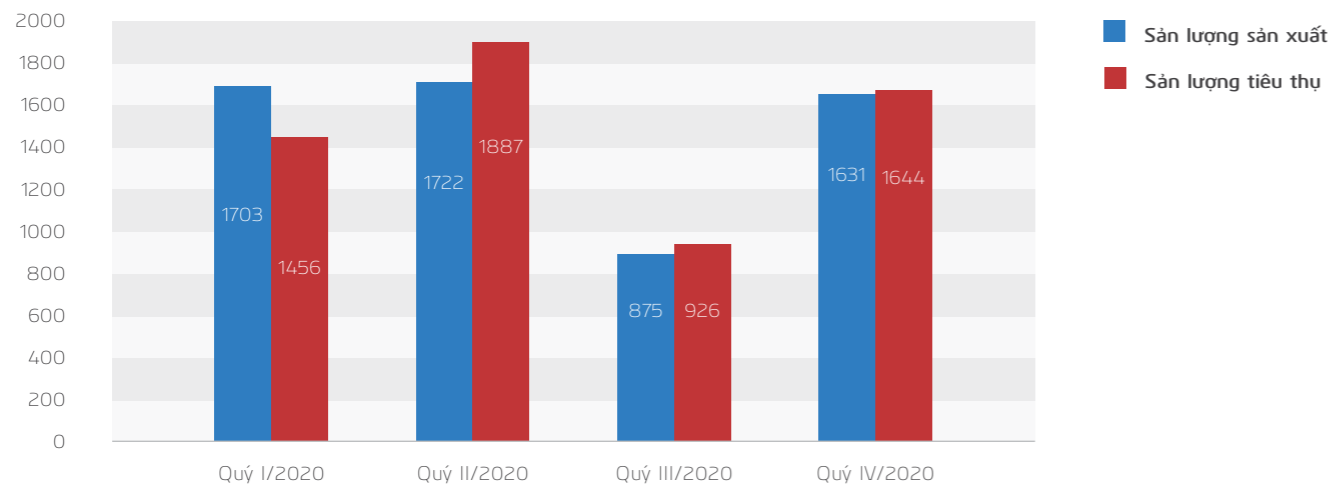
Sản lượng sản xuất của Công ty năm 2020 đạt 5.930.486 tấn, vượt 6,6% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm 2020. So với mức thực hiện năm 2019, sản lượng sản xuất năm 2020 giảm 14,6% do nhà máy dừng sản xuất 51 ngày để thực hiện bảo dưỡng lần 4 (TA4) từ giữa tháng 8 đến đầu tháng 10 khiến sản lượng quý 3 giảm gần 50% so với trung bình hai quý đầu năm. Tuy nhiên sau bảo dưỡng, sản lượng sản xuất trong quý IV đã hồi phục về gần với mức trung bình các quý đầu năm. Từ đó, sản lượng năm 2021 được kỳ vọng hồi phục khoảng 10% so với thực hiện 2020.

Sản lượng tiêu thụ 2020 đạt 5.922.021 tấn, xấp xỉ sản lượng sản xuất và vượt kế hoạch 6,4%.

Ngoại trừ quý I sản lượng tiêu thụ thấp hơn sản xuất do tình hình thị trường khó khăn và giá dầu giảm mạnh đột ngột dẫn đến việc các đại lý tiết giảm hàng tồn kho, sản lượng tiêu thụ các quý sau đều vượt trên sản lượng sản xuất. Điều này cho thấy nỗ lực của BSR trong việc đón đầu sự hồi phục của nhu cầu thị trường trong các tháng cuối năm, giảm áp lực hàng tồn kho, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Doanh thu đạt 58.651 tỷ đồng, vượt 3,5% so với kế hoạch điều chỉnh nhưng thấp hơn 27,3% so với kế hoạch đầu năm chủ yếu do giá dầu thế giới biến động giảm mạnh so với dự kiến.

### SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ THEO QUÝ (ĐƠN VỊ NGHÌN TẤN)

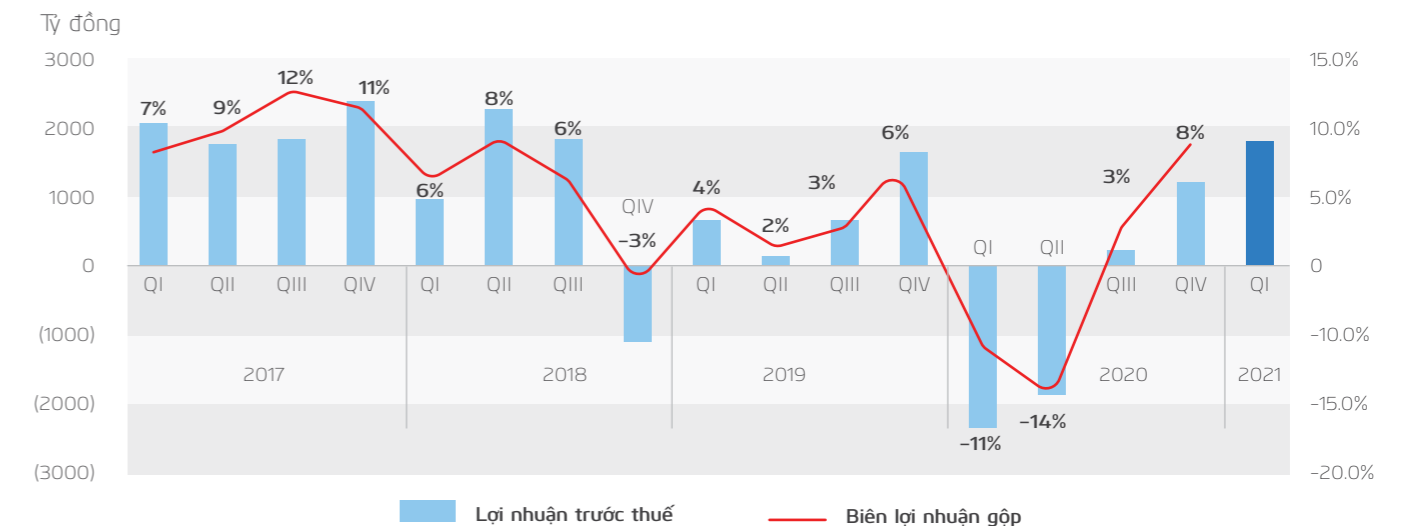


### VỀ LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 ghi nhận mức âm 2.852 tỷ đồng. Trong nửa đầu năm, BSR chịu mức lỗ trước thuế 4.254 tỷ đồng do sự sụt giảm nhu cầu trong nước cùng với sự biến động mạnh của giá xăng dầu theo giá dầu thế giới. Theo định hướng của Tập đoàn, BSR không sử dụng biện pháp hedging mà theo dõi thị trường và đàm phán với các bên, nên sự biến động của giá dầu thường có tác động lớn đến biên lợi nhuận gộp của Công ty.

Tuy nhiên, lợi nhuận có sự hồi phục tốt và dương trở lại trong những quý cuối năm mặc dù bị ảnh hưởng làn sóng Covid thứ 2 trong quý 3/2020 và Công ty phải dừng nhà máy để bảo dưỡng. Biên lợi nhuận gộp 2 quý cuối năm đã hồi phục về mức 6%, là mức trung bình trong giai đoạn 2017-2019 và cải thiện mạnh trong quý I/2021. Ước tính, mức lợi nhuận trước thuế của Công ty trong Quý I/2021 là khoảng 1.803 tỷ.

### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP THEO QUÝ



Sự phục hồi tích cực trong biên lợi nhuận đạt được có một phần quan trọng nhờ Công ty đã chủ động điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp để tối ưu hoá sản lượng công suất nhà máy, đồng thời tiến hành tăng cường rà soát, kiểm soát và cắt giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Năm 2020, do dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh, BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020 tại Nghị quyết số 744/NQ-BSR ngày 11/3/2020 và Chỉ thị số 1067/CT-BSR ngày 16/3/2020 về việc thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chống lãng phí năm 2020. BSR đã nỗ lực rà soát, chủ động tiết giảm tối đa các chi phí chưa thật sự cần thiết, chi mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ kỹ thuật thực sự cần thiết có ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và an ninh, an toàn của Nhà máy. Đồng thời, Công ty cũng chủ động đàm phán giảm giá trị hợp đồng chia sẻ khó khăn trong giai đoạn Covid và đàm phán giãn tiến độ thanh toán phải trả.

Nhờ đó, chi phí sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2020 thấp hơn cùng kỳ 2019. Cụ thể như sau:

	NĂM 2019	NĂM 2020	TĂNG TRƯỞNG
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.267	58.614	-40,4%
Chi phí nhân công	796	686	-13,8%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.669	2.552	-4,4%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.656	1.310	-20,9%
Chi phí bằng tiền khác	362	320	-11,8%

Với kết quả kinh doanh phục hồi tích cực trong các quý cuối năm 2020, BSR tự tin rằng lợi nhuận của Công ty sẽ đạt mức dương trở lại trong năm 2021 trong điều kiện giá dầu ổn định trở lại. Tính đến thời điểm hiện tại, diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm đã từng bước được kiểm soát theo hướng tích cực, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu và giá dầu thô đang từng bước phục hồi.

## VỀ DÒNG TIỀN, SỨC KHOẺ TÀI CHÍNH

Mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn ghi nhận dòng tiền từ hoạt động kinh doanh dương 425 tỷ trong năm 2020. Trong đó, dòng tiền kinh doanh chịu mức âm 1.652 tỷ trong 6 tháng đầu năm do giá dầu biến động mạnh, nhưng hồi phục tích cực và đạt mức dương 2.077 tỷ trong 6 tháng cuối năm, chỉ thấp hơn 11% so với trung bình 6 tháng cuối năm giai đoạn 2017-2019.

Công ty tiếp tục duy trì được giá trị tiền mặt ròng (Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn - Nợ vay ngắn hạn - Nợ vay dài hạn) ở mức dương 759 tỷ tại thời điểm cuối năm 2020, cho thấy sức khỏe tài chính của Công ty ở mức tốt với giá trị tiền mặt của Công ty cao hơn tổng giá trị nợ vay. Các chỉ số tỷ lệ thanh toán hiện thời và thanh toán nhanh cuối năm 2020 mặc dù giảm so với năm 2019 nhưng vẫn duy trì ở mức lành mạnh.

CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018	2019	2020
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	9.102	5.401	4.937	425
Tiền mặt ròng	Tỷ đồng	-1.631	-4.365	2.058	759
Hệ số nợ vay/tổng tài sản	Lần	0,22	0,19	0,12	0,23
Tỷ lệ thanh toán hiện thời	Lần	1,78	1,83	2,08	1,47
Tỷ lệ thanh toán nhanh	Lần	1,33	1,13	1,42	1,06

## CÔNG TÁC AN NINH, AN TOÀN, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

Tính đến hết năm 2020, BSR đã đạt trên 29,2 triệu giờ công an toàn, không để xảy ra tai nạn mất ngày công lao động, không có ca nhiễm virus SARS-CoV-2 và ứng phó hiệu quả với các cơn bão liên tiếp đổ bộ vào miền Trung (đặc biệt là cơn bão số 9 - là cơn bão có cường độ mạnh nhất trong hơn 20 năm qua và đổ bộ trực tiếp vào Quảng Ngãi/NMLD Dung Quất) trong các tháng cuối năm.

## CÔNG TÁC VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

### Công tác vận hành

Mặc dù nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong cả nước giảm mạnh do tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng BSR vẫn đạt và vượt kế hoạch sản lượng sản xuất [nhà máy luôn được duy trì vận hành an toàn, ổn định và liên tục tại 105% công suất thiết kế (không bao gồm giai đoạn bảo dưỡng tổng thể TA4)] và xuất bán; đã hoàn thành 100% chỉ tiêu về sản lượng sản xuất vào lúc 10 giờ 30 phút và chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 12/12/2020 - về đích sớm hơn so với kế hoạch là 19 ngày.

### Bảo dưỡng sửa chữa

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nhân sự do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 (phong toả/dừng các chuyến bay giữa các quốc gia, thực hiện giãn cách xã hội theo yêu cầu của Chính phủ/Bộ/Ngành) và điều kiện cực đoan của thời tiết (nhiều cơn bão liên tiếp đổ bộ vào miền trung, đặc biệt là cơn bão số 9), BSR đã triển khai thành công đợt Bảo dưỡng tổng thể lần 4 và đạt được 04 chỉ tiêu "An toàn - Chất lượng - Tiến độ - Tiết giảm chi phí" (chi phí thấp hơn 10% so với kế hoạch chi phí được duyệt). Đồng thời, BSR đã thực hiện 55.201 lượt bảo dưỡng phòng ngừa (PM) và 4.784 lượt sửa chữa (CM) cho khoảng 24.131 thiết bị đã được quản lý trên hệ thống CMMS với tỷ lệ hoàn thành PM = 95%, CM = 90%. Công tác BDSC thường xuyên đã đạt được các chỉ tiêu đề ra.







## KẾT QUẢ TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT, TIẾT GIẢM CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

### Tối ưu hóa công nghệ

BSR nghiên cứu và vận hành thử nghiệm thành công nâng công suất phân xưởng NHT từ 130% lên 135%, CCR từ 103% lên 110%, ISOMER từ 130% lên 150%, PP từ 112% lên 114% công suất thiết kế. Điều này góp phần linh động công suất vận hành và gia tăng lợi nhuận cho BSR.

### Đa dạng hóa đầu thô chế biến

BSR đã chế biến thử nghiệm thành công lô đầu thô Sokol (Nga) với thể tích phối trộn đạt 20% vol, nâng tổng số loại đầu thô nhập khẩu có thể chế biến lên 14 loại.

### Đa dạng hóa sản phẩm

BSR đã sản xuất và xuất bán 02 sản phẩm mới so với danh mục các sản phẩm đã bán trước đó, bao gồm Treated LCO và Polypropylene chủng loại Homo Yarn (MFR: 5g/10 phút), góp phần đa dạng hóa sản phẩm và tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

### Công tác sản xuất kinh doanh

BSR đã thường xuyên phân tích, đánh giá dự báo, nhận định diễn biến thị trường để tận dụng mọi cơ hội có thể gia tăng hiệu quả SXKD cho BSR như mua chuyển (spot) đầu thô có phụ phí thấp tại thời điểm giá dầu ở vùng đáy; tối ưu công suất vận hành, cơ cấu sản phẩm trên cơ sở cung cầu của thị trường; gửi kho sản phẩm chờ thời điểm giá tốt để bán, v.v.... Điều độ linh hoạt công tác xuất nhập để Nhà máy không bị tanktop, tận dụng cơ hội để gia tăng doanh thu, lợi nhuận khi thị trường hồi phục.

### Công tác khoa học kỹ thuật công nghệ, phát huy sáng kiến

Trong năm 2020, người lao động BSR đã đăng ký trên 1.400 Kaizen trên hệ thống với cơ hội làm lợi đến hàng trăm tỷ đồng. BSR đã đạt 01 giải thưởng Hội thi sáng tạo toàn quốc lần thứ 15, 04 giải thưởng VIFOTEC, giải Ba cuộc thi Nhóm cải tiến năng suất chất lượng ngành Công Thương năm 2020, giải A cấp Tập đoàn về Công trình KHCN Dầu khí giai đoạn 2015 - 2019 và đạt 06 sáng kiến cấp Tập đoàn.

### Tối ưu hóa năng lượng

Trong năm 2020, BSR luôn thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng năng lượng theo Hệ thống ISO 50001 và chỉ số EII được duy trì ở mức tối ưu nhất có thể. BSR đã tích cực triển khai các giải pháp tối ưu hóa, đến nay đã thực hiện thành công tại hiện trường 13/28 giải pháp, đang triển khai 13/28 giải pháp và 02/28 giải pháp không khả thi về mặt kỹ thuật và/hoặc hiệu quả kinh tế.

### Tiết giảm chi phí

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu trong năm 2020, BSR đã chủ động rà soát và tiết giảm tối đa các chi phí có thể. Kết quả đạt được như sau: chi phí SXKD phát sinh trong kỳ (không bao gồm chi phí đầu thô) đã thực hiện thấp hơn 23,02% (tương ứng giảm gần 2.000 tỷ đồng) so với Kế hoạch đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận. Chi phí chế biến khoảng 4,00 USD/thùng đầu thô - thấp hơn Kế hoạch 2020 và thực tế năm 2019.

**02** Sản phẩm mới  
xuất bán

- Treated LCO
- Polypropylene chủng loại Homo Yarn (MFR: 5g/10 phút)

**1.400** Kaizen  
(sáng kiến)

được đăng ký trên hệ thống

**23,02%**

Tương ứng gần 2000 tỷ đồng  
Tiết giảm chi phí SXKD

## CUNG ỨNG ĐẦU THÔ VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

### Cung cấp đầu thô

Năm 2020, BSR mua khoảng 6,45 triệu tấn đầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông) là 4,35 triệu tấn, khối lượng đầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Bonny Light và Sokol) là 2,1 triệu tấn.

### Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2020 thể hiện ở bảng sau:

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SỐ SÁNH
1	Polypropylene	Tấn	140.690	155.586	110,6%
2	LPG	Tấn	402.238	398.309	99,0%
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	37.456	39.329	105,0%
4	Xăng RON 91/92	Tấn	669.778	786.343	117,4%
5	Xăng RON 95	Tấn	1.367.023	1.666.724	121,9%
6	Jet A1	Tấn	468.088	199.545	42,6%
7	Diesel Oil	Tấn	2.342.011	2.469.785	105,5%
8	FO/MFO	Tấn	133.271	145.221	109,0%
9	Treated LCO	Tấn	-	58.789	-
10	Lưu huỳnh	Tấn	2.996	2.391	79,8%
<b>TỔNG</b>			<b>5.563.551</b>	<b>5.922.021</b>	<b>106,4%</b>

Năm 2020, sản phẩm xăng dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên nhu cầu thị trường giảm mạnh, đặc biệt là giai đoạn cuối tháng 2/2020 đến giữa tháng 4/2020. Giai đoạn này các đầu mối gặp khó khăn về sức chứa nên đã có tình trạng gián kế hoạch tiếp nhận hàng. Tồn kho sản phẩm của BSR ở mức rất cao, đối diện với nguy cơ tank top, đặc biệt là mặt hàng xăng. BSR đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp bên cạnh việc bám sát thị trường, như thường xuyên trao đổi, đơn đốc khách hàng nhận hàng; đồng thời tăng cường bán spot, bán bổ sung term để giảm áp lực tồn chứa và hạn chế ảnh hưởng giảm giá hàng tồn kho, nỗ lực mở rộng các hợp đồng mini-term. Giảm công suất và duy trì mở mức hợp lý, tổ chức gửi kho 30.000 m3 xăng trong tháng 3-4/2020 để đảm bảo khả năng tồn chứa và tránh dừng nhà máy do không còn khả năng lưu chứa (tanktop).

Thị trường dần hồi phục vào đầu tháng 5/2020, giá đầu thô, sản phẩm tăng dần đến tháng 8/2020, khách hàng đã tăng cường nhận hàng trở lại. BSR đã thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả SXKD như linh hoạt kế hoạch sản xuất, tối ưu công suất, chế độ vận hành, cơ cấu sản phẩm và linh hoạt trong công tác điều độ tồn kho cũng như xuất bán sản phẩm xăng dầu.

Từ cuối tháng 8/2020 đến hết năm 2020, sản phẩm tiêu thụ tiếp tục chịu tác động của dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần hai lan rộng nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ và châu Âu. Từ đầu tháng 9/2020 đến đầu tháng 11/2020, giá đầu thô, sản phẩm đảo chiều giảm giá do nhu cầu thấp.

Tình hình nhận xăng dầu tháng 11/2020 và đầu tháng 12/2020 tốt lên hẳn so với trước đó, tuy nhiên do thời tiết xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ xuất bán sản phẩm.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2020, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ghi nhận sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

- Ông Lê Xuân Huyền miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 04/02/2020.
- Ông Nguyễn Văn Hội được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 04/02/2020.
- Ông Khuong Lê Thành được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 04/02/2020.
- Ông Nguyễn Văn Hội được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 04/02/2020.
- Ông Khuong Lê Thành được bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 04/02/2020.
- Ông Bùi Ngọc Dương được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 03/02/2020.
- Ông Nguyễn Việt Thắng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 05/05/2020.
- Ông Nguyễn Duyên Cường được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 05/05/2020.
- Ông Đinh Thái Hà, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn từ trần ngày 03/10/2020.

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Số lượng cán bộ, nhân viên



### Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

BSR luôn đảm bảo chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ chính sách cho người lao động. Trong năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực của Tập thể CBCNV Công ty, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ chính sách khác của Người lao động vẫn luôn được đảm bảo. Tiền lương, tiền thưởng năm 2020 của người lao động được giữ ở mức ổn định so với năm 2019.

BSR xây dựng Quỹ tiền lương, Quỹ thưởng cho người lao động và người quản lý căn cứ vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động

- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn - bệnh nghề nghiệp, chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; thực hiện chế độ khám chữa bệnh định kỳ đối với người lao động, phụ cấp tiền ăn ca, chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chế độ nhà ở, xe đưa đón CBCNV đi làm việc hàng ngày..



### Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

BSR luôn chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện được 98 khóa đào tạo cho 8.336 lượt người, đạt 112% số lượt người so với kế hoạch cả năm đã được phê duyệt. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 5,64 tỷ đồng.

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Theo kế hoạch được duyệt, năm 2020 BSR triển khai các dự án đầu tư chuyển tiếp (01 dự án nhóm A và 01 dự án nhóm C); chuẩn bị đầu tư (01 dự án nhóm B và 01 dự án nhóm C) và các hạng mục mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị với giá trị kế hoạch là 326,3 tỷ đồng. Kết quả thực hiện chi tiết như sau:

STT	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2020	% TH SO VỚI KH
<b>I</b>	<b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>326,30</b>	<b>137,00</b>	<b>42,0</b>
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	147,20	66,91	45,5%
2	Các dự án đầu tư khác, trong đó	Tỷ đồng	3,50	1,96	56,0%
2.1	+ Các dự án chuyển tiếp năm 2019	Tỷ đồng	2,10	1,96	93,3%
2.2	+ Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2020	Tỷ đồng	1,4	-	-
3	Mua sắm tài sản cố định	Tỷ đồng	175,70	68,13	38,8
<b>II</b>	<b>Giá trị giải ngân</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>326,30</b>	<b>99,46</b>	<b>30,5%</b>
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	326,30	99,46	30,5%
2	Vốn vay + Khác	Tỷ đồng	-	-	-



## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

### Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất:

**Gói thầu EPC:** Đang triển khai công tác lựa chọn nhà thầu EPC giai đoạn 2.

**Công tác thu xếp tài chính:** Nhà thầu tư vấn thu xếp tài chính đã báo cáo phương án thu xếp vốn sơ bộ, BSR đang trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định làm cơ sở triển khai bước tiếp theo.

**Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng, tái định cư (Tiểu dự án):** Đã hoàn thành việc chi trả tiền bồi thường và nhận bàn giao mặt bằng ngày 12/6/2020.

**Công tác rà phá bom mìn, vật nổ:** Đã hoàn thành RPBM trên 95% diện tích trên bờ (108,2ha), 5% diện tích trên bờ còn lại sẽ được triển khai cùng đợt thi công rà phá bom mìn dưới nước.

**Công tác san lấp, chuẩn bị mặt bằng:** Đang hoàn thành các thủ tục cần thiết để phát hành lựa chọn nhà thầu triển khai phù hợp với tiến độ gói thầu EPC.

**Tư vấn quản lý dự án (PMC):** Đang hoàn thành các thủ tục cần thiết để phát hành lựa chọn nhà thầu triển khai phù hợp với tiến độ gói thầu EPC.

### Dự án Đầu tư xây dựng trạm điện 110/22KV kết nối EVN về NMLD:

Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành và trình Báo cáo nghiên cứu khả thi cho BSR, hiện BSR đang tổ chức thẩm tra, thẩm định theo quy định hiện hành trước khi trình cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.



# 95%



Hoàn thành RPBM  
diện tích trên bờ



## CÔNG TY CON

### Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

#### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Theo số liệu Báo cáo tài chính sau kiểm toán, lỗ lũy kế của Nhà máy NLSH Dung Quất (BSR-BF) tính đến 31/12/2020 là 1.140,72 tỷ đồng.

#### Định hướng cho năm 2021

BSR-BF đang làm việc với các đối tác và các bên liên quan để tái khởi động Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất và tiếp tục xử lý các tồn tại, vướng mắc của Dự án Nhà máy NLSH Dung Quất theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/09/2017.

### Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

#### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Tổng doanh thu thuần: 358.300 triệu đồng  
Lợi nhuận sau thuế: 14.495 triệu đồng

#### Định hướng cho năm 2021

Tiếp tục phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, phát triển hoạt động dịch vụ, thương mại ngày càng chuyên nghiệp, vận hành phân xưởng bao bì an toàn, ổn định. Tiếp tục phối hợp triển khai lộ trình thoái vốn của BSR tại PV Building xuống còn 51%.

## CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

#### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Theo số liệu Báo cáo tài chính sau kiểm toán, Doanh thu thuần của Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) là 189.969,44 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế là 2.564,38 triệu đồng.

Doanh thu và Lợi nhuận này đã tăng so với số liệu Báo cáo tài chính năm 2019: Doanh thu thuần năm 2019 là 171.767 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế là 2.170 triệu đồng.

### Công ty TNHH Kho ngậm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)

#### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Ngành nghề kinh doanh chính của PVOS là đầu tư xây dựng và vận hành kho ngậm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ nhà máy lọc dầu. Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai xây dựng các dự án nên chưa phát sinh doanh thu. Đến 31/12/2020, lỗ lũy kế của PVOS là 25,19 tỷ đồng.



#### ĐỊNH HƯỚNG CHO NĂM 2021 ĐỐI VỚI CÔNG TY PMS VÀ PVOS

BSR đang tiến hành các thủ tục để thoái hết vốn tại PMS, PVOS theo phê duyệt của cấp thẩm quyền. Tuy nhiên công tác thoái vốn tại các đơn vị này đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý (PMS và PVOS không đủ điều kiện để thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng (đấu giá) do không phải là Công ty cổ phần đại chúng). BSR sẽ tiếp tục thực hiện công tác thoái hết toàn bộ vốn tại PMS và PVOS sau khi có hướng dẫn từ các cơ quan hữu quan.



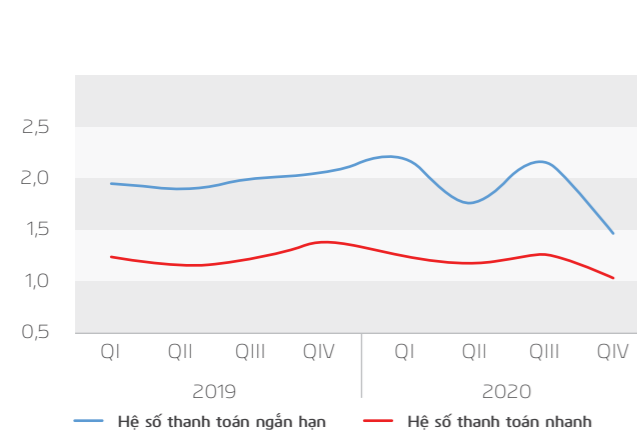
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

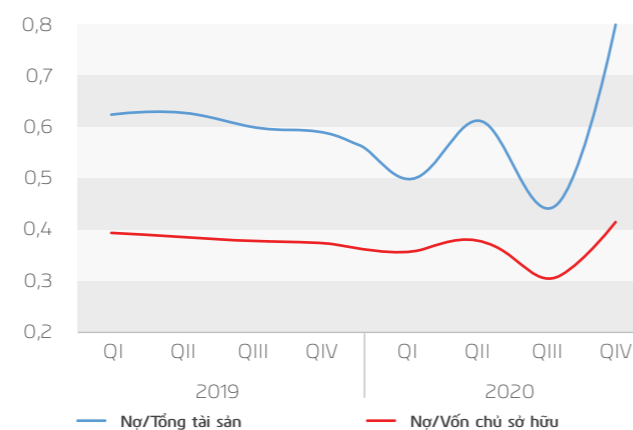
CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020
Tổng giá trị tài sản	53.583.992.996.059	55.894.934.071.073
Doanh thu thuần	102.823.752.645.297	57.959.112.673.412
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.989.878.369.540	(2.877.475.399.985)
Lợi nhuận khác	64.515.872.130	25.047.961.455
Lợi nhuận trước thuế	3.054.394.241.670	(2.852.427.438.530)
Lợi nhuận sau thuế	2.872.997.410.347	(2.858.127.502.374)

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

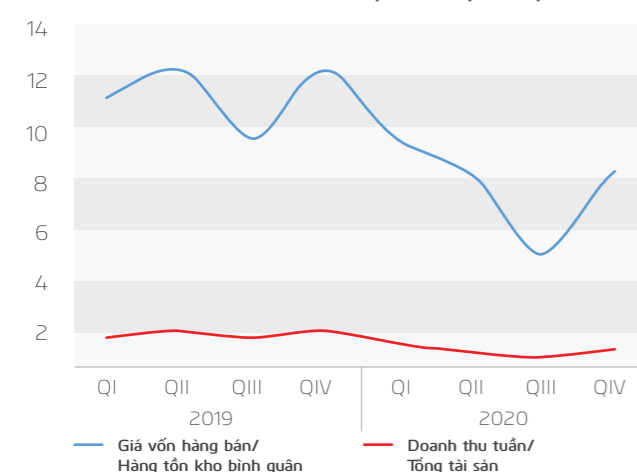
### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



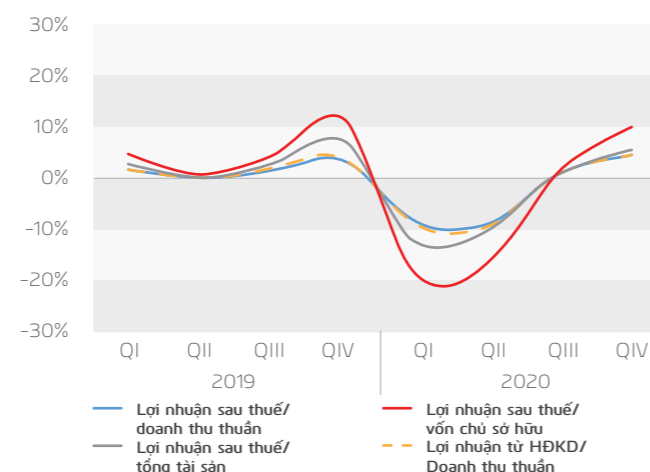
### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



## Các hệ số về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) năm nay là 1,47 thấp hơn năm trước (2,08). Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh năm nay là 1,06 - cũng thấp hơn so với năm 2019 (1,42).

Nguyên nhân chủ yếu làm cho hệ số về khả năng thanh toán thấp hơn năm trước là do năm 2020 Công ty tận dụng lãi suất vay ngắn hạn ưu đãi để tăng cường vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Các hệ số về cơ cấu vốn

Hệ số nợ tài sản (Nợ phải trả / Tổng tài sản) năm nay là 0,44; cao hơn năm trước (0,36). Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả / Vốn CSH) năm nay là 0,80 cao hơn so với năm trước (0,57). Nguyên nhân chủ yếu làm cho các hệ số này tăng là do năm 2020 lãi suất vay có nhiều thuận lợi nên Công ty tăng cường vay vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh.

## Các hệ số hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân): Hệ số vòng quay hàng tồn kho năm nay là 7,57 trong khi năm trước là 11,09; nguyên nhân chủ yếu là do năm 2020 nhà máy dừng bảo dưỡng nên sản lượng tiêu thụ giảm làm cho giá vốn hàng bán giảm.

Doanh thu thuần/Tổng tài sản: 1,06; thấp hơn so với năm 2019 (1,92). Năm 2020 nhà máy dừng bảo dưỡng tổng thể lần 4 nên sản lượng tiêu thụ thấp hơn năm trước, đồng thời giá dầu giảm hơn so với năm trước làm cho doanh thu bán hàng thấp hơn, kéo theo doanh thu thuần thấp hơn năm trước.

## Các hệ số về khả năng sinh lời

ROA, ROE đều âm, do kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 lỗ.

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

BSR thực hiện việc mua sắm tài sản theo nhu cầu sử dụng và định mức được Công ty quy định. Đối với tài sản cố định, công ty xây dựng và triển khai quy trình quản lý chặt chẽ, thực hiện bảo dưỡng định kỳ, luôn duy trì và nâng cao năng lực sử dụng tài sản.

Công ty đã tuân thủ các quy định của Pháp luật và Công ty về quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả.



## Tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tình hình số dư tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn được cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	419.766.087	600.334.612
Tiền gửi ngân hàng	292.361.429.851	392.065.165.897
Các khoản tương đương tiền	12.499.732.376.959	7.959.732.376.959
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.792.513.572.897</b>	<b>8.352.397.877.468</b>

Tổng tiền và tương đương tiền cuối năm 2020 là 12.793 tỷ đồng, tăng 4.440 tỷ đồng so với cuối năm 2019, trong đó Công ty mẹ chiếm 99,8%.

**Nguyên nhân chính:** Công ty luôn cân đối nguồn tiền ở mức có lợi nhất; Tiền bán hàng thu được sẽ được cân đối với nhu cầu chi và lãi suất tiền gửi từng thời kỳ. Trong năm 2020 lãi suất vay ngắn hạn có nhiều thuận lợi nên Công ty tăng cường vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Do đó, các khoản tương đương tiền năm nay cao hơn năm trước.

## Phải thu khách hàng

Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản phải thu khách hàng của Công ty là 7.635 tỷ đồng, thấp hơn so với thời điểm 31/12/2019 (9.755 tỷ đồng) và chiếm 13,65% tổng tài sản cuối năm 2020.

Nguyên nhân khoản Phải thu khách hàng thấp so với thời điểm 31/12/2019 là do giá bán bình quân tháng 12/2020 thấp hơn so với tháng 12/2019. Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, không có nợ phải thu quá hạn.

Chất lượng các khoản phải thu: Trong năm, BSR triển khai áp dụng thanh toán theo hình thức LC đối với hầu hết khách hàng nên công tác thu hồi nợ đúng hạn.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: Cuối năm 2020, BSR-BF có hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền là 14.277.100 đồng; số dư lũy kế đến 31/12/2020 là 869.272.576 đồng.

## Hàng tồn kho

Hàng tồn kho gồm:

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
Hàng mua đang đi trên đường	3.182.161.766.44	2.149.988.909.171
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.060.490.326.90	2.921.652.308.590
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.602.126.701.65	1.556.330.335.611
Chi phí SXKD dở dang	926.031.961.338	968.214.423.091
Thành phẩm tồn kho	637.887.278.712	938.986.571.956
Hàng hóa	24.249.007	98.951.807
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.408.722.284.8068</b>	<b>8.535.271.500.226</b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.033.451.474)	(20.033.774.981)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>8.386.688.832.594</b>	<b>8.515.237.725.245</b>

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020 là 8.409 tỷ đồng thấp hơn so với thời điểm 31/12/2019 là 127 tỷ đồng. Hầu hết chất lượng hàng tồn kho đều tốt. Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 02 tỷ đồng.

## TSCĐ và đầu tư XDCB

- Trích khấu hao: Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ trích khấu hao theo quy định.
- Tình trạng tài sản: đang sử dụng tốt.
- Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là giá trị Nhà máy lọc dầu.
- Chi phí đầu tư XDCB dở dang chủ yếu ở dự án nâng cấp mở rộng nhà máy.
- Tài sản cố định giảm khoảng 10 % so với năm trước, tương đương giảm 2.472 tỷ đồng do giá trị đã trích khấu hao trong năm 2020. Trong khi đó, chi phí XDCB tăng 7,3% so với năm trước. Chi tiết khoản chi phí XDCB dở dang như sau:

	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó</b>	<b>1.101.844.765.433</b>	<b>1.026.498.425.110</b>
Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất	1.072.374.125.592	1.003.884.732.778
Dự án cải hoán đường thoát nước mái nổi của bể chứa dầu thô TK-6001A	8.576.590.909	-
Dự án kho lưu chứa nguồn phóng xạ	2.432.882.552	2.432.982.552
Các công trình khác	18.461.166.380	20.182.709.780

## Các khoản mục tài sản khác

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là Chi phí trả trước ngắn hạn (39 tỷ đồng).

Chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty chủ yếu là Bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm con người;

Tài sản dài hạn khác chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo dưỡng sửa chữa tổng thể lần 4 (1.422 tỷ đồng) và chi phí trả trước dài hạn (Bảo hiểm Nhân thọ) 213 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng của Công ty tổng cộng là 7.635 tỷ đồng. Trong năm, BSR triển khai áp dụng thanh toán theo hình thức LC đối với hầu hết khách hàng nên công tác thu hồi nợ đúng hạn.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: Cuối năm 2020, Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của BSR) có hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi; số dư lũy kế đến 31/12/2020 là 869,3 triệu đồng.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, các khoản phải trả, phải nộp đến hạn khác. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn hiện thời là 1,47 lần và hệ số thanh toán nhanh là 1,06 lần. Công ty đảm bảo khả năng trả nợ đúng hạn.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cuối tháng 12/2019 là 0,8). Theo quy định Nghị định 91/2015/NĐ-CP chỉ số này không được lớn hơn 3, điều đó cho thấy cơ cấu giữa nợ và vốn chủ sở hữu của Công ty nằm trong mức an toàn.

BSR sử dụng tỷ giá Vietcombank tại Hội sở chính khi đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ, tỷ giá đánh giá tại ngày 31/12/2020 là 23.035 VND/USD, giảm 0,3% so với tỷ giá tại ngày 31/12/2019 là 23.110 VND/USD. Điều này làm phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán năm 2020 là 118 tỷ đồng.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 3.100.499.616 cổ phần, trong đó có 1.258.100 cổ phần hạn chế chuyển nhượng.

Tổng số cổ phần lưu hành  
**3.100.499.616**  
cổ phần

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) lập ngày 23/03/2021, tổng số cổ phần đang lưu hành là 3.100.499.616 được sở hữu bởi 20.195 cổ đông. Trong số đó, theo Bản cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài do BSR gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 27/05/2020, tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 49%. Chi tiết cơ cấu cổ đông được mô tả theo bảng dưới đây:

ĐỐI TƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ CỔ ĐÔNG
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>3.090.821.933</b>	<b>99,69%</b>	<b>20.058</b>
Tổ chức	2.867.790.393	92,49%	24
Cá nhân	223.031.540	7,19%	20.034
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>9.677.683</b>	<b>0,31%</b>	<b>137</b>
Tổ chức	8.597.710	0,28%	13
Cá nhân	1.079.973	0,03%	124
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.100.499.616</b>	<b>100%</b>	<b>20.195</b>

**20.195**  
cổ đông

## THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN

### TÊN CỔ ĐÔNG: TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.856.380.247  
Tỷ lệ sở hữu (%): 92,12

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Năm 2020, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu. Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (ngày 01/07/2018) đến nay, Công ty không thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn nào.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2020.

**Các chứng khoán khác:** Không có

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư tiếp tục được BSR quan tâm và chú trọng cải thiện chất lượng nhằm nâng cao sự minh bạch và tính kịp thời trong hoạt động công bố thông tin tới các nhà đầu tư.

Các hoạt động quan hệ nhà đầu tư tiêu biểu đã thực hiện trong năm 2020:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông năm 2020;
- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định và tham gia các khóa học huấn luyện và đào tạo về các văn bản Luật mới cập nhật;
- Duy trì gặp gỡ trao đổi thông tin với chuyên viên phân tích các công ty Chứng khoán và các quỹ đầu tư trong và ngoài nước thông qua các hình thức conference trực tuyến và họp trực tiếp;
- Sử dụng đa dạng các kênh truyền thông tài chính: website, báo tài chính để nhà đầu tư có thể tiếp cận thông tin về BSR nhanh chóng, minh bạch và chính xác;
- Xây dựng hệ thống website IR giao diện thân thiện hơn với nhà đầu tư;
- Phát hành Bản tin quan hệ nhà đầu tư định kỳ hàng quý cho nhà đầu tư



Cổ phần nắm giữ  
**2.856.380.247**

TỶ LỆ SỞ HỮU  
**92,12%**

# 03

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 80
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 88
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 89





## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC BSR 2020

Ông BẠCH ĐỨC LONG  
Kế toán trưởng

Ông NGHIÊM ĐỨC DƯƠNG  
Phó Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN VIỆT THĂNG  
Phó Tổng Giám đốc

Ông BÙI MINH TIẾN  
Thành viên HĐQT kiêm  
Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN NGỌC ANH  
Phó Tổng Giám đốc

Ông BÙI NGỌC DƯƠNG  
Phó Tổng Giám đốc

Ông TRẦN ĐOÀN THỊNH  
Phó Tổng Giám đốc



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



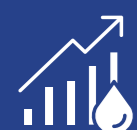
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Các sự kiện nổi bật năm 2020

Năm 2020 là năm BSR phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do tác động kép của giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Công ty cùng với sự nỗ lực, đoàn kết và cố gắng không ngừng của tập thể người lao động, BSR đã đưa ra nhiều giải pháp ứng phó kịp thời. Mặc dù kết quả kinh doanh không đạt được như kỳ vọng ban đầu, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, nhưng Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh sửa đổi của năm 2020.

Trong năm 2020, hoạt động của BSR có một số sự kiện nổi bật như sau:

- Vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng:** Mặc dù nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong cả nước giảm mạnh do tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng BSR đã hoàn thành 100% chỉ tiêu về sản lượng sản xuất vào lúc 10 giờ 30 phút và chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 12/12/2020 – về đích sớm hơn so với Kế hoạch là 19 ngày.
- Thực hiện thành công Bảo dưỡng tổng thể lần 4.** Đạt được 04 chỉ tiêu "An toàn - Chất lượng - Tiến độ - Tiết giảm chi phí" trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 2 trong cả nước và đặc biệt ở miền Trung.
- Công tác an toàn luôn được đề cao và duy trì.** Tính đến ngày 31/12/2020, BSR đã đạt được mốc 29,2 triệu giờ công an toàn, không để xảy ra tai nạn mất ngày công lao động, không có ca nhiễm virus SARS-CoV-2 và ứng phó hiệu quả với các cơn bão khác nghiệt đổ bộ vào miền Trung trong các tháng cuối năm.
- Thực thi triệt để công tác tiết giảm chi phí.** Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, BSR đã tập trung rà soát, kiểm soát, cắt giảm và tối ưu chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí SXKD năm 2020 giảm so với Kế hoạch (khoảng 30%) và năm 2019.
- Đa dạng hóa sản phẩm.** BSR đã sản xuất và xuất bán 02 sản phẩm mới Treated LCO và Polypropylene chủng loại Homo Yarn (MFR: 5g/10 phút), góp phần đa dạng hóa sản phẩm giúp tăng hiệu quả SXKD của Công ty.
- Chủ động, linh hoạt trong sản xuất kinh doanh.** BSR đã thường xuyên phân tích, đánh giá dự báo, nhận định diễn biến thị trường, tận dụng cơ hội mua chuyển (spot) dầu thô có phụ phí thấp, tối ưu công suất vận hành, cơ cấu sản phẩm trên cơ sở cung cầu của thị trường. Điều độ linh hoạt công tác xuất nhập để Nhà máy không bị vượt khả năng tồn chứa, tận dụng cơ hội để gia tăng doanh thu, lợi nhuận khi thị trường hồi phục.



Vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng



Thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4 thành công



Công tác an toàn luôn được đề cao và duy trì

**7. Công tác khoa học kỹ thuật công nghệ, phát huy sáng kiến không ngừng được lan tỏa và ngày càng đi vào thực chất.** Trên 1.400 Kaizen đã được đăng ký trên hệ thống với cơ hội làm lợi đến hàng trăm tỷ đồng. BSR đã đạt 01 giải thưởng Hội thi sáng tạo toàn quốc lần thứ 15, 04 giải thưởng VIFOTEC, giải Ba cuộc thi Nhóm cải tiến năng suất chất lượng ngành Công Thương năm 2020, giải A cấp Tập đoàn về Công trình KHCN Dầu khí giai đoạn 2015 - 2019 và đạt 06 sáng kiến cấp Tập đoàn.

**8. Tối ưu hóa công nghệ.** Nhà máy đã thử nghiệm và thực hiện thành công nâng công suất phân xưởng NHT từ 130% lên 135%, CCR từ 103% lên 110%, ISOMER từ 130% lên 150%, PP từ 112% lên 114% công suất thiết kế.

**9. Đa dạng hóa dầu thô chế biến.** Nhà máy đã thử nghiệm chế biến thành công dầu thô Sokol (Nga) với tỷ lệ phối trộn đạt 20%, nâng tổng số loại dầu thô nhập khẩu có thể chế biến lên 14 loại.

**10. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao sức khỏe cho người lao động luôn được chú trọng.** Việc sống và làm việc theo tinh thần 7 thói quen hiệu quả đã và đang phát huy mạnh mẽ trong mọi hoạt động của BSR. Các phong trào thi đua như "51 ngày đêm hoàn thành bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4 NMLD Dung Quất", phong trào Lao động sáng tạo, Giải chạy bộ - đi bộ "Ready for TA4", giải chạy bộ mùa Xuân 2021... được triển khai sâu rộng và có sức lan tỏa rất cao.



## ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2020, đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các NMLD nói chung (nhiều NMLD trên thế giới phải tạm dừng vận hành trong thời gian dài) và BSR nói riêng. Tuy nhiên, BSR đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về quản trị và điều hành SXKD, tiết giảm chi phí, bán hàng, tài chính, tối ưu hoá sản xuất/chi phí, tận dụng tối đa những thuận lợi, xin cơ chế chính sách, v.v... Kết quả cho thấy, BSR đã ứng phó hiệu quả và hạn chế tối đa ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu, đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng cụ thể như sau:

### THUẬN LỢI



Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ/ Bộ ngành.

## 29.2

Nhà máy đạt 29,2 triệu giờ công an toàn tính đến hết năm 2020, không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).

## 105%

Nhà máy vận hành an toàn, liên tục tại công suất trung bình gần 105% công suất thiết kế (cao hơn công suất kế hoạch: 103%).



Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.

## KHÓ KHĂN



### THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG TỔNG THỂ LẦN 4:

Nhà máy dừng sản xuất 51 ngày để thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 4 làm giảm sản lượng sản xuất và tiêu thụ



### ẢNH HƯỞNG CỦA HÀNG TỒN KHO:

Trong 5 tháng đầu năm, đặc biệt từ ngày 06/03/2020 đến ngày 04/05/2020, giá dầu thô và sản phẩm sụt giảm rất mạnh, có thời điểm giá dầu WTI giảm xuống - 37,6 USD/bbl tại ngày 20/04/2020, dầu Dtd Brent giảm còn 13,2 USD/bbl tại ngày 21/04/2020. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên từ nửa cuối tháng 02/2020 đến nửa đầu tháng 04/2020, công tác tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn dẫn đến tồn kho của Nhà máy cao khiến cho BSR chịu tổn thất giảm giá hàng tồn kho lên đến hàng nghìn tỷ đồng. Từ tháng 05/2020, giá dầu bắt đầu hồi phục nên từ tháng 06/2020, Công ty thu được lợi nhuận do tăng giá hàng tồn kho nhưng vẫn chưa bù được tổn thất do giảm giá hàng tồn kho trước đó.



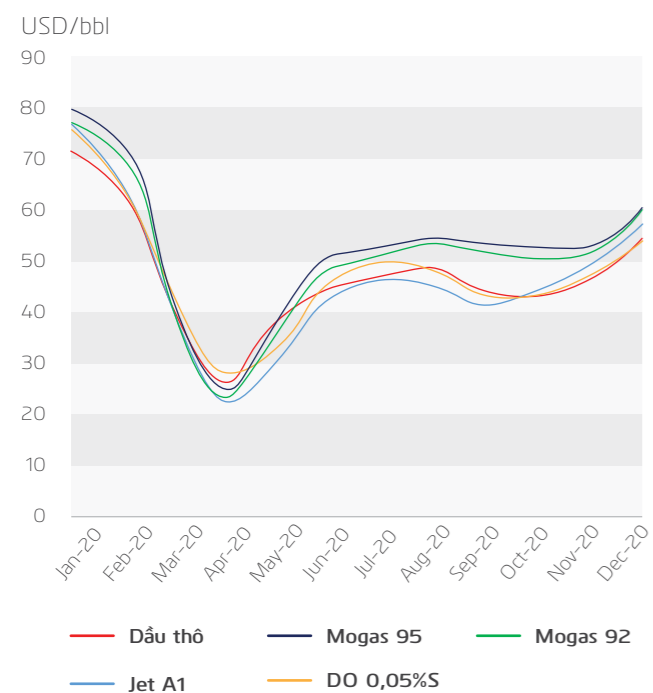
### KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ GIỮA SẢN PHẨM VÀ DẦU THÔ (CRACK MARGIN):

Từ nửa cuối tháng 02/2020 crack margin bị thu hẹp rất nhiều so với năm 2019 và kế hoạch năm 2020, có nhiều tháng giá sản phẩm thấp hơn giá dầu thô (vùng <0 trong biểu đồ phía dưới), đặc biệt là sản phẩm Jet-A1 (crack margin luôn âm từ tháng 03 đến tháng 10/2020 và tháng 05/2020 là -6,58\$US/thùng)

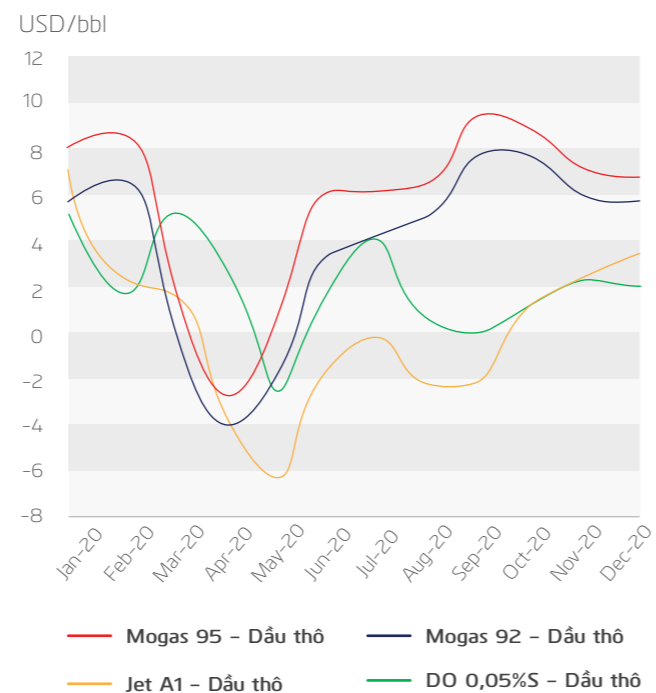


Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm từ đầu năm đến nay được thể hiện ở các biểu đồ sau:

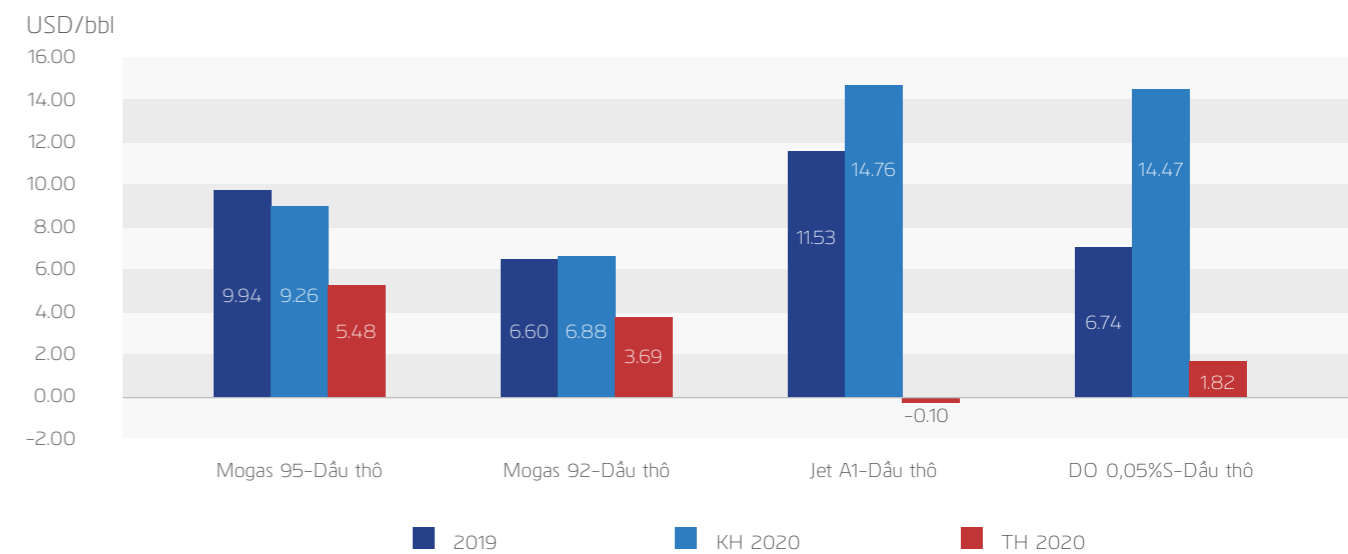
### DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2020



### DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2020



### CHÊNH LỆCH GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM NĂM 2019 & YTD 2020



### BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2020 & KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC HIỆN NĂM 2020 SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: USD/thùng

STT	SẢN PHẨM	2019	2020		CHÊNH LỆCH	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH20 vs. TH19	TH20 vs. KH20
1	Dầu thô	69,92	65,62	46,57	-33%	-29%
2	Mogas 95	79,86	74,88	52,06	-35%	-30%
3	Mogas 92	76,53	72,49	50,26	-34%	-31%
4	Jet A1	81,45	80,37	46,47	-43%	-42%
5	DO 0,05%S	76,66	80,09	48,40	-37%	-40%
6	Mogas 95-Dầu thô	9,94	9,26	5,48	-45%	-41%
7	Mogas 92-Dầu thô	6,60	6,88	3,69	-44%	-46%
8	Jet A1-Dầu thô	11,53	14,76	-0,10	-100,9%	-100,7%
9	DO 0,05%-Dầu thô	6,74	14,47	1,82	-743%	-87%

Ghi chú: Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan



## PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2020 là -2.812,4 tỷ đồng.

Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cụ thể như sau:

### Sản lượng

Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm đạt 5,92 triệu tấn, vượt 6,4% kế hoạch năm nên đã làm tăng doanh thu của Công ty.

### Thị trường dầu mỏ

Trong năm 2020, giá dầu thô và sản phẩm không thuận lợi cho hoạt động lọc dầu khiến hiệu quả SXKD của Công ty bị suy giảm.

### Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành

Để ứng phó với ảnh hưởng tiêu cực từ tác động kép do dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm, từ đầu năm đến nay, BSR chủ động rà soát, cắt giảm, tối ưu và kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD. Giá thành sản xuất bình quân thực hiện năm 2020 thấp hơn so với giá thành Kế hoạch năm 2020 và cùng kỳ năm 2019, cụ thể như sau:

STT	CHI TIẾT	NĂM 2019 (đồng/tấn SP)	KH NĂM 2020 (đồng/tấn SP)	TH NĂM 2020 (đồng/tấn SP)	THỰC HIỆN 2020 so với KH 2020		THỰC HIỆN 2020 so với TH năm 2019	
					+(tăng)/-(giảm) (đồng/tấn SP)	%	+(tăng)/-(giảm) (đồng/tấn SP)	%
1	Giá thành sản xuất bình quân NMLD Dung Quất	14.028.465	13.592.494	9.697.869	-3.894.625	-29%	-4.330.596	-31%
1.1	Dầu thô	13.356.029	12.714.334	9.074.477	-3.639.857	-29%	-4.281.552	-32%
1.2	Chi phí khác	672.436	878.160	623.392	-254.768	-29%	-49.044	-7%
2	Giá thành sản xuất bình quân NMLD Dung Quất	24.849.212	25.888.664	17.795.083	-8.093.581	-31%	-7.054.129	-28%
2.1	Propylene	21.172.210	21.149.756	14.597.936	-6.551.820	-31%	-6.574.274	-31%
2.2	Chi phí khác	3.677.002	4.738.908	3.197.147	-1.541.761	-33%	-479.855	-13%

“ Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm đạt 5,92 triệu tấn, vượt 6,4% kế hoạch năm.



# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong năm 2020, BSR đã thực hiện rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty để điều chỉnh, bổ sung, tránh chồng chéo, đảm bảo hoạt động của Công ty thông suốt, hiệu quả. Một số công việc đã thực hiện:

- Thành lập Ban Công nghệ thông tin thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Công nghệ thông tin phù hợp với chiến lược phát triển Công ty để phát huy ưu thế công nghệ, hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu kế hoạch và góp phần mang lại lợi ích tối đa theo hướng bền vững và hiệu quả trong thời đại công nghiệp 4.0 và kỹ nguyên số hóa.
- Chuyển chức năng nhiệm vụ của một số Ban/Phòng để phù hợp với công tác quản lý, điều hành và tình hình thực tế của Công ty.
- Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm của các cấp quản lý. Phân cấp rõ ràng, cụ thể và chuyên nghiệp trong công tác quản lý sản xuất trực tiếp, không làm phát sinh chi phí, nâng cao hiệu quả xử lý công việc.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Xây dựng BSR trở thành Công ty Lọc hóa dầu chủ động và năng động, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với bảo vệ môi trường, an toàn trong vận hành.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

1. Hoàn thành dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
2. Tìm kiếm và mở rộng nguồn dầu thô cung cấp cho Nhà máy.
3. Đa dạng hóa sản phẩm, tích hợp hóa dầu.

### Các mục tiêu phát triển bền vững (Môi trường, Xã hội và Cộng đồng):

Với phương châm "An toàn – Hiệu quả – Bền vững", Công ty đã xây dựng các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững của công ty như sau:

1. Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo. Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
2. Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.
3. Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và làm tốt công tác an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.

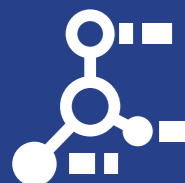
## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### Giải pháp về sản xuất – thị trường

#### Vận hành sản xuất

Tiếp tục chú trọng công tác an toàn vận hành/an toàn công nghệ; đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định;

Tiếp tục tối ưu hóa công suất vận hành của Nhà máy/phân xưởng dựa trên các nguồn dầu thô nhập khẩu để gia tăng lợi nhuận chế biến.



Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật/cải hoán các hạng mục để nâng công suất của Nhà máy trong giới hạn an toàn cho phép để tăng hiệu quả kinh tế;

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, phương án và áp dụng các giải pháp, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật;

Kiểm soát chặt chẽ các điểm nhạy cảm về kỹ thuật, các mối nguy tiềm ẩn có thể gây ra sự cố ảnh hưởng ổn định vận hành, chất lượng, nguyên liệu, hóa phẩm xúc tác đầu vào của Nhà máy để chủ động có các giải pháp phù hợp;

Tiếp tục phối hợp với các Nhà cung cấp, nghiên cứu áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới/xúc tác mới nhằm tối ưu hóa lượng xúc tác tiêu thụ;

#### Bảo dưỡng sửa chữa và kiểm tra thiết bị

Tập trung tối đa nguồn lực cho công tác kiểm tra, giám sát và bảo dưỡng sửa chữa cho nhà máy, đảm bảo độ tin cậy và ổn định của các hệ thống thiết bị máy móc.

Tăng cường áp dụng các kỹ thuật chẩn đoán/dự báo hỏng hóc, các kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa tiên tiến, hiện đại và hiệu quả cho Nhà máy.

Áp dụng và đưa vào khai thác các bộ giải pháp, công cụ quản lý, củng cố cơ sở dữ liệu.

Tiếp tục hoàn thiện và tối ưu hóa quy trình quản lý, nghiệp vụ kiểm tra thiết bị và phát triển các ứng dụng tích hợp với phần mềm RBI để giảm thời gian kiểm tra và nhập dữ liệu vào hệ thống.

#### Kiểm soát, tiết kiệm chi phí và tối ưu hóa sản xuất

Tìm kiếm, tổ chức đánh giá kỹ thuật và chế biến đầu thô mới. Đồng thời, nghiên cứu, đánh giá và thử nghiệm mở rộng chỉ tiêu lưu huỳnh trong dầu thô đưa vào chế biến nhằm mở rộng rõ đầu thô của Nhà máy.

Tiếp tục làm việc với các Nhà sản xuất công nghệ, các đối tác để nghiên cứu, đánh giá, vận hành thử nghiệm tăng công suất Nhà máy lên 114% và tăng công suất các phân xưởng công nghệ chính như RFCC, CCR, KTU, PP...

Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, đánh giá và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm tối ưu hóa chi phí năng lượng và hao hụt mất mát trong quá trình chế biến.

Tiếp tục đánh giá, lựa chọn và thử nghiệm các loại hóa phẩm xúc tác nhằm tối ưu hóa phẩm xúc tác, đa dạng nguồn cung cấp và giải quyết các vấn đề kỹ thuật như phụ gia loại sắt và can-xi để tối ưu xúc tác RFCC.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thước đo mục tiêu trọng yếu (KPI's Hierarchy) để tối ưu hóa hoạt động vận hành sản xuất;

Tăng cường kỷ luật, đẩy mạnh công tác giám sát việc tuân thủ các quy trình vận hành, bảo dưỡng, an toàn;

Khai thác tối đa chức năng từ các phần mềm ứng dụng chuyên dụng (CMMS, KPI, error solver, Visual mesa, I-portal, TMS, Hrms, SAO,...) để nâng cao công tác giám sát và quản trị trong vận hành sản xuất;

Nghiên cứu áp dụng các phương pháp kiểm tra tiên tiến để nâng cao độ tin cậy, chính xác kết quả kiểm tra, kiểm tra từ bên ngoài để giảm chi phí mở thiết bị.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát ăn mòn trực tuyến để theo dõi tốc độ ăn mòn, kịp thời xử lý.

Tăng cường nghiên cứu và áp dụng sáng kiến cải tiến phục vụ công tác kiểm tra thiết bị.

Ứng dụng các vật liệu mới để ngăn ngừa ăn mòn cho đường ống và thiết bị trong Nhà máy.

Đa dạng hóa sản phẩm PP, đồng thời nghiên cứu và triển khai các giải pháp tăng tỉ lệ sản phẩm có giá trị như Jet-A1, PP,...

Tăng cường nghiên cứu, triển khai các giải pháp tối ưu hóa điều khiển công nghệ như hệ thống điều khiển cấp cao đa biến APC, tối ưu hóa thời gian thực RTO, tối ưu hóa năng lượng EMS,...

Tối đa hóa việc lựa chọn đối tác trên cơ sở cạnh tranh, công khai và hạn chế chỉ định thầu. Tăng cường ký các Hợp đồng dài hạn nhằm giảm workload và tối ưu giá mua.

Tăng cường kiểm soát các chi phí thường xuyên để cắt giảm những hạng mục có thể tối ưu.



## Tối ưu hóa tồn kho

### Vật tư, phụ tùng thay thế, hóa phẩm xúc tác

Thực hiện đồng bộ chiến lược quản lý vật tư/hóa phẩm xúc tác của Công ty ở tất cả các khâu: lập kế hoạch, triển khai mua sắm, quản lý lưu kho và sử dụng để luôn cung ứng vật tư kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo dưỡng với chi phí tối ưu nhất, giá trị lưu kho thấp nhất.

Đảm bảo cung cấp, dự phòng vật tư Đúng – Đủ – Kịp thời phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng nhà máy theo kế hoạch.

Đánh giá và mở rộng nguồn cung cấp vật tư, hạn chế phụ thuộc nhà sản xuất gốc (OEM) để nâng cấp tính cạnh tranh, đảm bảo nguồn cung, tiết giảm chi phí. Tăng cường năng lực sửa chữa, chế tạo vật tư tại xưởng của Nhà máy.

Đảm bảo công tác mua sắm đạt các tiêu chí Mua đúng chỗ (nhà cung cấp) – Đúng chất lượng – Đúng số lượng – Đúng thời gian – Đúng giá kết hợp với các hình thức mua sắm/lưu kho hiệu quả như: hàng ký gửi, hàng lưu kho tại nhà cung cấp; hợp đồng khung (hợp đồng thời hạn/giá trần, mua sắm điện tử.

Duy trì và phát triển hệ thống chuẩn hóa vật tư thiết bị để chuẩn hóa, tối ưu hóa dữ liệu vật tư/thiết bị của Nhà máy giúp đẩy nhanh quá trình mua sắm và tham gia chuỗi cung ứng, chia sẻ vật tư.

Khai thác tối đa và cải tiến các chức năng trong hệ thống Maximo/SAP để quản lý tốt hơn, giúp phân tích nhanh và hiệu quả công tác tối ưu vật tư.

Hoàn thiện và sử dụng hiệu quả hệ thống KPI của công tác quản lý vật tư để kịp thời thực hiện các giải pháp tối ưu.

Điện tử hóa/số hóa hoàn toàn công tác hồ sơ giấy tờ trong toàn bộ chu trình quản lý, tối ưu vật tư.

### Dầu thô và sản phẩm

Cần cứ điều kiện khách quan, chủ quan để linh hoạt trong việc điều chỉnh khối lượng dầu thô, sản phẩm tồn kho đảm bảo luôn tồn kho ở mức tối ưu.

## Kinh doanh

Tiếp tục mở rộng giới dầu (hiện tại có 71 loại và Nhà máy đã chế biến 21 loại dầu, trong đó có 3 loại dầu thô chiến lược: WTI Midland, Azeri và Bonny Light).

Mở rộng danh sách nhà cung cấp dầu thô (hiện tại có 25 NCC) và ký hợp đồng dài hạn các loại dầu thô chiến lược (Azeri, WTI Midland, Bonny Light và Bạch Hổ).

Theo dõi, bám sát diễn biến thị trường (cung-cầu-giá) để có các quyết sách kịp thời, phù hợp.

Tăng cường công tác điều độ nhập dầu thô và xuất bán sản phẩm và tồn kho hợp lý để giảm thiểu tác động của biến động giá và tránh tanktop.

Kiến nghị Chính phủ, Bộ Công thương điều chỉnh hạn ngạch nhập khẩu của các thương nhân đầu mối trên cơ sở hạn mức tối đa.

Bám sát tình hình thị trường, tăng cường công tác dự báo và dự báo kiểm soát rủi ro, chi phí. Linh hoạt, tối ưu hóa công tác vận hành Nhà máy với các chế độ (mode) vận hành hiệu quả về cơ cấu sản phẩm.

Áp dụng hình thức mua dầu thô theo cơ chế mới, đa dạng hình thức vận chuyển dầu thô. Xác định thị trường mục tiêu và khách hàng chiến lược để tiêu thụ tối đa sản phẩm. Có chính sách giá cạnh tranh và không ngừng tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu thị trường.

Tham gia giao dịch kinh doanh dầu thô trên thị trường thế giới để chủ động, linh hoạt trong việc đảm bảo nguồn nguyên liệu dầu thô cho Nhà máy.

Linh động sản xuất kinh doanh nhằm tăng tối đa sản lượng xuất bán các sản phẩm có hiệu quả khi thị trường có nhu cầu.

Tập trung vào nhóm khách hàng chiếm tỷ trọng sản lượng lớn đối với từng sản phẩm. Xây dựng, tập trung phát triển và giữ vững tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm BSR trong cơ cấu sản phẩm của khách hàng của nhóm khách hàng mục tiêu. Tăng cường các hợp đồng dài hạn đối với các đối tác chiến lược nhằm nâng cao sự liên kết lâu dài giữa các bên cũng như ổn định đầu ra.

Tập trung bán hàng tại thị trường nội địa. BSR xác định thị trường miền Trung – Tây Nguyên và Nam Bộ là thị trường chính, trong đó miền Trung – Tây Nguyên là thị trường mục tiêu cần hướng đến để tận dụng những lợi thế sẵn có về kho cảng, tuyến đường vận chuyển, hệ thống logistic....

Xây dựng phương án bán hàng linh hoạt, đưa hàng đến các kho cảng khu vực phía Nam để cung cấp cho khách hàng nhằm hạn chế và cạnh tranh với nguồn hàng nhập khẩu.

Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu trong trường hợp không thể tiêu thụ được sản phẩm trong nước do yếu tố tiêu chuẩn chất lượng.







### Giải pháp đầu tư và vốn

Đa dạng hóa các hình thức đầu tư và hình thức sở hữu, áp dụng linh hoạt các chính sách huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

Ưu tiên thu xếp vốn cho Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất và các dự án liên quan đến an toàn vận hành, tối ưu hóa sản xuất, đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu và vốn vay một cách cân đối, hợp lý, đảm bảo tính khả thi và an toàn trong đầu tư.

Liên tục rà soát, cập nhật các hạng mục đầu tư và mua sắm tài sản cố định theo hướng tối ưu hóa chi phí, phù hợp với yêu cầu thực tế của hoạt động SXKD.

### Giải pháp về tổ chức quản lý và nguồn lực

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị chiến lược của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Ban trong toàn Công ty theo Phương án tái cơ cấu BSR.

Triển khai xây dựng và ứng dụng hiệu quả Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP).

Tiếp tục hoàn thiện cập nhật, kiểm soát việc thực hiện định kỳ các bộ định mức.

Hoàn thiện và ứng dụng hiệu quả hệ thống KPI của Công ty.

Định kỳ hàng năm đánh giá năng lực đối với từng vị trí trong bộ máy vận hành bảo dưỡng để từ đó đưa ra chương trình đào tạo phát triển phù hợp và giảm thiểu chuyên gia O&M.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bản, thông tin, tài liệu cũng như phục vụ công tác điều hành công việc, điều hành sản xuất hiệu quả.

Tăng cường giám sát, kiểm tra định kỳ đảm bảo sự tuân thủ đối với các Quy chế, quy trình đã được ban hành.

Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

Liên tục đánh giá, cải tiến và hoàn thiện các quy chế, quy trình đáp ứng yêu cầu thực tế SXKD ngày càng cao.

Triển khai hiệu quả công tác đánh giá, khen thưởng, quy hoạch và sử dụng nguồn nhân lực.

Tiếp tục đào tạo và lan tỏa việc thực hiện 7 thói quen hiệu quả vào thực tế và từng bước xây dựng văn hóa hiệu quả của BSR.



### Giải pháp về đào tạo và khoa học công nghệ

Tăng cường kỷ luật, khuyến khích việc phát hiện các khiếm khuyết, hỏng hóc kỹ thuật.

Tăng cường và phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả SXKD.

Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị nghiên cứu, trường Đại học để phối hợp triển khai các đề tài/dự án gắn với nhu cầu thực tiễn của Công ty.

Triển khai xây dựng Trung tâm phát triển lọc hóa dầu để tăng cường công tác R&D.

Tiếp tục triển khai đề án Xây dựng đội ngũ chuyên gia, tiêu chuẩn chức danh, định hướng phát triển và đảm bảo năng lực cho từng vị trí cho Công ty.

Tiếp tục triển khai đào tạo chuyên sâu cho CBCNV và trao đổi kinh nghiệm với các nhà máy lĩnh vực lọc hóa dầu trong và ngoài nước.

Xây dựng tổ chức học tập, phát huy vai trò NMLD là nơi đào tạo nguồn nhân lực cung cấp cho ngành công nghiệp lọc hóa dầu của đất nước. Ưu tiên tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực là người lao động tại địa phương để bổ sung, thay thế cho các nhân sự dịch chuyển sang các đơn vị khác, phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội địa phương.

### Giải pháp về bảo vệ môi trường

Tuân thủ quy định của luật pháp Việt Nam về đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ các cam kết tại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Tiếp tục hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường trong toàn Công ty. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo đúng quy định, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường làm việc và đảm bảo sức khỏe người lao động mà trong đó đặt trọng tâm là chương trình thẻ SAO (Safety Action Observation).



# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 100
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty 103
- Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị 104



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BSR 2020

Ông **NGUYỄN BÁ PHƯỚC**  
Thành viên HĐQT

Ông **HÀ ĐỒNG**  
Thành viên HĐQT

Ông **BÙI MINH TIẾN**  
Thành viên HĐQT kiêm  
Tổng Giám Đốc

Ông **NGUYỄN VĂN HỘI**  
Chủ tịch HĐQT

Ông **KHƯƠNG LÊ THÀNH**  
Thành viên HĐQT

Ông **NGUYỄN HẢI ÂU**  
Thành viên HĐQT



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

"

**Kết quả năm 2020, Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHQĐ giao.**

Ngay từ đầu năm 2020, nhận thức sâu sắc những khó khăn mà Công ty sẽ phải đối mặt trong bối cảnh chung của ngành lọc dầu nói chung và BSR nói riêng do ảnh hưởng tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu, giá dầu thô và sản phẩm biến động bất thường với biên độ lớn, khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô bị thu hẹp nhiều so với kế hoạch, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh trong nước, khu vực và toàn thế giới, Hội đồng quản trị đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc để ra các giải pháp quyết liệt, thiết thực để tháo gỡ khó khăn, trong đó tập trung giải quyết những vấn đề có tác động lớn đến chiến lược, việc thực hiện các mục tiêu năm 2020 và mục tiêu chung nhiệm kỳ 2018-2022.

Trong năm 2020, HĐQT đã đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả các công cụ quản trị hiện đại, tận dụng tối đa những thuận lợi và có các giải pháp thiết thực trên các lĩnh vực hoạt động để triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kịp thời đối

phó với khó khăn do tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHQĐ) giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2020, Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHQĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn nhà máy lọc dầu; mở rộng nguồn dầu thô và chế biến thành công dầu thô Sokol (Nga); đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán 02 sản phẩm mới là Treated LCO và Polypropylene chủng loại Homo Yarn T3050.

## VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2020, BSR đã triển khai thành công công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4), Nhà máy vận hành an toàn, ổn định ở công suất cao đạt trung bình khoảng 105% so với thiết kế (không bao gồm giai đoạn TA4), góp phần quan trọng hoàn thành chỉ tiêu sản xuất năm 2020 sớm 19 ngày so với kế hoạch. Tính đến ngày 31/12/2020, BSR đạt mốc 29,2 triệu giờ công an toàn.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2020 theo Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2020 (ĐIỀU CHỈNH)	THỰC HIỆN NĂM 2020	% TH NĂM 2020 SO VỚI KH NĂM 2020
<b>I Các chỉ tiêu sản lượng</b>					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	5.563.551	5.930.486	106,6%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	5.563.551	5.922.021	106,4%
<b>II Các chỉ tiêu tài chính</b>					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	56.663	58.651	103,5%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-	-2.858	
3	Nộp NSNN	Tỷ đồng	5.685	6.256	110,0%

## VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA

### Công tác chiến lược, kế hoạch:

Thực hiện Nghị quyết số 1872/NQ-BSR của ĐHQĐ, trong năm 2020 BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: vận hành Nhà máy đảm bảo an toàn, ổn định và tối ưu; nắm bắt thị trường để nâng cao hiệu quả công tác kinh doanh; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất; tích cực triển khai dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; tăng cường tự chủ trong công tác bảo dưỡng sửa chữa bằng chính nội lực của BSR; cắt giảm chi phí hoạt động; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp và hoàn thiện, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo mô hình công ty cổ phần; nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, điển hình là đã đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử.

Việc chế biến thành công dầu thô Sokol (Nga) giúp BSR mở rộng nguồn cung cấp dầu thô trữ lượng lớn, sản lượng cao, chất lượng và giá cả hợp lý.

Công tác tiết giảm chi phí và việc ứng dụng số hóa trong quản trị điều hành là những điểm nhấn nổi bật của BSR trong năm 2020.

### Công tác quản trị:

Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh. Tiếp tục thực hiện hoàn thiện các quy trình quản lý/quản trị, cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả.



Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng. Trong năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu nên Công ty đã tiết giảm kinh phí đào tạo khoảng 50% so với kế hoạch ban đầu. Công ty đã tăng cường áp dụng CNTT trong công tác đào tạo như đào tạo trực tuyến trên hệ thống E-learning, E-testing. Công ty đã thực hiện được 98 khóa đào tạo cho 8.336 lượt người, đạt 112% số lượt người so với kế hoạch cả năm đã được phê duyệt. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 5,64 tỷ đồng.

Các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại nhà máy phù hợp với các cải tiến công nghệ tại nhà máy và kiểm soát chính xác tiêu hao. Tiêu hao năng lượng, hóa chất, vật tư đều thấp hơn so với định mức.

Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao sức khỏe cho người lao động của BSR đã và đang được triển khai mạnh mẽ, có sức lan tỏa rất cao thông qua chương trình đào tạo 7 thói quen hiệu quả và các phong trào thi đua như "51 ngày đêm hoàn thành bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4 NMLD

Dung Quất", phong trào Lao động sáng tạo, giải chạy bộ – đi bộ "Ready for TA4", giải chạy bộ mùa Xuân 2021, cập nhật triển khai 5S toàn Công ty.

### Công tác khác:

Công tác niêm yết cổ phiếu BSR tại Sàn giao dịch Chứng khoán: Thực hiện chủ trương niêm yết cổ phiếu BSR đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT đã phê duyệt Kế hoạch niêm yết cổ phiếu BSR tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội năm 2020. Ngày 29/5/2020, BSR đã nộp Hồ sơ đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Do những tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và biến động của giá dầu thế giới đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty trong năm 2020 dẫn đến năm 2020 công ty chưa đáp ứng được điều kiện niêm yết tại HNX theo quy định, Công ty đã chủ động xin rút hồ sơ niêm yết, HNX đã công bố việc BSR rút Hồ sơ niêm yết vào ngày 25/11/2020.

## VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ vấn đề an toàn và môi trường là vấn đề sống còn của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về môi trường. Công tác kê khai, nộp phí nước thải và báo cáo định kỳ về môi trường được thực hiện đầy đủ. Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. Với định hướng phát triển bền vững, các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

BSR đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp triệt để đối phó với dịch bệnh Covid-19 nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động, xây dựng các phương án và triển khai nhiều biện pháp phòng chống dịch trong đợt Bảo dưỡng tổng thể

lần 4. Đến nay công tác phòng chống dịch vẫn được nghiêm túc thực hiện phù hợp và đáp ứng chỉ đạo của Nhà nước và các cơ quan thẩm quyền, đảm bảo an toàn cho nguồn nhân lực thực hiện vận hành Nhà máy. Đến hết năm 2020, BSR không có trường hợp mắc bệnh Covid-19.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương lớn của Công ty là phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an sinh xã hội (ASXH), BSR thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi. Chương trình ASXH năm 2020-2021 có tổng kinh phí: 35 tỷ đồng. BSR đang tích cực phối hợp với các đơn vị nhận tài trợ hoàn thiện các thủ tục hồ sơ để giải ngân kinh phí. Công ty thực hiện các chương trình ASXH, quan hệ cộng đồng khác như: Tổ chức chương trình Tết vì người nghèo năm 2020, trao học bổng khuyến học, khuyến tài, cứu trợ đồng bào lũ lụt,... với tổng kinh phí hơn 3 tỷ đồng.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

## PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban TGD trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2020 như sau:

- Giám sát quá trình lập kế hoạch SXKD năm 2020 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.
- Cử đại diện tham dự các cuộc họp thường kỳ của Ban TGD về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ, chỉ đạo và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty.
- Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề.

## KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Năm 2020, HĐQT đánh giá Ban TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

- Ban TGD đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.
- BSR đạt được các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch của năm, triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp ứng phó với tác động kép giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19. Thực hiện thành công công tác TA4, Nhà máy lọc dầu Dung Quất được vận hành hiệu quả, an toàn, ổn định.
- Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt và quyết liệt qua đó giúp BSR triển khai bài bản và ứng dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ công tác quản trị.
- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dự báo tình hình thị trường dầu mỏ năm 2021 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và nhiều khó khăn thách thức. HĐQT đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

### VỀ CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH

Tập trung vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường.

Thường xuyên duy trì và bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường.

Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại dầu mới để không ngừng mở rộng giới dầu thô cho Nhà máy. Xây dựng chiến lược mua dầu thô dài hạn (tối thiểu từ 3-5 năm) và triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (từ 3-5 năm).

Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, danh mục vật tư phụ tùng thay thế, v.v để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các trang thiết bị/hệ thống để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hiệu quả và chi phí tối ưu, đồng thời không ngừng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm thiểu công tác bảo dưỡng sửa chữa.

Nâng cao năng lực và giải pháp khoa học để góp phần nâng cao năng suất lao động, mức độ an toàn, tin cậy thiết bị/ vận hành của Nhà máy, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

Xây dựng phương án SXKD dự phòng cho trường hợp Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 bắt đầu được thực hiện từ ngày 01/01/2022.

Tiếp tục bám sát các cấp thẩm quyền để hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho BSR liên quan đến tiền gửi của BSR tại Oceanbank, các chính sách ưu đãi thuế cho NMLD hiện hữu và cho Dự án NCMR, miễn thuế bảo vệ môi trường đối với việc đốt FO (tiêu thụ nội bộ), v.v..

Tiếp tục triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất, nghiên cứu triển khai công tác thu xếp vốn và các nhiệm vụ khác liên quan đến Dự án NCMR NMLD Dung Quất. Đồng thời rà soát, xác định phương hướng triển khai dự án NCMR trong thời gian tới để phù hợp với tình hình mới và hiệu quả tổng thể cho Công ty.

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.



### VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.

Tích cực chỉ đạo công tác cập nhật, xây dựng chiến lược của BSR trong 05 - 10 năm tới.

Chỉ đạo việc nghiên cứu nâng cao công tác kiểm soát quản trị doanh nghiệp dựa trên các thông lệ quốc tế bao gồm các mô hình quản trị hiện đại hướng tới hiệu quả hoạt động công ty và quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Xây dựng mô hình quản trị rủi ro toàn diện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, làm cơ sở chuẩn mực để ứng dụng kịp thời cho hệ thống quản lý và vận hành NMLD Dung Quất, giảm thiểu sự bị động cho công tác quản trị của BSR.

Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước nhằm xây dựng phương án mua dầu thô, sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro nâng cao hiệu quả kinh doanh của BSR.

Thường xuyên rà soát, nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tiết giảm chi phí SXKD, đầu tư và mua sắm TSCĐ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung tổng thể các Quy chế/quy trình quản trị nội bộ, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng xử lý công việc, tinh gọn hiệu quả kết hợp với xu hướng công nghệ thông tin, số hóa.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.



NÂNG CAO  
HIỆU QUẢ



QUẢN TRỊ  
RỦI RO





# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 108
- Báo cáo của Ban Kiểm soát 114
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát 119



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2022 có 6 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 04 Thành viên không điều hành, trong đó có 02 Thành viên độc lập.

STT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Lê Xuân Huyền	Chủ tịch			(*)
2	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	837.334.898	10.400	27% Vốn Điều lệ
3	Bùi Minh Tiến	Thành viên	1.240.199.846	42.000	40% Vốn Điều lệ
4	Nguyễn Quang Hòa	Thành viên			(*)
5	Hà Đổng	Thành viên	465.074.942	2.000	15% Vốn Điều lệ
6	Khuông Lê Thành	Thành viên	313.770.561	3.400	10,12% Vốn Điều lệ
7	Nguyễn Bá Phước	Thành viên	0	0	Thành viên độc lập
8	Nguyễn Hải Âu	Thành viên	0	10.000	Thành viên độc lập

(\*) ĐHQĐ miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với các ông Lê Xuân Huyền và ông Nguyễn Quang Hòa theo Nghị quyết số 319/NQ-ĐHQĐ ngày 04/02/2020.



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ. HĐQT đã có phân công tương đối cụ thể, rõ ràng các lĩnh vực phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo cho từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban TGD; các thành viên HĐQT cùng thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban TGD triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo việc ban hành kịp thời các văn bản quản lý nội bộ quan trọng của BSR như Quy chế mua sắm, Quy chế quản lý đầu tư, Quy chế tài chính, Quy chế quản lý vốn,... để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp theo thông lệ và quy định pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát định kỳ một số mảng công tác của Ban TGD như kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của

BSR; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Quy trình vay vốn ngắn hạn và Quy trình đầu tư tiền gửi, tình hình sử dụng vốn vay BSR của BSR-BF, tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao của Văn phòng Công ty.

Năm 2020, HĐQT đã thực hiện 24 cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm; rà soát định hướng chiến lược của Công ty; bàn các giải pháp ứng phó với tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, ... Một số nội dung chính bao gồm:

1. Chỉ đạo thực hiện thành công công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 4 đúng tiến độ đề ra;
2. Chiến lược triển khai dự án Nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất;
3. Tiếp tục chỉ đạo xử lý các vấn đề của dự án nhiên liệu sinh học tại BSR-BF;
4. Chỉ đạo thực hiện niêm yết cổ phiếu BSR tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

5. Các giải pháp ứng phó với biến động của thị trường dầu mỏ và dịch bệnh Covid-19;

6. Văn kiện trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020;

7. Công tác mua dầu thô dài hạn;

8. Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật công nghệ đáp ứng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg;

9. Khả năng phát triển, tiêu thụ các sản phẩm mới của Công ty;

10. Chủ trương hợp tác với EMEPL về việc nghiên cứu khả năng mua Condensate từ dự án Cá Voi Xanh về chế biến tại Nhà máy.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản.

Năm 2020, HĐQT đã ban hành 36 nghị quyết và 163 quyết định, trong đó có các nghị quyết/quyết định quan trọng như sau:

**“ Năm 2020, HĐQT đã thực hiện 24 cuộc họp, ban hành 36 nghị quyết và 163 quyết định, trong đó tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm, bàn các giải pháp ứng phó với tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu.**



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	04912/NQ-BSR	24/12/2020	Nghị quyết về việc Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
2	04809/NQ-BSR	16/12/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 3.000 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
3	04730/QĐ-BSR	09/12/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ của BSR
4	04645/NQ-BSR	02/12/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
5	04637/NQ-BSR	01/12/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng MUFG Bank, Ltd - CN TP Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
6	04399/QĐ-BSR	04/11/2020	QĐ về việc phê duyệt và ban hành Quy chế đào tạo của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn
7	04242/NQ-BSR	16/10/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh TP Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
8	04241/NQ-BSR	16/10/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 1.500 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
9	03958/QĐ-BSR	16/09/2020	QĐ về việc phê duyệt và ban hành Quy chế kinh doanh sản phẩm của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
10	03809/NQ-BSR	28/08/2020	QĐ về việc thu hồi các khoản vay tại BSR-BF và thanh quyết toán dự án NM NLSH Dung Quất
11	02869/NQ-BSR	10/08/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chương trình An sinh xã hội của BSR năm 2020-2021
12	02877/QĐ-BSR	10/08/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi tập thể của Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn
13	02701/NQ-BSR	29/07/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn 6.000 tỷ đồng với Ngân hàng TMCP Công thương VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
14	02646/NQ-BSR	27/07/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
15	02580/NQ-BSR	17/07/2020	Nghị quyết v/v ban hành các Quy định áp dụng cho CBCNV thuộc Ban NCMR NMLD Dung Quất (DQRE)
16	02562/NQ-BSR	17/07/2020	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
17	02513/QĐ-BSR	15/07/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế Người đại diện của BSR tại các Công ty con/công ty liên kết
18	02439/QĐ-BSR	08/07/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế quản lý vốn của công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn đầu tư vào doanh nghiệp khác
19	02086/NQ-BSR	16/06/2020	QĐ Về việc nghiên cứu các giải pháp đáp ứng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg
20	02073/NQ-BSR	12/06/2020	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
21	02070/NQ-BSR	12/06/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động SXKD năm 2020 tạm thời của BSR

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
22	02000/QĐ-BSR	05/06/2020	QĐ về việc ban hành "Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của BSR"
23	01879/NQ-BSR	27/05/2020	Nghị quyết về việc thực hiện niêm yết cổ phiếu của BSR tại Sở giao dịch chứng khoán
24	01872/NQ-BSR	26/05/2020	Nghị quyết Phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020
25	01804/NQ-BSR	18/05/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
26	01592/NQ-BSR	23/04/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
27	01576/QĐ-BSR	23/04/2020	QĐ Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
28	01548/NQ-BSR	21/04/2020	Nghị quyết v/v KH tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP LHD Bình Sơn
29	01309/NQ-BSR	01/04/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 2.800 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
30	01217/NQ-BSR	27/03/2020	Nghị quyết v/v hoãn tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CP LHD Bình Sơn
31	01035/NQ-BSR	13/03/2020	Nghị quyết về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung
32	00744/NQ-BSR	11/03/2020	Nghị quyết về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020
33	00726/NQ-BSR	10/03/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
34	00702/NQ-BSR	06/03/2020	Nghị quyết về việc chương trình làm việc của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2020
35	00659/NQ-BSR	04/03/2020	Nghị quyết v/v KH tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP LHD Bình Sơn
36	00622/NQ-BSR	28/02/2020	Nghị quyết về việc công tác cán bộ
37	00614/NQ-BSR	27/02/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
38	00510/NQ-BSR	18/02/2020	Nghị quyết v/v phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn 24 triệu USD với Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
39	00338/NQ-BSR	06/02/2020	Nghị quyết v/v phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR
40	00319/NQ-BSR	04/02/2020	Nghị quyết về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn nhiệm kỳ 2018-2022
41	00294/NQ-BSR	03/02/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
42	0185./NQ-BSR	17/01/2020	Nghị quyết về công tác cán bộ
43	00017/NQ-BSR	02/01/2020	Nghị Quyết phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 tạm thời của BSR



## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2020, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các vấn đề trọng yếu (về hoạt động, tài chính, kinh doanh dầu thô, sản phẩm, thương mại, dự án đầu tư, an ninh an toàn, tuân thủ và quản lý rủi ro...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT đã tập trung xem xét chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm, bao gồm: ứng phó với tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, rà soát lại chiến lược phát triển/tầm nhìn của Công ty, thực hiện công tác tái cấu trúc, hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, cải thiện chất lượng công tác pháp chế và quản lý rủi ro, triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cập nhật chiến lược đầu tư, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, tối ưu hóa công suất Nhà máy, nâng cao công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin...

Năm 2020, HĐQT Công ty làm việc theo nguyên tắc các thành viên HĐQT cho ý kiến tất cả các vấn đề mà HĐQT xử lý. Đa số các thành viên HĐQT hoạt động theo cơ chế chuyên

trách nên nắm bắt kịp thời, sát sao tình hình hoạt động của Công ty, thường xuyên chỉ đạo và cho ý kiến/biểu quyết độc lập đối với các nội dung/tờ trình do Ban TGD trình. HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn HĐQT. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được thành viên HĐQT xem xét cẩn thận, giám sát, chỉ đạo hoạt động Ban TGD và được ban hành dưới các hình thức văn bản nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Những thành viên HĐQT là đại diện cho phần vốn Nhà nước, ngoài nhiệm vụ tuân thủ các quy định của pháp luật và chế độ quản trị doanh nghiệp thì thành viên HĐQT còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn vốn Nhà nước. Trong năm 2020, các thành viên HĐQT đã cùng với Ban TGD Công ty đã hết sức nỗ lực trong việc áp dụng những giải pháp linh hoạt kịp thời ứng phó với các tác động không thuận lợi của thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực và đem lại các kết quả tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Các thành viên HĐQT độc lập của BSR có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực chuyên môn phù hợp với các yêu cầu của Công ty cũng như trong lĩnh vực được phân công. Các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT độc lập trong lĩnh vực được phân công trong năm 2020 đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm cao, đảm bảo sự khách quan và độc lập.

## ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2020, do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên BSR hạn chế tham gia trực tiếp các khóa đào tạo mới về Quản trị công ty. Tất cả các thành viên liên quan đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSR và đã được đào tạo về quản trị Công ty.

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

Trong năm 2020, không phát sinh giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Công ty không có thông tin về cổ phần gián tiếp của Cổ đông lớn và người nội bộ.

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2020, HĐQT phê duyệt giao dịch của Công ty với Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building). Ông Trần Đoàn Thịnh – Phó Tổng Giám đốc BSR là Thành viên Hội đồng quản trị PV Building. Chi tiết như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	04949/QĐ-BSR	25/12/2020	Phê duyệt Phạm vi công việc, Dự toán, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Danh sách Tổ đàm phán gói thầu "Thuê dịch vụ quản lý khu nhà ở Vạn Tường của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn theo Đơn hàng số 113/ĐH-VP"
2	04979/QĐ-BSR	28/12/2020	Phê duyệt PVCV, DT, KH triển khai gói thầu "Mua bao đóng gói hạt nhựa Polypropylene theo ĐH số 338/20-2509/ĐH-DDSX"
3	04987/QĐ-BSR	28/12/2020	Phê duyệt PVCV, DT, KH triển khai gói thầu "Mua Pallet để đóng gói kiện sản phẩm tại phân xưởng PP theo ĐH số 433/20-2510/ĐH-DDSX"

## VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Doanh nghiệp, chứng khoán và các văn bản liên quan.



### BỔ NHIỆM CÁN BỘ

Trong năm 2020, HĐQT đã ra quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Bùi Ngọc Dương (tháng 02/2020), ông Nguyễn Việt Thắng (tháng 05/2020); quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Duyên Cường (tháng 05/2020).

ĐHĐCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Lê Xuân Huyền và ông Nguyễn Quang Hòa; quyết định bổ nhiệm ông Khương Lê Thành, ông Nguyễn Văn Hội giữ chức danh Thành viên HĐQT và HĐQT đã ra quyết định bầu ông Nguyễn Văn Hội giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2022.



### CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của HĐQT và Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2020 theo quy định.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo, ... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí, ... Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.



# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BKS

### Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban TGD

#### Tình hình hoạt động SXKD

Trong năm 2020, Nhà máy hoạt động ổn định với công suất bình quân trên 100% công suất thiết kế. Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 rất khó khăn nhưng BSR đã thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 4 thành công.

Tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt khoảng 5,9 triệu tấn. Doanh thu (hợp nhất) đạt 57,96 ngàn tỷ đồng. Nộp ngân sách nhà nước 6,25 ngàn tỷ đồng. Về lợi nhuận: do tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu nên trong năm 2020 kết quả kinh doanh của BSR lỗ -2.858 tỷ đồng.

#### Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2020, Công tác đầu tư xây dựng của BSR chủ yếu tập trung vào Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất. Dự án đã triển khai được 68 tháng trên kế hoạch tổng thể 78 tháng. Hoạt động chủ yếu của dự án trong năm 2020 là nhận bàn giao mặt bằng, đánh giá hồ sơ dự thầu EPC (giai đoạn 2), triển khai các công việc với đơn vị tư vấn thu xếp tài chính phục vụ dự án.

Nhận xét chung: Dự án đến nay đã rất chậm so với kế hoạch tổng thể. Việc triển khai dự án có nhiều khó khăn liên quan đến hiệu quả đầu tư, khó khăn trong việc thu xếp vốn.

#### Công tác đầu tư tài chính

Tính đến thời điểm báo cáo Công ty đã đầu tư vốn vào 04 công ty, trong đó có 02 công ty con với số vốn là 384 tỷ đồng.

### Tổng kết các cuộc họp của BKS, các kết luận, kiến nghị của BKS

BKS thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để đánh giá các nội dung hoạt động của BKS, kế hoạch triển khai các công việc trong quý tiếp theo. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các cuộc họp BKS được đưa vào nội dung của Báo cáo của người đại diện làm công tác kiểm soát gửi cho Tập đoàn Dầu khí Việt nam và sao gửi Ban Tổng Giám đốc Công ty.

CUỘC HỌP BKS	NỘI DUNG CUỘC HỌP	NỘI DUNG Ý KIẾN/KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TGD CÔNG TY
Quý I	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát kỳ trước.</li> <li>Chương trình hoạt động Quý II năm 2020.</li> <li>Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN.</li> <li>Thảo luận thống nhất nội dung báo cáo của BKS gửi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp tục bám sát các chỉ đạo của Tập đoàn DKVN để giải quyết các khó khăn vướng mắc của hoạt động SXKD của công ty BSR-BF.</li> <li>Thực hiện các chính sách tiết kiệm để giảm lỗ trong điều kiện dịch bệnh và giá dầu giảm sâu.</li> <li>Có phương án dự phòng đối với trường hợp không thể thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 4 do tình hình dịch bệnh Covid-19.</li> </ul>
Quý II	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát kỳ trước.</li> <li>Chương trình hoạt động Quý III năm 2020.</li> <li>Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có kiến nghị.</li> </ul>
Quý III	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát kỳ trước.</li> <li>Chương trình hoạt động Quý IV năm 2020.</li> <li>Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có kiến nghị.</li> </ul>
Quý IV	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát kỳ trước.</li> <li>Chương trình hoạt động Quý I năm 2021.</li> <li>Thảo luận thống nhất báo cáo gửi Tập đoàn DKVN.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có kiến nghị.</li> </ul>

### Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị và báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát đánh giá tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020 như sau:

- BCTC năm 2020 của BSR đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Về bảo toàn và phát triển vốn:** Năm 2020 BSR lỗ sau thuế là -2.858 tỷ đồng nên việc bảo toàn và phát triển vốn trong năm không được đảm bảo. Tuy nhiên trong bối cảnh Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn bởi đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu, kết quả này là một nỗ lực rất lớn, mức lỗ thấp hơn rất nhiều so với dự kiến ban đầu và Công ty không còn lỗ lũy kế.



- **Tình hình tài chính:** Các chỉ tiêu tài chính năm 2020 bị suy giảm so với năm 2019. Tuy nhiên, tình hình tài chính của BSR tại 31/12/2020 vẫn được đảm bảo thể hiện ở một số chỉ tiêu tài chính sau:

Hệ số thanh toán tổng quát	2,25
Tỷ số thanh toán nhanh	1,06
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,44
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,8
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ROE	-9,00%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản ROA	-5,00%

### Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và Ban TGDĐ đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2020 của Công ty.

HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của Công ty và pháp luật. Ban TGDĐ đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban TGDĐ thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

Ban TGDĐ đã hết sức nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty một cách linh hoạt, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao công tác quản trị, điều hành, thực hiện tốt, tối đa hóa sản xuất, tiết kiệm, tiết giảm chi phí, chủ động trong công tác mua đầu thô, tiêu thụ sản phẩm và đã hoàn thành các chỉ tiêu SXKD 2020.

### Kết quả đánh giá sự phối hợp của BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGDĐ dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và Ban TGDĐ đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát, cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.



## Báo cáo tự đánh giá kết quả của BKS và từng thành viên BKS

### Đánh giá hoạt động của BKS năm 2020

#### Hoạt động của BKS

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định. BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại đơn vị trong năm 2020 dựa trên kế hoạch hoạt động năm 2020 được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 và trên cơ sở tham khảo kế hoạch hoạt động của Người đại diện thuộc PVN làm công tác kiểm soát tại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Theo dõi, kiểm soát việc chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty.
- Sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty,... Qua đó, BKS đã có những đề xuất, kiến nghị kịp thời đến HĐQT, Ban TGDĐ Công ty và định kỳ hàng quý báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát cho cơ quan quản lý cấp trên (Tập đoàn Dầu khí Việt nam – PVN).

BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ của BKS, theo quý để đánh giá hoạt động và đưa kế hoạch triển khai trong thời gian tiếp theo. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị tại cuộc họp được tổng hợp và theo dõi để đàm luận, báo cáo kết quả trong buổi họp quý.

#### Hoạt động của từng thành viên

BKS gồm có 03 thành viên, các Kiểm soát viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

##### Ông Phạm Ngọc Quý – Trưởng BKS

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế – kỹ thuật; công tác nhân sự, đào tạo.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

##### Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS

- Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, xem xét các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty
- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

##### Ông Vũ Lê Huy – Thành viên BKS không chuyên trách

- Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

#### Nhận xét

Các thành viên của BKS đã thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2021

BKS sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Công ty cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2021 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
  - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021;
  - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
  - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư.
- Kiểm tra giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm (nếu có).
- Kiểm tra giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn công tác đầu tư vốn tại các công ty này.
- Tiếp tục kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo các chỉ thị, nghị quyết được phê duyệt.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu, quản lý tài chính.
- Kiểm tra giám sát công tác triển khai nâng cấp và mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Đề xuất đại hội đồng Cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thù lao của từng thành viên được chi trả tuân thủ theo đúng quy định của Công ty.

Bên cạnh chế độ tiền lương, thù lao, thực hiện đúng đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Pháp luật, Công ty còn có các chính sách khác như tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện,... cho người quản lý.



# 06

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

• Tổng quan Báo cáo Phát triển bền vững	122
• Kinh tế	130
• Môi trường	131
• Xã hội	142
• Việc làm	143
• An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	144
• Giáo dục và đào tạo	148
• Cộng đồng địa phương	150
• Các mục tiêu môi trường – xã hội năm 2021	151
• Bảng tham chiếu GRI	152

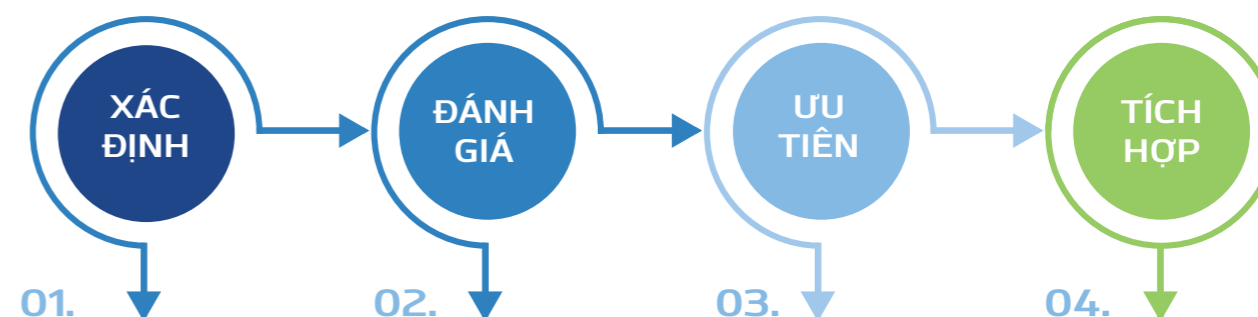


# TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lọc hóa dầu, công ty BSR nhận thức rõ trách nhiệm môi trường – xã hội đối với môi trường và cộng đồng xung quanh. Chúng tôi tuân thủ quy định luật pháp, các thông lệ quốc tế và hành động một cách chính trực phù hợp với những tuyên bố của mình.

Báo cáo này được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI dưới dạng Tham chiếu các Tiêu chuẩn chủ đề.

Trong đánh giá năm 2020, chúng tôi đã xác định 9 chủ đề trọng yếu tạo nên khung chương trình phát triển bền vững của BSR. Ma trận tính trọng yếu mô tả các chủ đề bền vững này theo quan điểm hoạt động kinh doanh của công ty và cân nhắc ý kiến từ các bên liên quan. Quy trình đánh giá tính trọng yếu của chúng tôi được xây dựng trên bốn bước:



**Xác định** vấn đề bền vững quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của BSR và các bên liên quan

**Đánh giá** các tác động tiềm ẩn, cũng như các rủi ro và cơ hội chính

**Ưu tiên** các chủ đề bền vững dựa trên tầm quan trọng đối với các bên liên quan và cả hoạt động kinh doanh của BSR

**Tích hợp** các chủ đề trọng yếu vào kế hoạch và chiến lược của BSR



“ BSR nhận thức rõ trách nhiệm môi trường – xã hội đối với môi trường và cộng đồng xung quanh.

Chúng tôi tuân thủ quy định luật pháp, các thông lệ quốc tế và hành động một cách chính trực phù hợp với những tuyên bố của mình.



## CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hiểu được quan điểm và kỳ vọng của các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của Công ty, chúng tôi hướng tới đối thoại liên tục, tích cực và cởi mở với các bên liên quan và thường xuyên xem xét quan điểm của họ trong đối với các hoạt động của BSR.

Chúng tôi gắn kết các bên liên quan như một phần công việc hàng ngày, tổ chức các sự kiện và cuộc họp, tham gia vào các nhóm làm việc, hội thảo và hội nghị, đồng thời cập nhật liên tục cái ý kiến đóng góp từ họ. Sự tham gia của các bên liên quan là yếu tố trung tâm góp phần tạo nên sự bền vững của BSR.



### Đối với người lao động

<b>Phương thức BSR tham vấn và tần suất</b>	Các cuộc họp giao ban định kỳ (hàng tuần, hàng tháng, hàng quý); Họp với Công đoàn.
<b>Các vấn đề quan tâm chính</b>	Chế độ đãi ngộ, lương thưởng xứng đáng; Môi trường làm việc an toàn; Đào tạo và nâng cao trình độ.
<b>Hành động của BSR</b>	BSR thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về an toàn lao động, cập nhật công nghệ, nâng cao kiến thức cho Người lao động.

### Đối với khách hàng

<b>Phương thức BSR tham vấn và tần suất</b>	Tham gia liên tục thông qua các cuộc họp 1-1, sự kiện với các bên liên quan, hội thảo trên web, khảo sát khách hàng, bản tin, các buổi đào tạo liên quan đến kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, liên lạc chung để thúc đẩy các sáng kiến bền vững.
<b>Các vấn đề quan tâm chính</b>	Chất lượng và giá thành sản phẩm; Phân phối kịp thời và ổn định; Phát triển, đổi mới sản phẩm gắn liền với các tiêu chí bền vững, bảo vệ môi trường.
<b>Hành động của BSR</b>	Xây dựng, tập trung phát triển và giữ vững tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm BSR trong cơ cấu sản phẩm của khách hàng của nhóm khách hàng mục tiêu; Xây dựng phương án bán hàng linh hoạt. Duy trì đối thoại liên tục với khách hàng và chủ động liên lạc với khách hàng để hỗ trợ họ; Hình thành quan hệ đối tác chặt chẽ bền vững với khách hàng hướng đến giảm lượng khí thải carbon của họ thông qua ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

### Đối với cổ đông, nhà đầu tư

<b>Phương thức BSR tham vấn và tần suất</b>	Đại hội đồng Cổ đông thường niên; Họp hội nghị trực tuyến, các cuộc họp cá nhân hoặc nhóm.
<b>Các vấn đề quan tâm chính</b>	Minh bạch trong công bố thông tin theo quy định của cơ quan nhà nước; Tăng trưởng trong hiệu quả kinh doanh; Chiến lược phát triển rõ ràng, có kế hoạch thực thi cụ thể; Đưa các yếu tố phát triển bền vững vào nội dung xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh.
<b>Hành động của BSR</b>	BSR tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về công bố thông tin đối với công ty đại chúng; Công khai minh bạch các kế hoạch kinh doanh hàng năm, mục tiêu trung, dài hạn; Môi trường, xã hội và an toàn lao động luôn được đưa vào nội dung chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh các năm của BSR.





## Đối với nhà cung cấp, nhà thầu

**Phương thức BSR tham vấn và tần suất**

Đánh giá rủi ro, an toàn và danh tiếng cùng với đánh giá tính bền vững sâu rộng;  
Tổ chức các buổi hội thảo để chia sẻ thông tin và nâng cao năng lực hợp tác.

**Các vấn đề quan tâm chính**

Các vấn đề về an toàn lao động, môi trường, đạo đức nghề nghiệp;  
Tuân thủ luật pháp địa phương và quốc tế;  
Minh bạch trong giao dịch.

**Hành động của BSR**

BSR xây dựng bộ nguyên tắc về an toàn lao động, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn đối với nhà máy lọc dầu;  
Các giao dịch giữa BSR và nhà thầu, nhà cung cấp được thực hiện theo quy trình, quy định đã ban hành, đảm bảo minh bạch.

## Đối với cơ quan nhà nước

**Phương thức BSR tham vấn và tần suất**

Thường xuyên chia sẻ quan điểm về luật với các cơ quan thông qua tham vấn cộng đồng, các cuộc họp, gặp gỡ và đối thoại.

**Các vấn đề quan tâm chính**

Tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế;  
Bảo đảm an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường;  
Tác động tích cực tới cộng đồng địa phương.

**Hành động của BSR**

BSR tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm, các quy định về công bố thông tin;  
Cập nhật các quy định của Nhà nước và quy tắc quốc tế về an toàn lao động, môi trường;  
Tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

## Đối với cộng đồng địa phương

**Các vấn đề quan tâm chính**

Minh bạch trong các hoạt động kinh doanh và tác động về môi trường;  
Bảo vệ môi trường;  
Hỗ trợ tới sự phát triển chung của cư dân cộng đồng địa phương.

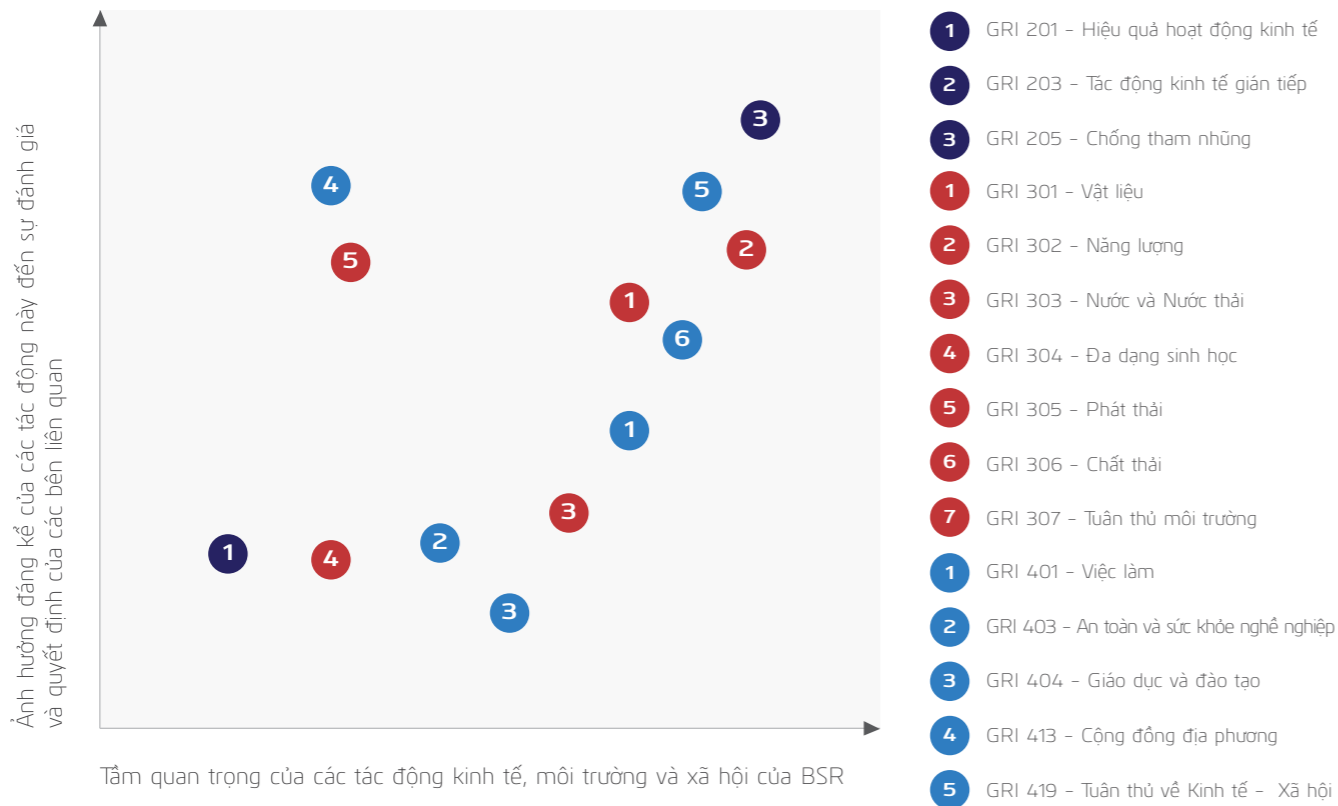
**Hành động của BSR**

Công tác kê khai, nộp phí nước thải và báo cáo định kỳ về môi trường được thực hiện đầy đủ;  
Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015.  
Thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi.



## CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

BSR đã thực hiện đánh giá chủ đề trọng yếu để chọn ra các vấn đề mà các bên liên quan bên trong và bên ngoài cảm thấy là quan trọng. 15 chủ đề trọng yếu về tác động kinh doanh và tác động của các bên liên quan đã được chọn và biểu diễn theo biểu đồ dưới đây:



## CÂU CHUYỆN NỔI BẬT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

“ Mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tác động kép dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu, nhưng BSR đã thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội.

Chính sách phát triển bền vững của BSR gắn liền với các hoạt động bảo vệ môi trường và an sinh xã hội. Trong năm 2020, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tác động kép dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu nhưng BSR đã thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội trong đó có một số hoạt động có ý nghĩa đối với sự phát triển của cộng đồng địa phương trong khu vực như:

1. Hoàn thành tài trợ xây dựng các công trình ASXH như: Trường Mầm non Hành Tín Đông (Quảng Ngãi), Trường Mầm non Đức Phong (Quảng Ngãi), Trường Mầm non Hoa Hồng (Phú Yên), Trường Tiểu học và THCS Bế Văn Đàn (Đắk Nông), Trường Tiểu học Văn Thanh Tùng cơ sở II (Quảng Nam),...

2. Tài trợ kinh phí 2,5 tỷ đồng để thực hiện phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tài trợ học bổng, tổ chức các chương trình Tết vì người nghèo, chăm lo các gia đình chính sách, cứu trợ lụt bão, thiên tai,...

## TÍCH HỢP VÀ LỰA CHỌN

**Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn được lập tích hợp và tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI.**



## KINH TẾ

BSR vừa là tổ chức kinh doanh, vừa giữ nhiệm vụ chính trị đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia. Do đó, chúng tôi cần đổi mới thực hiện hài hòa cả 2 mục tiêu này. Những thành công về kinh tế sẽ đóng góp cho ngân sách nhà nước và giúp phát triển kinh tế địa phương.

Năm 2020 là một năm khó khăn do dịch bệnh Covid và giá dầu giảm sâu nên kết quả kinh doanh của BSR lỗ -2.848 tỉ đồng. Tuy vậy công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHQĐ giao: Tiếp tục vận hành an toàn nhà máy lọc dầu; Mở rộng nguồn dầu thô và chế biến thành công dầu thô Sokol (Nga); Đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán 02 sản phẩm mới là Treated LCO và Polypropylene chủng loại Homo Yarn T3050.

- Đóng góp cho ngân sách nhà nước: 6,25 nghìn tỷ, vượt 10% so với kế hoạch.
- Chỉ tiêu sản lượng sản xuất vượt 6,6% so với kế hoạch, về đích trước 19 ngày.

Công ty cũng đảm bảo được mức thu nhập cho người lao động. Lương trung bình nhân viên đạt 27,55 triệu đồng/ người/ tháng; Thu nhập bình quân: 32,95 triệu đồng/người/tháng.

Mức thu nhập này cao hơn mức trung bình của thị trường đủ để bù đắp lại sự khắc nghiệt của công việc, thời gian, điều kiện làm việc và đòi hỏi chuyên môn.

BSR tiếp tục triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất – công trình có ý nghĩa kinh tế xã hội to lớn khi đi vào hoạt động giúp phát triển kinh tế địa phương, nâng cao đời sống vật chất của người dân trong vùng. Dự án NCMR NMLD Dung Quất còn giúp sản phẩm đầu ra của BSR đáp ứng tiêu chuẩn mức Euro IV/V đem lại lợi ích về kinh tế, bắt kịp xu thế thị trường.

BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2020 tại Nghị quyết số 744/NQ-BSR ngày 11/03/2020 và Chỉ thị số 1067/CT-BSR ngày 16/03/2020 về việc thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chống lãng phí năm 2020.

Tổng số liệu rà soát tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh là 1.455 tỷ đồng, giảm 23,3% so với Kế hoạch đã được chấp thuận (không bao gồm dầu thô, khấu hao TSCĐ, thuế môi trường và chi phí tài chính). Đây là một trong những nỗ lực của công ty nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động và lợi nhuận cho Nhà nước.



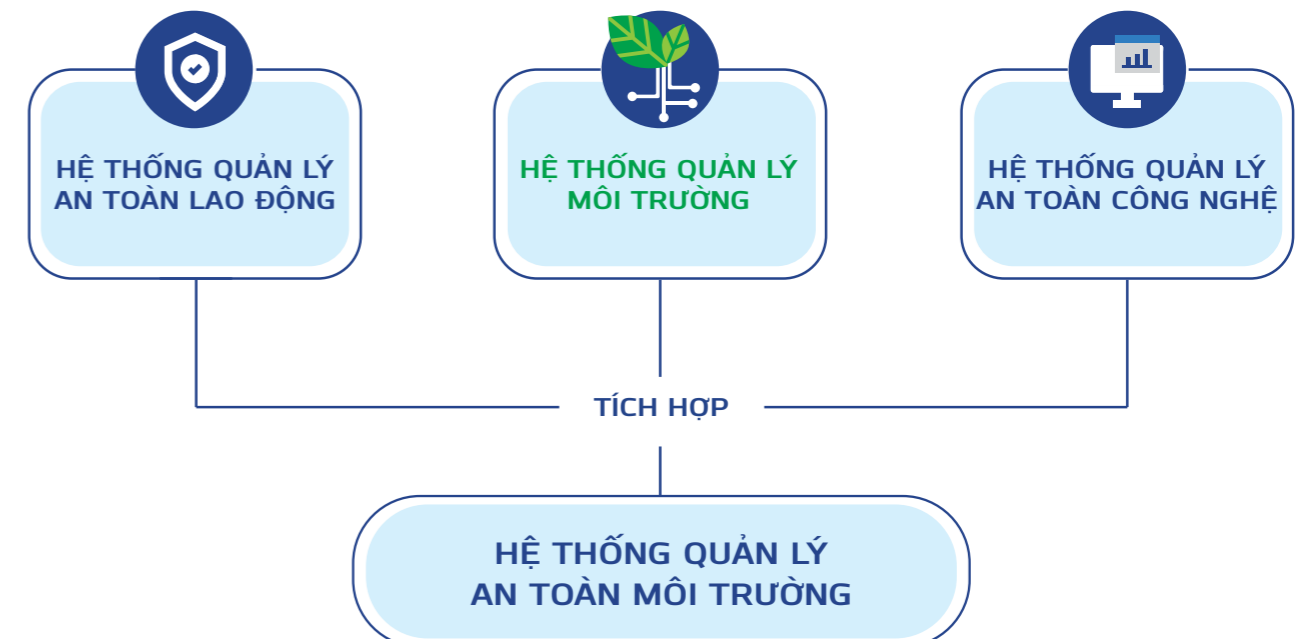
## MÔI TRƯỜNG

Hoạt động trong lĩnh vực lọc hóa dầu, BSR đánh giá vấn đề môi trường là quan trọng hàng đầu, vừa ảnh hưởng lớn đến vấn đề kinh tế nếu để xảy ra sự cố, vừa gây ra tác động nghiêm trọng ra môi trường. Do đó, chúng tôi áp dụng nhiều quy định, hướng dẫn và giám sát chặt chẽ các hoạt động liên quan, áp dụng các biện pháp quản lý bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14001, ISO 50001.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 439/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2019. Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng, tái định cư (Tiểu dự án) cũng đã hoàn thành việc chi trả tiền bồi thường và nhận bàn giao mặt bằng ngày 12/06/2020; hiện nay các bên đang triển khai thực hiện các thủ tục liên quan và không xảy ra vướng mắc hay mâu thuẫn nào.

Hoạt động của BSR có phát sinh các mối nguy cho con người, môi trường và tài sản và được phân chia thành hai loại chính: Mối nguy an toàn công nghệ (thường có tần suất ít khi xảy ra nhưng hậu quả lớn) và mối nguy an toàn lao động (thường có tần suất xảy ra lớn nhưng hậu quả mang tính chất đơn lẻ). Để kiểm soát các mối nguy này, cần có một hệ thống An toàn sức khỏe môi trường tích hợp để quản lý những mối nguy về an toàn công nghệ và an toàn lao động, hệ thống này sẽ:

- Thỏa mãn các yêu cầu của Tiêu chuẩn về Quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001, An toàn công nghệ (theo CCPS) và Quản lý môi trường ISO 14001.
- Tất cả các thành phần của Hệ thống quản lý an toàn công nghệ được tích hợp vào các thành phần của Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe môi trường.



## NGUYÊN VẬT LIỆU

Dầu là nguồn tài nguyên không tái tạo, do đó BSR liên tục cải tiến và áp dụng các biện pháp để tiết kiệm và tận dụng nguyên liệu đầu vào để sử dụng hiệu quả và lâu dài nhất. Việc tiết kiệm nguyên vật liệu, đặc biệt là dầu, được tập trung ở hai hoạt động chính: Sản xuất và tiêu thụ nội bộ.

**Bảng 1: Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	NĂM 2020
Chi phí Hóa phẩm xúc tác cho Nhà máy lọc dầu	634.048.124.042
Chi phí Hóa phẩm xúc tác cho phân xưởng PP (bao gồm chi phí đóng gói sản phẩm PP)	190.014.968.743
Chi phí đóng gói sản phẩm PP	109.700.890.748

**Bảng 2: Nguyên liệu dầu thô nhập và chế biến năm 2020**

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2020
<b>1</b>	<b>Dầu thô nhập</b>	<b>tấn</b>	<b>6.450.802</b>
1.1	Dầu trong nước	tấn	4.319.200
1.2	Dầu nhập khẩu	tấn	2.131.603
1.3	Dầu trong nước	%	67,0%
1.4	Dầu nhập khẩu	%	33,0%
<b>2</b>	<b>Dầu thô chế biến</b>	<b>tấn</b>	<b>6.452.346</b>
2.1	Dầu trong nước	tấn	4.385.346
2.2	Dầu nhập khẩu	tấn	2.067.000
2.3	Dầu trong nước	%	68,0%
2.4	Dầu nhập khẩu	%	32,0%

Theo thống kê các năm qua, dầu thô chế biến chính cho Nhà máy chủ yếu là dầu thô trong nước (87%-100%). Trong năm 2020, Nhà máy đã thành công nâng tỷ lệ dầu thô nhập khẩu chế biến lên mức 32%, đồng thời tăng cường thử nghiệm, chế biến dầu thô mới như dầu Sokol (Nga) với tỷ lệ chế biến tối đa đạt 20%.

Theo kế hoạch cung cấp dầu thô năm 2021, Nhà máy lập kế hoạch cung cấp phương án cơ sở 103%, phần đầu 105-108% công suất thiết kế, tỉ lệ dầu thô mua theo hợp đồng chuyển khoảng 16-20% để linh động công suất vận hành, đặt mục tiêu phần đầu chế biến thử nghiệm 2-4 loại dầu thô mới trong năm 2021 và tăng tỷ lệ dầu nhập khẩu ở mức 35-51% để chủ động nguồn nguyên liệu và nâng cao hiệu quả chế biến của Nhà máy.

**Bảng 3: Nhập Ethanol để phối trộn xăng E5 RON 92**

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2020
1	E100 mua để phối trộn xăng E5	tấn	1.995
2	Sản lượng xăng E5 hàng năm	tấn	39.329

**Bảng 4: Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức**

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2020
<b>1</b>	<b>Tổng đầu chế biến</b>	<b>tấn</b>	<b>6.473.039</b>
1.1	Dầu thô chế biến	tấn	6.452.346
1.2	Dầu tuần hoàn, Slop	tấn	20.692
	Dầu tuần hoàn, Slop	%	0,3%



## NĂNG LƯỢNG

Là doanh nghiệp trọng điểm về năng lượng và có quy mô lớn, vấn đề năng lượng quan trọng đối với BSR cả về phương diện hiệu quả sản xuất kinh doanh và môi trường. Để quản lý hiệu quả, BSR đã áp dụng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001, và tháng 12 năm 2020 đã được cập nhật lên phiên bản mới nhất 2018. Đây là một tiêu chuẩn quốc tế hỗ trợ các tổ chức cải thiện hiệu quả quản lý năng lượng, đồng thời tối ưu hóa hoạt động năng lượng ở tất cả các quy trình.

### Tình hình sử dụng năng lượng

Trong năm 2020, mặc dù chịu tác động tiêu cực của nhiều yếu tố bất lợi như đại dịch Covid-19 làm cho Nhà máy phải vận hành ở công suất thấp, điều kiện thời tiết cực đoan, mưa bão và nhiệt độ môi trường xuống thấp kéo dài trong nhiều tháng, nhà máy vận hành ở cuối chu kỳ bảo dưỡng tổng thể, hiệu suất trao đổi nhiệt của thiết bị giảm do bị bám bẩn cũng như việc sử dụng nhiều năng lượng để tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, tăng sản lượng sản phẩm xăng MOGAS 95 theo nhu cầu của thị trường nhưng BSR cũng đã hoàn thành mục tiêu năng lượng đề ra.

Chỉ số hiệu quả năng lượng EII tích lũy năm 2020 đạt được là 107,1% so với mục tiêu năm 2020 là 106 +/-2%.

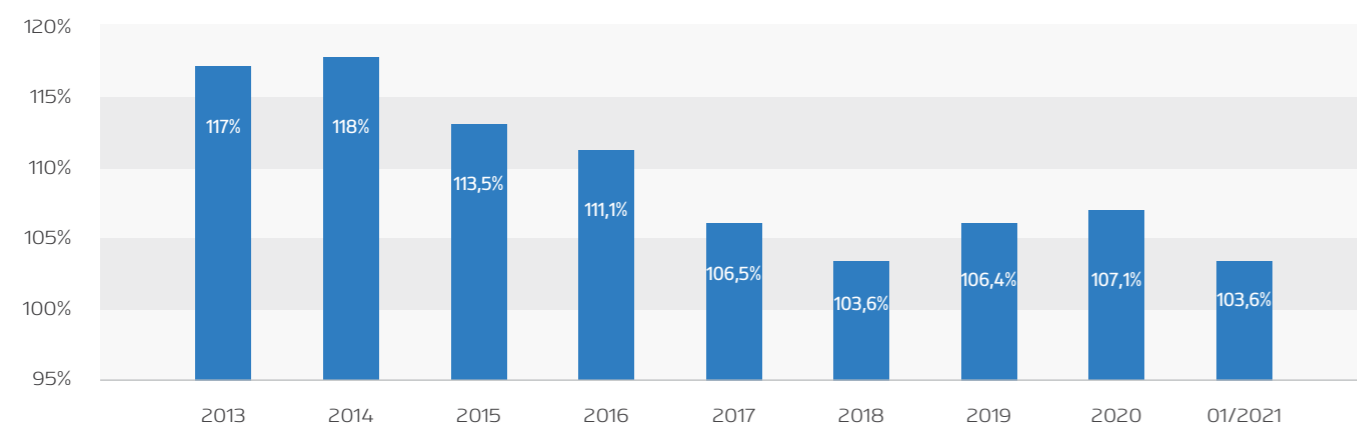
Tiêu thụ năng lượng nội bộ chiếm 7,41% lượng dầu thô đem xử lý (bao gồm nhiên liệu dùng để khởi động lại Nhà máy sau bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4).

Sau bảo dưỡng tổng thể lần 4, nhờ theo dõi sát sao và điều chỉnh kịp thời các thông số vận hành cũng như nghiên cứu áp dụng các giải pháp tối ưu hóa năng lượng, chỉ số EII đã giảm từ mức 107,1% năm 2020 xuống còn 103,6% trong tháng 01/2021 và tiếp tục giảm trong tháng 02/2021.

Chỉ số EII từ năm 2014 đến tháng 01/2021 cụ thể như sau:

#### EII QUA CÁC NĂM

\*EII: Chỉ số hiệu quả năng lượng



### Kết quả thực hiện các giải pháp năng lượng

Năm 2020, BSR đã triển khai thành công 14 giải pháp tối ưu hóa năng lượng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng của Nhà máy, tiết kiệm cho Nhà máy khoảng 1,5 triệu USD/năm. Đặc biệt, BSR đã vận hành thử nghiệm thành công chạy 3 bơm nước biển (bình thường chạy 4 bơm nước biển), tiết kiệm được 1,5 MW điện tương đương tiết giảm khoảng 0,6% EII.

## NƯỚC

Năm 2020, Nhà máy sử dụng nước biển trong vịnh Việt Thanh để làm mát thiết bị với lưu lượng trung bình là 37.858m<sup>3</sup>/ giờ. Quá trình làm mát là gián tiếp, không có tiếp xúc với chất ô nhiễm và nhiệt độ đầu cao nhất là 36,38°C. Do đó, việc xả nước biển sau làm mát trở lại nguồn nước biển trong vịnh Việt Thanh hầu như không có tác động đáng kể đến môi trường biển cũng như sinh kế, an ninh an toàn trong khu vực.

### Tiêu thụ nước

#### Nước biển làm mát

Nguồn nước biển được lấy từ nước mặn trong vịnh Việt Thanh. Theo thiết kế, phân xưởng lấy nước biển có công suất 50.000m<sup>3</sup>/h. Nước biển được sử dụng để trao đổi nhiệt gián tiếp làm mát nước ngọt thông qua các thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm. Tổng lượng nước biển sử dụng năm 2020 là: 267.576.755m<sup>3</sup> tương đương 35.394,8m<sup>3</sup>/h (không tính thời gian TA4).

Chi phí sử dụng, phí bảo vệ môi trường đối với nước biển làm mát cho thiết bị là: 0 VNĐ.

#### Nước ngọt

Nguồn nước ngọt được lấy từ Nhà máy nước Vinaconex nằm trong khu Kinh tế Dung Quất để cung cấp cho toàn bộ khu vực Nhà máy; khu bể chứa sản phẩm; phân xưởng nước khử khoáng; hệ thống nước chữa cháy... Trong năm 2020 tổng lượng nước ngọt sử dụng là: 2.520.040m<sup>3</sup> tương đương 291,671m<sup>3</sup>/h.

Tổng chi phí sử dụng nước ngọt: 22.933.883.433 (VNĐ), trong đó:

- Chi phí sử dụng nước: 22.821.173.950 (VNĐ)
- Phí bảo vệ môi trường: 377.640.965 (VNĐ)

### Lượng nước sử dụng

#### Nước phục vụ sản xuất:

- Nước khử khoáng: 1.123.200m<sup>3</sup>
- Nước thải công nghiệp, nước bán cho tàu dầu và nước tưới cây: 747.311m<sup>3</sup>
- Nước dịch vụ: 398.400m<sup>3</sup>

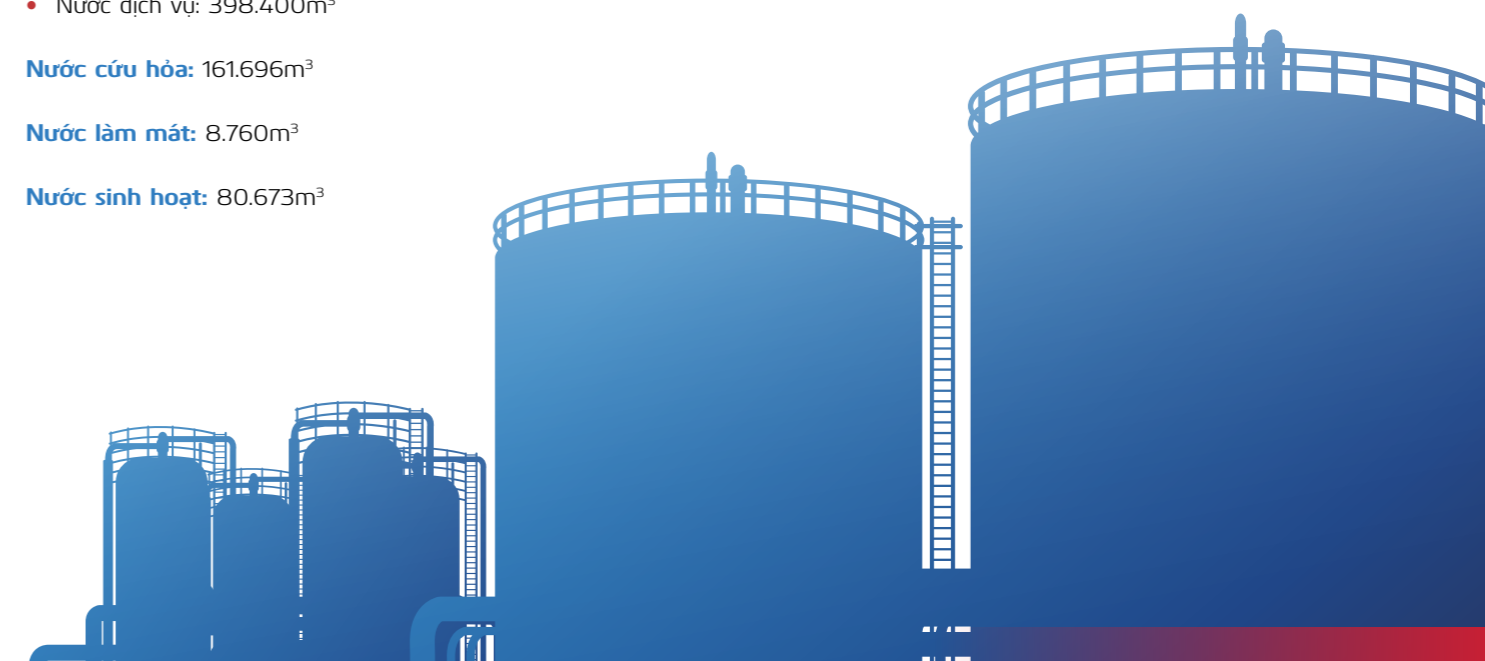
**Nước cứu hỏa:** 161.696m<sup>3</sup>

**Nước làm mát:** 8.760m<sup>3</sup>

**Nước sinh hoạt:** 80.673m<sup>3</sup>

### Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tỷ lệ thu hồi nước ngưng khoảng 75% tương đương 842.400m<sup>3</sup>.



## NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI

### Chất thải của BSR

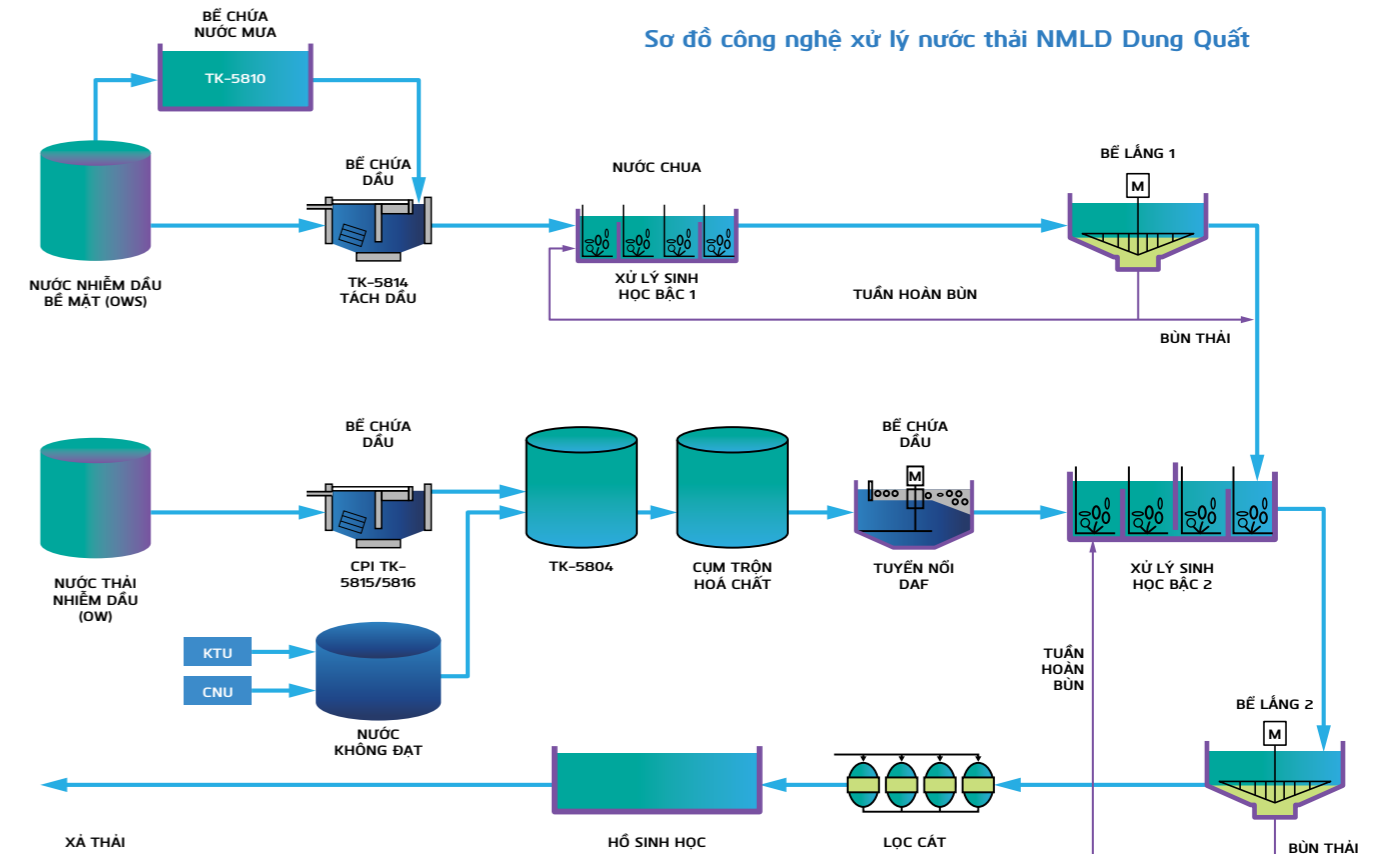
Trong hoạt động sản xuất của Nhà máy, các nguồn thải phát sinh thường xuyên bao gồm:

- Nước thải công nghiệp: Chủ yếu là nước thải nhiễm dầu với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng dầu và COD. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy với lưu lượng trung bình năm 2020 khoảng 207m<sup>3</sup>/giờ và giảm so với năm 2019 (225m<sup>3</sup>/giờ);
  - Khí thải phát thải từ các lò đốt, lò gia nhiệt và lò đốt coke tái sinh xúc tác với chất ô nhiễm đặc trưng là SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub> và bụi được xử lý, lọc bụi tĩnh điện và quan trắc tự động trước khi phát thải qua các ống khói. Lượng khí thải nhà kính phát thải năm 2020 khoảng 1,76 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương (CO<sub>2</sub>e), giảm 0,20 triệu tấn so với năm 2019;
  - Chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTRSH: Chủ yếu là các loại xúc tác, than hoạt tính đã qua sử dụng và sinh hoạt của người lao động;
  - Chất thải nguy hại: Các chất thải này chủ yếu liên quan đến chất thải nhiễm thành phần dầu, dầu thải và một số loại hóa chất sử dụng.
- Toàn bộ lượng chất thải phát sinh sẽ được phân loại, phân định chất thải nguy hại và lưu chứa tại các kho lưu trữ chất thải tạm thời của Nhà máy có tổng diện tích trên 1000m<sup>2</sup> trước khi chuyển giao cho nhà thầu có chức năng xử lý đúng quy định pháp luật.

### Công tác quản lý chất thải, nước thải tại BSR

#### Quản lý chất thải và chất thải nguy hại

Tất cả các loại chất thải rắn/ chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy đã được Công ty đăng ký và được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi đã cấp sổ chủ nguồn thải với Mã số QLCTNH 51.000010.T ngày 18/06/2019 (cấp phát lần đầu vào ngày 25/08/2009). Các loại chất thải khác nhau sẽ được phân loại, thu gom, và lưu chứa tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.



#### Quản lý nước thải

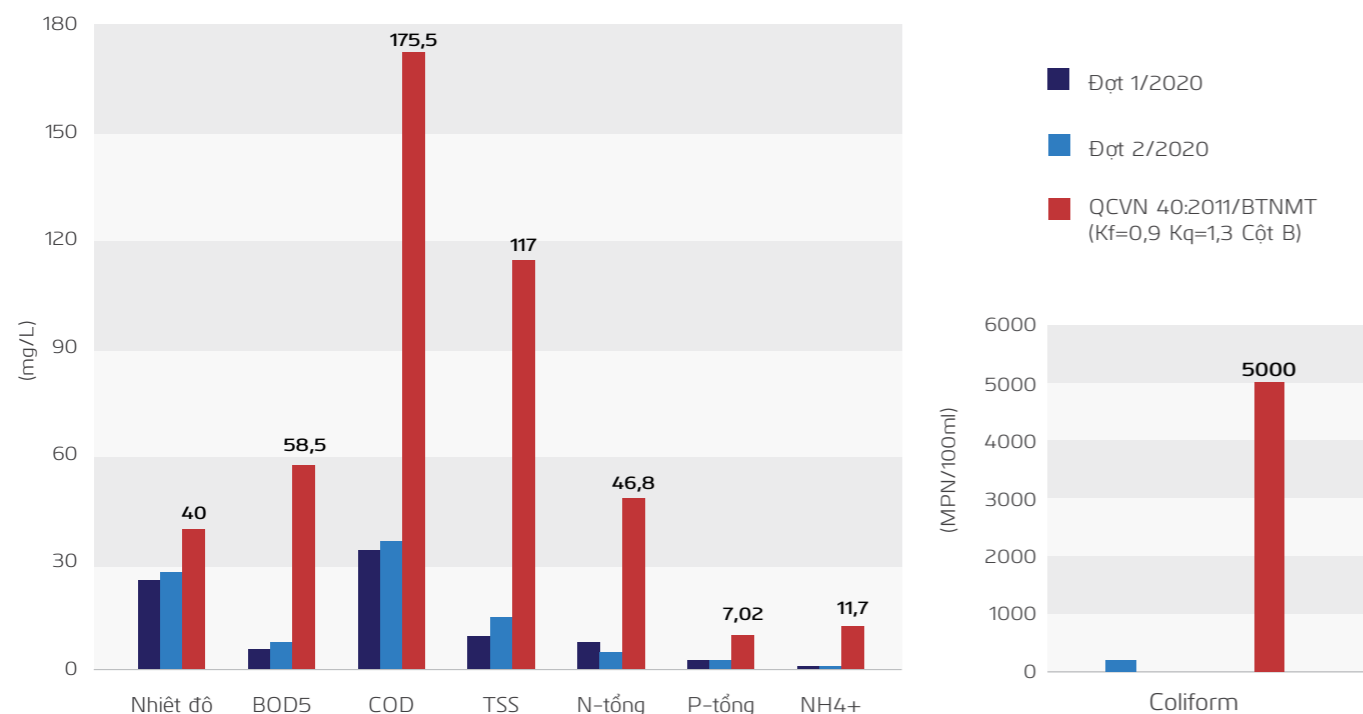
Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành sản xuất được thu gom và đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Hệ thống xử lý được đầu tư với công suất thiết kế 566m<sup>3</sup>/h để xử lý tất cả các dòng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất bởi các phương pháp khác nhau như xử lý cơ học (vật lý), hoá lý (tuyến nổi), sinh học, lắng và lọc cát.

Phân xưởng xử lý nước thải của Nhà máy hoạt động ổn định và hiệu quả từ năm 2010 đến nay. Tất cả thông số nước thải Nhà máy sau xử lý luôn thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT. Tại bể chứa nước thải sau xử lý, Công ty trồng một số loài cây thủy sinh như sen, súng, thà cá để làm chỉ thị sinh học. Hiện tại các loài này đều đang phát triển rất tốt, điều đó thể hiện chất lượng nước thải đầu ra của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất rất sạch, có thể đảm bảo cho sự sinh sống và phát triển của các sinh vật.



Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2020

BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN NƯỚC THẢI DW-1



Quản lý khí thải

Hiện nay tại Nhà máy, các nguồn khí thải phát sinh chủ yếu từ các ống khói của các lò gia nhiệt (Phân xưởng 11, 12, 13, 15, 24) và các nồi hơi (Phân xưởng 40, 52). Để đáp ứng tiêu chuẩn môi trường không khí xung quanh. Công ty đã tiến hành:

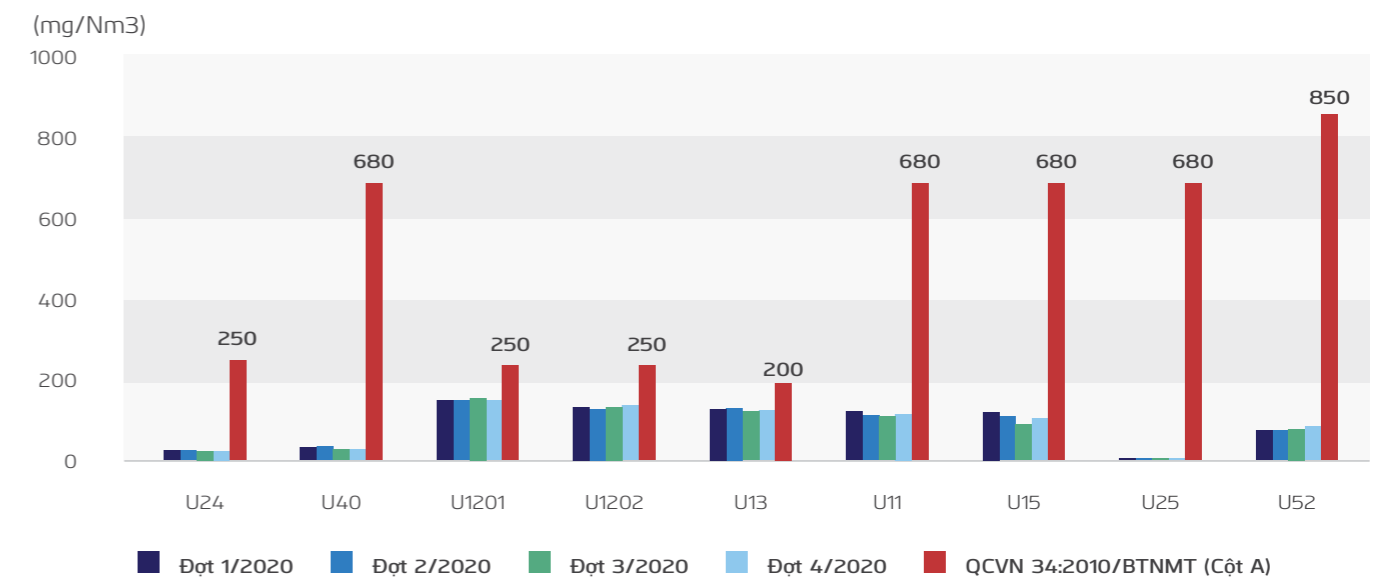
- Thiết kế và lắp đặt chiều cao ống khói được đúng theo các báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- Lắp đặt thiết bị lọc bụi tĩnh điện để xử lý dòng khí thải có chứa hàm lượng bụi cao từ phân xưởng RFCC để đáp ứng tiêu chuẩn nguồn thải;

Hệ thống lọc bụi tĩnh điện

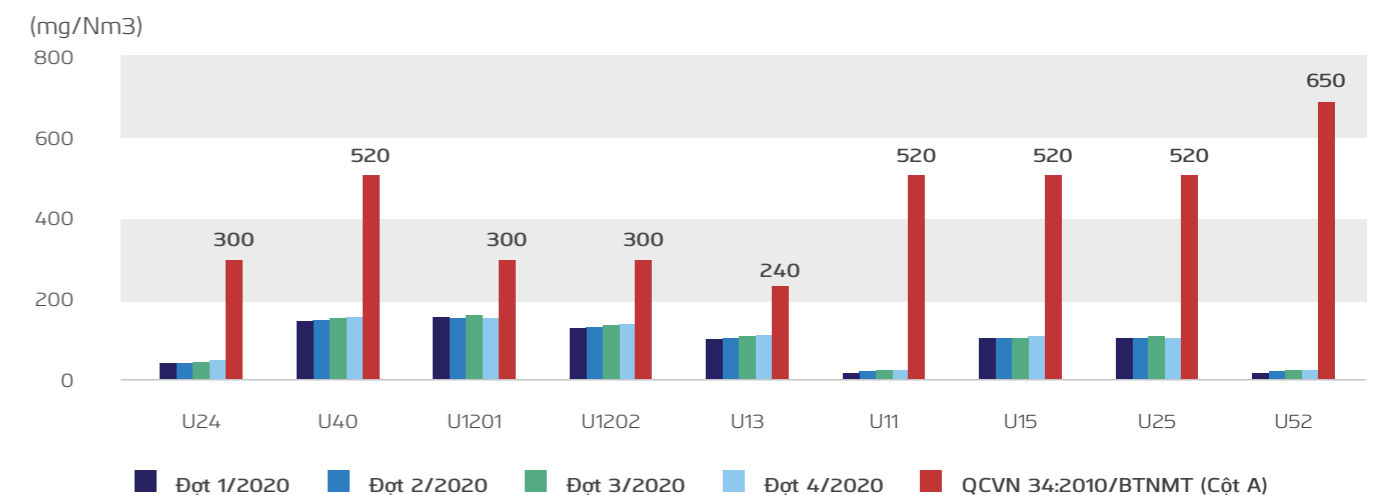
- Nhà máy đã đầu tư lắp đặt các thiết bị phân tích liên tục để phân tích các chỉ tiêu ô nhiễm đặt trung của ống khói như: NOx, SOx để người vận hành có thể giám sát đảm bảo các thông số nằm trong giới hạn cho phép.
- Định kỳ, Công ty đều thuê đơn vị có chức năng để tiến hành quan trắc chất lượng các nguồn thải. Kết quả, các thống số chất lượng khí thải của Nhà máy đều đáp ứng QCVN 34:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lọc hoá dầu đối với bụi và các chất vô cơ.

Kết quả quan trắc khí thải tại nguồn năm 2020

BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN NOx TRONG KHÍ THẢI



BIỂU ĐỒ BIỂU DIỄN SO2 TRONG KHÍ THẢI



### Sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường

BSR đã xây dựng và được các cơ quan quản lý thẩm định, phê duyệt các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố các sự cố liên quan đến môi trường gồm:

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 13/07/2017;
- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 9152/QĐ-BCT ngày 03/12/2013.
- Trên cơ sở đó, Công ty đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị, xây dựng các phương án và diễn tập định kỳ nhằm sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra.

### Đối với việc kiểm soát chuỗi cung ứng về vấn đề dịch vụ môi trường

Định kỳ hàng tháng BSR cử nhân sự kiểm tra trực tiếp công tác xử lý chất thải tại cơ sở của nhà thầu nhằm đảm bảo việc xử lý chất thải tuân thủ quy định và bảo vệ môi trường.

Trong năm 2020, BSR đã tái sử dụng được khoảng 07 tấn than lọc nước sau sử dụng để cải tạo mặt bằng và cảnh quang khu vực nhà máy.

## ĐA DẠNG SINH HỌC

Nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện hữu và mở rộng tương lai có diện tích sử dụng khoảng 956 ha, bao gồm 485 ha mặt đất và 471 ha mặt biển. Các hoạt động sản xuất và xả thải của Nhà máy có các các nguy cơ về tràn dầu trong quá trình xuất-nhập, lưu chứa các sản phẩm và dầu thô, xả nước thải và khí thải có thể tác động đến hệ sinh thái biển trong vịnh Việt Thanh và vịnh Dung Quất, ô nhiễm môi trường không khí xung quanh. Tuy nhiên, các nguy cơ này được BSR kiểm soát chặt chẽ thông qua: quy trình quản lý, quy trình vận hành; vận hành các hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải; quan trắc môi trường tự động liên tục và quan trắc định kỳ bởi đơn vị có chức năng; định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất 01 lần/năm.

Theo kết quả phân tích, đánh giá về đa dạng sinh học của Trung tâm nghiên cứu môi trường Dầu khí (CPSE) năm 2017 cho báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án NCMR Nhà máy và dữ liệu quan trắc qua các năm trước đó cho thấy các quần xã sinh vật biển xung quanh Nhà máy lọc dầu Dung Quất có chỉ số đa dạng sinh học (Hs) và chỉ số cân bằng (I) ở mức cao (Trích Báo cáo đánh giá tác động môi trường năm 2019).

## CÔNG TÁC ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Do đặc thù của quy trình sản xuất, từ nguyên liệu đầu vào ban đầu, hóa phẩm, phụ gia chất xúc tác cho các quá trình sản xuất cho đến sản phẩm đầu ra của nhà máy đều là các hóa chất, nhiên liệu có khả năng cháy nổ cao và được tồn trữ với khối lượng vô cùng lớn. Bên cạnh đó, Nhà máy lọc dầu Dung Quất là công trình quan trọng đối với an ninh năng lượng quốc gia. Bất cứ sự cố cháy nổ nào xảy ra tại Nhà máy cũng đều có thể gây nên thiệt hại nghiêm trọng về con người, tài sản, môi trường và tác động không nhỏ đến kinh tế của đất nước. Từ đó có thể thấy được công tác phòng chống cháy nổ và cứu nạn cứu hộ, ứng cứu tình huống khẩn cấp ở Nhà máy là hết sức quan trọng và luôn được quan tâm hàng đầu tại BSR.

BSR đã và đang triển khai một số giải pháp bao gồm:

- Đảm bảo việc tuân thủ pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp liên quan
- Thực hiện theo phương châm 04 tại chỗ:
  - Chỉ huy tại chỗ
  - Lực lượng tại chỗ
  - Phương tiện tại chỗ
  - Hậu cần tại chỗ
- Chủ trương thực hiện công tác phòng ngừa là chính

Với những kết quả đạt được như trên, công tác đảm bảo An toàn sức khỏe môi trường của Công ty luôn được duy trì đảm bảo góp phần thành công trong vận hành Nhà máy an toàn liên tục và được Chính phủ, Nhà nước và các đoàn thanh tra, kiểm tra đánh giá cao.

## CÁC DỰ ÁN

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 439/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2019. Công tác đền bù và giải phóng mặt bằng, tái định cư (Tiểu dự án) cũng đã hoàn thành việc chi trả tiền bồi thường và nhận bàn giao mặt bằng ngày 12/06/2020; hiện nay các bên đang triển khai thực hiện các thủ tục liên quan và không xảy ra vướng mắc hay mâu thuẫn nào.





## XÃ HỘI

Khi môi trường kinh doanh đang thay đổi, cách thức làm việc của chúng tôi cũng phải thay đổi. Sự thay đổi liên tục mang lại những thách thức mới nhưng đồng thời cũng tạo ra những cơ hội thú vị.

Để thực hiện chiến lược và tăng trưởng kinh doanh, BSR tập trung vào việc tạo dựng các giá trị con người như trao quyền cho nhân viên của mình, quan tâm đến sức khỏe của họ, cung cấp cho họ các mục tiêu rõ ràng và minh bạch, năng lực và cơ hội phát triển nghề nghiệp, lương thưởng cạnh tranh...



## VIỆC LÀM

BSR luôn đảm bảo chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ chính sách cho người lao động. Trong năm 2020, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do tác động kép của dịch bệnh Covid-19 và giá đầu giảm sâu. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực của Tập thể CBCNV Công ty, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ chính sách khác của Người lao động vẫn luôn được đảm bảo. Tiền lương, tiền thưởng năm 2020 của người lao động được giữ ở mức ổn định so với năm 2019.

BSR xây dựng Quỹ tiền lương, Quỹ thưởng cho người lao động và người quản lý căn cứ vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Có quy định về phúc lợi cho người lao động như thăm hỏi tặng quà các ngày lễ, Tết; trợ cấp khi bản thân/gia đình gặp khó khăn, đau ốm, tai nạn...

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn - bệnh nghề nghiệp, chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; thực hiện chế độ khám chữa bệnh định kỳ đối với người lao động, phụ cấp tiền ăn ca, chế độ Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chế độ nhà ở, xe đưa đón CBCNV đi làm việc hàng ngày...

Để động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực phấn đấu trong công tác, Công ty thực hiện chế độ thưởng định kỳ, thưởng chuyên đề cho các phong trào thi đua, thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng tạo trong lao động, sản xuất, nâng cao hiệu quả cho Công ty.

Đối với lao động nữ, bên cạnh việc thực hiện hỗ trợ cho người lao động từ Quỹ Phúc lợi tập thể, Công ty thực hiện chế độ ưu tiên cho người lao động nữ như: cho lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7 trở lên được nghỉ làm việc hưởng trợ cấp tương đương với 2 tháng tiền lương thực lĩnh và được trợ cấp sinh con với mức 5 triệu đồng/tháng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019
1	Số nhân viên thuê mới	24	29
2	Số nhân viên thôi việc	28	26
3	Số nhân viên nữ nghỉ thai sản	16	18
4	Số nhân viên nam nghỉ thai sản (chăm sóc vợ)	35	38
5	Số nhân viên nữ quay lại làm việc sau khi kết thúc thai sản	11	12

“ Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn - bệnh nghề nghiệp, chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại.



# AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

## CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty tiếp tục hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường trong toàn Công ty. Cùng với đó, Công ty thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo đúng quy định, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường làm việc và đảm bảo sức khỏe người lao động mà trong đó đặt trọng tâm là chương trình thẻ SAO (Safety Action Observation).

Môi trường làm việc an toàn và thuận lợi được duy trì cho cán bộ công nhân viên và các nhà thầu của chúng tôi cũng như hạn chế tỷ lệ tai nạn tại nơi làm việc là những ưu tiên hàng đầu. Công ty có chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm, phụ cấp tiền ăn ca theo đúng quy định của Nhà nước.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng trạm y tế với đầy đủ thiết bị, đáp ứng tốt việc sơ cấp cứu, cấp phát thuốc điều trị bệnh theo quy định của Bộ y tế. Thanh toán đầy đủ và hỗ trợ các chế độ thai sản và hưu trí theo luật định.

Năm 2020, dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp, nhận thức được rủi ro đó, trong thời gian qua BSR đã sớm triển khai nhiều biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo yêu cầu/hướng dẫn của Chính Phủ, Bộ Y tế, Ủy ban Nhân dân tỉnh và Sở Y tế Quảng Ngãi cho toàn thể CBCNV BSR và Nhà thầu làm việc tại Nhà máy thực hiện, đặc biệt trong giai đoạn Bảo dưỡng tổng thể lần 4:

1. Công ty đã ban hành quy trình, hướng dẫn về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 tại BSR trong tình hình mới...làm cơ sở cho toàn bộ người lao động thực hiện;
2. Bố trí nhân sự y tế giám sát thân nhiệt tại các cổng ra vào nhà máy, cung cấp dung dịch sát khuẩn tại các vị trí công cộng, tụ tập đông người, cấp phát khẩu trang cho nhân sự BSR, bố trí máy kiểm tra thân nhiệt tự động tại cổng.
3. Vệ sinh, khử khuẩn phòng làm việc, tòa nhà bằng dung dịch nước sát khuẩn, khử trùng phương tiện giao thông hàng ngày;
4. Thực hiện giãn cách các bàn ăn và bố trí vách ngăn ở giữa để ngăn chặn việc văng bắn tại căn tin của Nhà máy.
5. Khi vào làm việc tại nhà máy:
  - Đối với nhân sự BSR: Tổ chức kiểm tra thân nhiệt toàn bộ nhân sự trước khi lên xe đưa đón và khi vào cổng nhà máy; Bắt buộc đeo khẩu trang khi làm việc tại công ty; Thực hiện khai báo y tế theo quy định
  - Đối với nhân sự nhà thầu làm việc tại BSR: Toàn bộ nhân sự nhà thầu phải khai báo y tế lần đầu để có cơ sở cấp thẻ vào nhà máy. Cách ly 14 ngày đối với nhân sự nước ngoài; Rà soát nhân sự đến từ vùng dịch: Không cấp phép hoặc đủ 14 ngày cách ly mới cấp phép vào Nhà máy; Những nhân sự đến từ vùng dịch, đến những địa điểm được Bộ Y tế khuyến cáo, có các biểu hiện ho, sốt, đau họng ... sẽ không được cấp phép vào nhà máy; Trong quá trình làm việc phải đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn.

Đến thời điểm hiện nay, Công ty không có CBCNV nào mắc Covid-19.



“ Công ty thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo đúng quy định, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường làm việc và đảm bảo sức khỏe người lao động mà trong đó đặt trọng tâm là chương trình thẻ SAO (Safety Action Observation).

## ĐÀO TẠO TUYÊN TRUYỀN

BSR luôn chú trọng công tác huấn luyện ATSKMT (BSR đã được Bộ LĐTBXH cho phép tự huấn luyện ATVSLĐ), đây là một yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng cho công tác an toàn nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ các quy định an toàn cho CBCNV BSR.

Cụ thể trong năm 2020, Công ty BSR đã tổ chức 43 khóa đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường với hơn 6.626 lượt CBCNV tham gia, đạt 30.609 giờ công đào tạo an toàn. Các nội dung đào tạo bao gồm:

- Huấn luyện theo yêu cầu pháp luật: ATVSLĐ nhóm 1,3,4,5,6, Sơ cấp cứu, an toàn điện, an toàn vận thăng, An toàn hóa chất, an toàn nâng hạ
- Đào tạo nâng cao chuyên môn, kỹ năng về an toàn: Đánh giá trường hợp thống ISO 45001: 2018
- Tổ chức đào tạo an toàn nhận thức ban đầu về an toàn cho 100% các nhà thầu, khách tham quan vào làm việc tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Bên cạnh đó, BSR tăng cường công tác tuyên truyền về ý thức tuân thủ công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBNV thông qua việc thực hiện các buổi họp an toàn Công ty nhằm tạo kênh trao đổi thông tin giữa Lãnh đạo Công ty và toàn thể người lao động về chính sách, mục tiêu, kết quả thực hiện công tác ATSKMT, ý kiến đóng góp của người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công tác an toàn, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc.

Tổ chức các đợt tuyên truyền an toàn định kỳ theo chủ đề hàng tháng đối với người lao động nhà thầu, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết về an toàn không chỉ tại Nhà máy mà còn trong những công việc tại gia đình và cộng đồng.

**1** 2 lần/tuần: Họp vận hành, chủ đề ATSKMT được đưa lên đầu tiên

**2** Hàng tháng: Họp vận hành/BDSC/Nhà thầu và ATSKMT

**3** Hàng tháng: Xuất bản bản tin về ATSKMT, treo Slogan ở cổng ra vào, campaign, khen thưởng

**4** Hàng tháng: Phát hành báo cáo thực hiện SAO, trao giải thưởng SAO

**5** Hàng quý: Tổ chức họp ATSKMT cho toàn bộ nhân sự của BSR

**6** Hàng quý: Tổ chức họp Hội đồng ATSKMT

**7** Hàng năm: Tổ chức họp ATSKMT cho toàn bộ nhân sự của BSR

# 43

Khóa đào tạo về An toàn sức khỏe môi trường

# 6.626

lượt CBCNV tham gia

# 30.609

giờ đào tạo an toàn

## KẾT QUẢ NĂM 2020

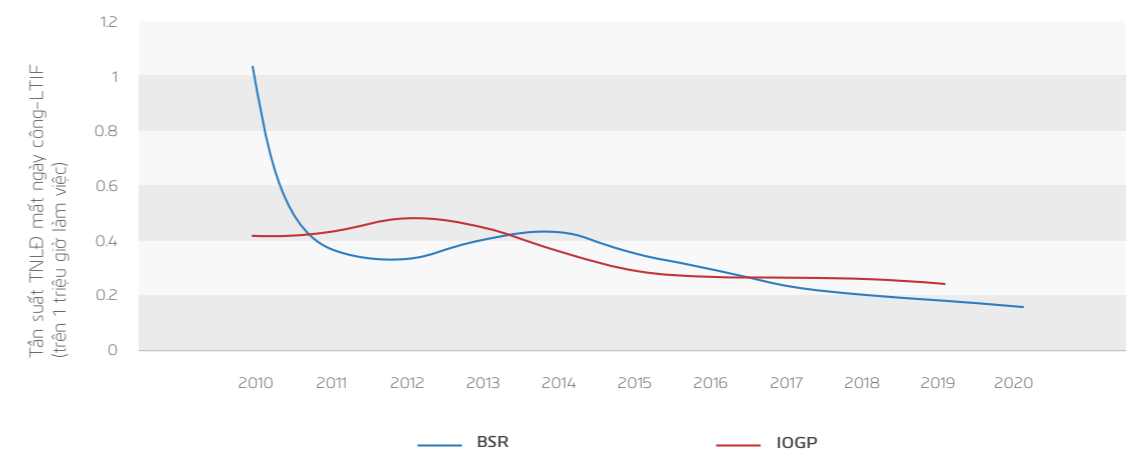
STT	CÁC THÔNG SỐ VỀ AN TOÀN SỨC KHỎE LAO ĐỘNG	ĐVT	KẾT QUẢ
1	Số giờ công an toàn không xảy ra tai nạn lao động mất ngày công (LTI)	Triệu	29,2 (31/12/2020)
2	Sự cố cháy nổ ảnh hưởng hoạt động SXKD	Vụ	0
3	Sự cố an ninh ảnh hưởng hoạt động SXKD	Vụ	0
4	Sự cố môi trường hay các vi phạm quy định môi trường	Vụ	0
5	Số giờ công đào tạo an toàn	Giờ/năm/người	20
6	Số lần diễn tập tình huống khẩn cấp	Lần/năm	80

Trong năm 2020, đã kiểm tra 23.150 TBDC (trong BDTT lần 4, kiểm tra 17.150 TBDC), phát hiện 1.746 hành vi/ điều kiện không an toàn (trong đó có 1.494 phát hiện trong BDTT lần 4) và xử lý vi phạm 60 trường hợp qua các thẻ SAC đỏ, vàng (55 trường hợp vi phạm được xử lý trong BDTT lần 4)

Văn hóa an toàn của Công ty đang và sẽ được xây dựng dựa trên nền tảng 7 thói quen hiệu quả với khẩu hiệu "Tôi chịu trách nhiệm về an toàn cho bản thân, đồng nghiệp và Nhà máy". Việc vận dụng 3 thói quen đầu tiên giúp cho người lao động BSR có ý thức được trách nhiệm đảm bảo an toàn cho bản thân mình "chính tôi chứ không phải ai khác chịu trách nhiệm an toàn cho chính mình" (Thói quen số 1). Khi làm công việc gì, người lao động BSR luôn đặt mục tiêu an toàn là trên hết (Thói quen số 2). Để đảm bảo công việc được an toàn, cần dành thời gian để nhận diện mối nguy và biện pháp kiểm soát thông qua JSA và PTW sau đó phổ biến cho tất cả mọi người để cùng nhau thực hiện (Thói quen số 3).

Chương trình Quan sát hành vi an toàn (SAO) là một công cụ hữu hiệu trong việc khuyến khích hành động an toàn và giảm thiểu hành vi không an toàn của từng cá nhân người lao động. Ngoài ra, đây cũng là công cụ để phát huy được sức mạnh trí tuệ của tập thể người lao động trong công tác nhận diện và kiểm soát các mối nguy hiểm, góp phần cải thiện môi trường làm việc an toàn. Tính từ thời điểm triển khai chương trình đến nay đã có 190.780 thẻ SAO được ghi nhận và hơn 13.273 phát hiện và cải tiến đã được các bộ phận khắc phục xử lý, góp phần cải thiện điều kiện làm việc an toàn, nhân rộng phát huy những việc làm tốt, từ đó đã từng bước nâng cao văn hóa an toàn đến từng CBCNV.

### TẦN SUẤT TNLĐ MẤT NGÀY CÔNG TẠI BSR



Sơ so sánh chỉ số tai nạn lao động ghi nhận được giữa BSR và IOGP (tổ chức các nhà sản xuất/chế biến dầu khí quốc tế)

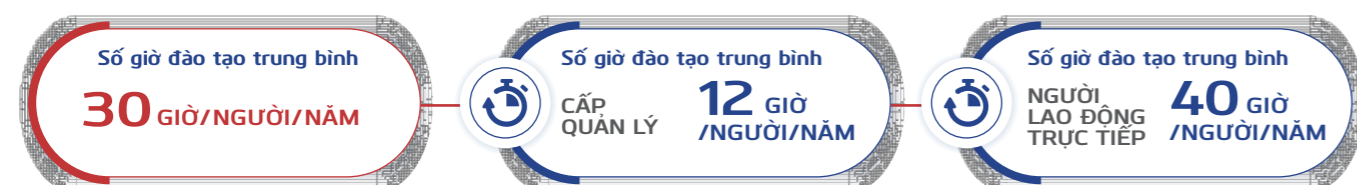
Với những nỗ lực làm việc tuân thủ các quy định về an toàn của CBCNV và Nhà thầu, đến ngày 31/12/2020 Công ty BSR đã đạt mốc 29.2 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công. Chỉ số tai nạn lao động ghi nhận được giữa BSR luôn luôn thấp hơn các Công ty thuộc IOGP.

# GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng. Trong năm 2020, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm sâu nên Công ty đã tiết giảm kinh phí đào tạo khoảng 50% so với kế hoạch ban đầu. Công ty đã tăng cường áp dụng CNTT trong công tác đào tạo như đào tạo trực tuyến trên hệ thống E-learning, E-testing. Công ty đã thực hiện được 98 khóa đào tạo cho 8.336 lượt người, đạt 112% số lượt người so với kế hoạch cả năm đã được phê duyệt. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 5,64 tỷ đồng.

## HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.



Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trong năm 2020, BSR đã triển khai rất nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cấp quản lý và người lao động, một số chương trình cụ thể như sau:

### Chương trình đào tạo kỹ năng cho cấp quản lý

- Kỹ năng huấn luyện (Coaching)
- Kỹ năng đặt câu hỏi – phản hồi và Kỹ năng cố vấn đồng hành (Mentoring)
- Chuyển đổi số trong ngành năng lượng, cơ hội và thách thức

### Chương trình đào tạo kỹ năng cho người lao động

- Lan tỏa 7 thói quen hiệu quả
- Hoạch định và quản trị chiến lược doanh nghiệp
- Xây dựng và đánh giá công việc bằng KPIs



### Chương trình đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường và PCCC

- Quy trình an toàn giàn giáo
- An toàn nổi hơi và thiết bị áp lực
- Kỹ năng thực hành PCCC
- An toàn vệ sinh lao động
- Quản lý an toàn công nghệ

### Chương trình đào tạo về Lọc hóa dầu

- Nghiệp vụ kiểm tra kiểm soát hao hụt dầu thô
- Refinery Quality Management
- Refinery and Technology Management for Next Technology Executives



## CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Triển khai nhiều chương trình An sinh xã hội trên cả nước như tài trợ xây dựng trường học, xây dựng bệnh viện, nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, mua sắm trang thiết bị dạy học, hỗ trợ quỹ đền ơn đáp nghĩa, khắc phục thiên tai, cứu trợ nhân đạo,...

Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là công tác sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã triển khai nhiều chương trình An sinh xã hội trên cả nước như tài trợ xây dựng trường học, xây dựng bệnh viện, nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, mua sắm trang thiết bị dạy học, hỗ trợ quỹ đền ơn đáp nghĩa, khắc phục thiên tai, cứu trợ nhân đạo, khuyến học khuyến tài, Tết vì người nghèo...

Trong năm 2020, Công ty cũng đã tích cực triển khai thực hiện các chương trình An sinh xã hội khác như tham gia cứu trợ thiên tai, chương trình Tết vì người nghèo, các chương trình nhân đạo, chăm lo cho các gia đình chính sách, mẹ Việt Nam anh hùng, khuyến học, khuyến tài,... với tổng kinh phí trên 3 tỷ đồng. Đối với các xã xung quanh NMLD Dung Quất, BSR luôn chủ động khảo sát, phối hợp với chính quyền địa phương và các Sở, ban ngành tỉnh Quảng Ngãi để tham gia hỗ trợ, tài trợ xây dựng trường học, trạm xá và quỹ khuyến học, khuyến tài. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát, BSR đã kịp thời tài trợ cho tỉnh Quảng Ngãi hệ thống máy xét nghiệm Real-time PCR và kinh phí khác để thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19.

Ngoài ra, các Công đoàn bộ phận, nhóm CBCNV cũng đóng góp một phần lương của mình hoặc đóng góp thông qua các giải thể thao để thực hiện các chương trình Tết vì người nghèo, trao học bổng cho các em học sinh, tặng quà cho các gia đình chính sách,... trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## CÁC MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI 2021

Với phương châm "An toàn - Hiệu quả - Bền vững", Công ty đã xây dựng các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện được các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo được các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo. Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
- Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.
- Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và làm tốt công tác an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.



# BẢNG THAM CHIẾU GRI

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 102: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG</b>		
<b>1. Hồ sơ Tổ chức</b>		
GRI 102-1	Tên Tổ chức	9
GRI 102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	18, 27
GRI 102-3	Địa điểm của trụ sở chính	19
GRI 102-4	Các địa điểm hoạt động	19
GRI 102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	9
GRI 102-6	Các thị trường phục vụ	19
GRI 102-7	Quy mô của tổ chức	64
GRI 102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	64, 65
GRI 102-9	Chuỗi cung ứng	21, 26, 27
GRI 102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	65
GRI 102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	x
GRI 102-12	Các sáng kiến bên ngoài	x
GRI 102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	Không tham gia
<b>2. Chiến lược</b>		
GRI 102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	16, 17
GRI 102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	48-52
<b>3. Đạo đức và tính chính trực</b>		
GRI 102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	13
GRI 102-17	Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức	x
<b>4. Quản trị</b>		
GRI 102-18	Cơ cấu quản trị	30, 31
GRI 102-19	Phân cấp thẩm quyền	30, 31
GRI 102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	102
GRI 102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	124-127
GRI 102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	32-43
GRI 102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	32-33
GRI 102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	36-39
GRI 102-25	Xung đột lợi ích	x
GRI 102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	104-105
GRI 102-27	Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất	x
GRI 102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	80-89
GRI 102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	128
GRI 102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	x
GRI 102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	128
GRI 102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	102
GRI 102-33	Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách	x
GRI 102-34	Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách	x
GRI 102-35	Chính sách về thù lao	119
GRI 102-36	Quy trình xác định mức thù lao	x
GRI 102-37	Sự tham gia của bên liên quan vào thù lao	x
GRI 102-38	Tổng tỷ lệ thù lao hàng năm	119
GRI 102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hàng	x

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 102: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG</b>		
<b>5. Sự tham gia của bên liên quan</b>		
GRI 102-40	Danh sách các nhóm bên liên quan	124
GRI 102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	100%
GRI 102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	124
GRI 102-43	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của bên liên quan	124-127
GRI 102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	124-127
<b>6. Thông lệ báo cáo</b>		
GRI 102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	165
GRI 102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	128
GRI 102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	128
GRI 102-48	Trình bày lại thông tin	128
GRI 102-49	Các thay đổi trong báo cáo	Không có
GRI 102-50	Kỳ báo cáo	01.01.2020 - 31.12.2020
GRI 102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	31.12.2019
GRI 102-52	Chu kỳ báo cáo	1 năm
GRI 102-53	Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo	9
GRI 102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	128
GRI 102-55	Mục lục GRI	152-153
GRI 102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	x
<b>GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>		
GRI 201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	14-15
GRI 201-2	Ảnh hưởng về kết quả hoạt động tài chính và các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	x
GRI 201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	143
GRI 201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	x
<b>GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP</b>		
GRI 203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	x
GRI 203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trong yếu	
<b>GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG</b>		
GRI 205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	x
GRI 205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	x
GRI 205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	x
<b>GRI 301: VẬT LIỆU</b>		
GRI 301-1	Vật liệu được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	132-133
GRI 301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	133
GRI 301-3	Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm	133
<b>GRI 302: NĂNG LƯỢNG</b>		
GRI 302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	134
GRI 302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	134
GRI 302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	134
GRI 302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	134
GRI 302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	134

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 303: NƯỚC</b>		
GRI 303-1	Lượng nước đầu vào theo nguồn	135
GRI 303-2	Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào	135
GRI 303-3	Tuần hoàn và tái sử dụng nước	135
<b>GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC</b>		
GRI 304-1	Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần kề các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn	Không có
GRI 304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	140
GRI 304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	Không có
GRI 304-4	Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động	Không có
<b>GRI 305: PHÁT THẢI</b>		
GRI 305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	136
GRI 305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	x
GRI 305-3	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)	x
GRI 305-4	Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)	x
GRI 305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	x
GRI 305-6	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)	Không có
GRI 305-7	Phát thải khí NOX, SOX, và các phát thải khí đáng kể khác	139
<b>GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI</b>		
GRI 306-1	Tổng nước thải theo chất lượng và địa điểm thải	138
GRI 306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	138
GRI 306-3	Sự cố tràn đáng kể	Không có
GRI 306-4	Vận chuyển chất thải nguy hại	137
GRI 306-5	Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi tổng lượng nước thải và/hoặc dòng nước thải	Không có
<b>GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG</b>		
GRI 307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	x
<b>GRI 401: VIỆC LÀM</b>		
GRI 401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	143
GRI 401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	143
GRI 401-3	Nghỉ thai sản	143
<b>GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP</b>		
GRI 403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	144
GRI 403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tư vong liên quan đến công việc	147
GRI 403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	147
GRI 403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	x

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	TRANG
<b>GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		
GRI 404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	146, 148
GRI 404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	148
GRI 404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	x
<b>GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</b>		
GRI 413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	150
GRI 413-2	Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương	x
<b>GRI 415: CHÍNH SÁCH CÔNG</b>		
GRI 415-1	Đóng góp chính trị	x
<b>GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG</b>		
GRI 416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ	x
GRI 416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	x



# 07

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020

- Báo cáo của ban Tổng Giám đốc 156
- Báo cáo kiểm toán độc lập 158
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất 160
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 162
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 163
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 164



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### Hội đồng Quản trị

#### Ông Nguyễn Văn Hội

Chủ tịch  
(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

#### Ông Lê Xuân Huyền

Chủ tịch  
(Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

#### Ông Bùi Minh Tiến

Thành viên

#### Ông Hà Đồng

Thành viên

#### Ông Nguyễn Bá Phước

Thành viên độc lập

#### Ông Nguyễn Hải Âu

Thành viên độc lập

#### Ông Khương Lê Thành

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

#### Ông Nguyễn Quang Hòa

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

### Ban Tổng Giám đốc

#### Ông Bùi Minh Tiến

Tổng Giám đốc

#### Ông Nguyễn Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

#### Ông Nghiêm Đức Dương

Phó Tổng Giám đốc

#### Ông Trần Đoàn Thịnh

Phó Tổng Giám đốc

#### Ông Nguyễn Việt Thắng

Phó Tổng Giám đốc  
(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2020)

#### Ông Bùi Ngọc Dương

Phó Tổng Giám đốc  
(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2020)

#### Ông Nguyễn Duyên Cường

Phó Tổng Giám đốc  
(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2020)

#### Ông Nguyễn Văn Hội

Phó Tổng Giám đốc  
(Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

#### Ông Khương Lê Thành

Phó Tổng Giám đốc  
(Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020)

#### Ông Đinh Thái Hà

Phó Tổng Giám đốc  
(Từ trần ngày 03 tháng 10 năm 2020)

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Việt Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc  
(Theo Quyết định ủy quyền số 4270/QĐ-BSR ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Tổng Giám đốc Công ty)

Ngày 26 tháng 3 năm 2021





# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 0825/VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tt)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



### Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

*số 0891-2018-001-1*

### CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*

*kiểm toán số 1472-2018-001-1*



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.997.221.937.511</b>	<b>26.895.631.213.358</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>12.792.513.572.897</b>	<b>8.352.397.877.468</b>
Tiền	111		292.781.195.938	392.665.500.509
Các khoản tương đương tiền	112		12.499.732.376.959	7.959.732.376.959
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>958.166.010.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		958.166.010.000	4.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.814.097.149.495</b>	<b>9.972.423.123.156</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.634.855.260.194	9.754.734.792.457
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	116.448.291.921	160.845.267.236
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	59.259.160.457	52.817.734.366
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(869.272.576)	(883.549.676)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.403.709.499	4.908.878.773
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>8.386.688.832.594</b>	<b>8.515.237.725.245</b>
Hàng tồn kho	141		8.408.722.284.068	8.535.271.500.226
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.033.451.474)	(20.033.774.981)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.756.372.525</b>	<b>51.572.487.489</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	39.320.620.505	44.866.445.221
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		134.026.968	521.459.153
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	6.301.725.052	6.184.583.115
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.897.712.133.562</b>	<b>26.688.361.782.701</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>533.509.547.749</b>	<b>533.509.547.749</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	533.509.547.749	533.509.547.749
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.375.534.551.416</b>	<b>24.847.509.724.927</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	22.092.837.391.026	24.499.697.980.475
- Nguyên giá	222		47.379.785.624.357	47.318.448.424.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.286.948.233.331)	(22.818.750.443.535)
Tài sản cố định vô hình	227	12	282.697.160.390	347.811.744.452
- Nguyên giá	228		810.943.646.722	795.174.418.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(528.246.486.332)	(447.362.674.070)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.101.844.765.433</b>	<b>1.026.498.425.110</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.101.844.765.433	1.026.498.425.110
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>9.976.262.103</b>	<b>10.018.235.823</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	11.244.000.000	11.244.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(1.267.737.897)	(1.225.764.177)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.876.847.006.861</b>	<b>270.825.849.092</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.876.839.449.622	270.814.231.247
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.557.239	11.617.845
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>55.894.934.071.073</b>	<b>53.583.992.996.059</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.830.395.140.151</b>	<b>19.530.395.992.348</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.407.344.880.956</b>	<b>12.916.387.379.661</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7.004.930.722.285	7.067.941.410.738
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.317.931.433	4.414.770.972
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	951.336.653.244	1.324.184.390.421
Phải trả người lao động	314		110.891.005.463	137.672.947.027
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	310.579.875.350	281.977.244.160
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.905.378.573.837	2.874.051.897.441
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	9.969.279.273.905	1.106.165.600.001
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		150.630.845.439	119.979.118.901
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.423.050.259.195</b>	<b>6.614.008.612.687</b>
Phải trả dài hạn khác	337		2.771.193.987	2.771.193.987
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	3.022.122.002.938	5.192.347.309.334
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10.288.601.446	6.593.990.286
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	1.387.868.460.824	1.412.296.119.080
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>31.064.538.930.922</b>	<b>34.053.597.003.711</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>31.064.538.930.922</b>	<b>34.053.597.003.711</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.440.434.975	2.440.434.975
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		106.709.914	106.709.914
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.902.497.446	2.975.058.051.015
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.847.992.932.613	183.357.183.151
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(2.820.090.435.167)	2.791.700.867.864
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		29.093.128.587	70.995.647.807
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>55.894.934.071.073</b>	<b>53.583.992.996.059</b>

*Đạm*

Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu

*Bạch Đức Long*

Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>57.959.112.673.412</b>	<b>102.823.756.014.297</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	3.369.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>57.959.112.673.412</b>	<b>102.823.752.645.297</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	60.183.939.693.526	98.850.991.293.829
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(2.224.827.020.114)</b>	<b>3.972.761.351.468</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	666.178.306.758	536.775.450.247
Chi phí tài chính	22	28	497.659.186.225	416.118.869.286
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		325.082.824.759	359.859.613.027
Chi phí bán hàng	25	29	551.873.123.765	714.115.014.949
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	269.294.376.639	389.424.547.940
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)</b>	<b>30</b>		<b>(2.877.475.399.985)</b>	<b>2.989.878.369.540</b>
Thu nhập khác	31	30	25.771.539.027	68.881.593.622
Chi phí khác	32	31	723.577.572	4.365.721.492
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>25.047.961.455</b>	<b>64.515.872.130</b>
<b>Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.852.427.438.530)</b>	<b>3.054.394.241.670</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	2.001.392.078	177.270.179.729
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.698.671.766	4.126.651.594
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(2.858.127.502.374)</b>	<b>2.872.997.410.347</b>
Trong đó:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		(2.818.841.515.440)	2.913.820.263.418
(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(39.285.986.934)	(40.822.853.071)
<b>(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>(909)</b>	<b>857</b>



Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu



Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: VND

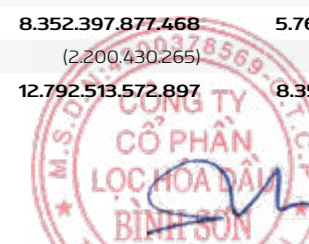
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(2.852.427.438.530)</b>	<b>3.054.394.241.670</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.551.990.474.895	2.669.783.294.085
Các khoản dự phòng	03	2.027.373.113	(234.720.235.981)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(74.294.238.558)	(92.553.411.901)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(377.659.372.254)	(340.068.595.319)
Chi phí lãi vay	06	325.082.824.759	359.859.613.027
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(425.280.376.575)</b>	<b>5.416.694.905.581</b>
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	2.182.793.763.635	(959.592.960.335)
Giảm hàng tồn kho	10	126.549.216.158	94.632.042.126
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	586.439.950.525	(9.513.946.266)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.600.479.393.659)	49.554.978.250
Tiền lãi vay đã trả	14	(272.987.474.693)	(314.058.808.996)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(58.485.451.850)	(84.201.965.721)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.322.671.530	11.410.204.883
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(126.954.133.189)	(119.502.861.254)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>424.918.771.882</b>	<b>4.937.118.588.268</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(173.266.450.408)	(269.230.928.980)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.725.454.545	489.500.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(954.166.010.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	371.043.780.254	325.634.820.268
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(752.663.225.609)</b>	<b>56.893.391.288</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	40.530.338.344.135	13.328.000.892.845
Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.758.382.570.230)	(15.223.349.059.443)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.895.194.484)	(507.667.377.470)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>4.770.060.579.421</b>	<b>(2.403.015.544.068)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>4.442.316.125.694</b>	<b>2.590.996.435.488</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.352.397.877.468</b>	<b>5.762.092.884.337</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.200.430.265)	(691.442.357)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>12.792.513.572.897</b>	<b>8.352.397.877.468</b>



Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu



Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.990 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: là 1.987).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong 4 tháng đầu năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của dịch bệnh Covid-19, sự sụt giảm của giá dầu thô làm công tác tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn và phát sinh lỗ cho Công ty do suy giảm giá trị thu hồi từ hàng tồn kho. Tuy nhiên, từ tháng 5 năm 2020, cùng với sự kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ, giá dầu thô được hồi phục và áp dụng những giải pháp linh hoạt trong hoạt động, Công ty đã kinh doanh có lãi trở lại.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4) cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo Quyết định số 2639/QĐ-BSR ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch bảo dưỡng tổng thể lần 4 Nhà máy lọc dầu Dung Quất. TA4 được diễn ra trong 51 ngày, từ ngày 12 tháng 8 năm 2020 đến ngày 01 tháng 10 năm 2020 với tổng chi phí khoảng 1.500 tỷ VND.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất có địa chỉ tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với chức năng chính là đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 02 công ty con sau:

	NOI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ GÓP VỐN	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	Sản xuất bao bì Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	65,54%	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

### Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:

Trong năm 2020, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí có lãi còn của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung bị lỗ.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: Chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CKTKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4), chi phí hóa chất xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4) là các chi phí phát sinh để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 4 cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, được phân bổ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày hoàn thành TA4 (ngày 01 tháng 10 năm 2020).

Chi phí hóa chất xuất dùng là chi phí các lô hóa chất xuất dùng cho phần xử lý reforming xúc tác liên tục (CCR) được phân bổ tương ứng với thời gian sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

## Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	10 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là “Quyết định 952”), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CDKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho (“Công văn số 18327”), cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa) phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Bản quyền, bằng sáng chế	15
Phần mềm máy tính	3
Tài sản cố định vô hình khác	6

## Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

## Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

## Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

## Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm. Trong năm 2020, Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con) bị lỗ nên không trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

## Ghi nhận doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- Theo Quyết định 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Năm 2020 là năm thứ 7 (bảy) Công ty mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy sản xuất Bio-Ethanol nhiên liệu bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm thứ 6 (sáu) BSR-BF được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm thứ 6 (sáu) PVBuilding được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty và BSR-BF có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Thời gian chuyển lỗ được tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Công ty và BSR-BF chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về việc thu được lợi nhuận trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/USDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản chênh lệch lãi tiền





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Tiền mặt	419.766.087	600.334.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	292.361.429.851	392.065.165.897
Các khoản tương đương tiền (*)	12.499.732.376.959	7.959.732.376.959
	<b>12.792.513.572.897</b>	<b>8.352.397.877.468</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.734.732.376.959 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.734.732.376.959 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, trong đó bao gồm 2 tỷ VND tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng
	VND	%	VND	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,75%	7.000.000.000	7.000.000.000	8,75%	-
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.267.737.897)	4.244.000.000	5,03%	(1.225.764.177)
	<b>11.244.000.000</b>		<b>(1.267.737.897)</b>	<b>11.244.000.000</b>		<b>(1.225.764.177)</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	3.027.499.767.058	3.535.894.938.330
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	479.863.730.540	781.224.375.250
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	200.145.227.412	172.609.849.830
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	206.051.888.305	417.493.076.919
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội	190.617.852.934	228.173.977.433
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	187.749.465.300	159.266.036.547
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	184.122.452.223	356.963.568.927
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	56.220.568.131	368.899.103.335
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	55.073.489.805	337.646.814.576
Các khách hàng khác	1.443.311.157.113	1.555.733.198.605
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.604.199.661.373	1.840.829.852.705
	<b>7.634.855.260.194</b>	<b>9.754.734.792.457</b>

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>116.448.291.921</b>	<b>160.845.267.236</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	47.272.509.876	47.272.509.876
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Sun Life Việt Nam	11.564.168.683	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thành Thiên	4.354.093.600	217.623.260
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	3.145.395.315	-
Albemarle Singapore Pte. Ltd	24.264.393.768	16.338.745.518
Các đối tượng khác	25.847.730.679	97.016.388.582
<b>Dài hạn</b>	<b>533.509.547.749</b>	<b>533.509.547.749</b>
Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	533.509.547.749	533.509.547.749
	<b>649.957.839.670</b>	<b>694.354.814.985</b>
Trong đó: <b>Trả trước cho các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	48.056.609.709	48.056.609.709

(\*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất từ năm 2015 để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	46.165.916.217	40.420.686.381
Phải thu về cổ phần hóa	5.701.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng cho nhân viên	616.290.000	1.262.321.793
Phải thu khác	6.775.281.552	5.433.053.504
	<b>59.259.160.457</b>	<b>52.817.734.366</b>
Trong đó: <b>Phải thu khác từ các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.842.065.713	1.333.435.575

## 9. HÀNG TỒN KHO

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.182.161.766.448	-	2.149.988.909.171	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.060.490.326.909	(5.913.911.465)	2.921.652.308.590	(1.656.812.167)
Công cụ, dụng cụ	1.602.126.701.654	(16.119.540.009)	1.556.330.335.611	(1.416.542.330)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	926.031.961.338	-	968.214.423.091	(11.008.550.222)
Thành phẩm	637.887.278.712	-	938.986.571.956	(3.268.981.367)
Hàng hoá	24.249.007	-	98.951.807	(2.682.888.895)
	<b>8.408.722.284.068</b>	<b>(22.033.451.474)</b>	<b>8.535.271.500.226</b>	<b>(20.033.774.981)</b>

Trong năm 2020, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 22.033.451.474 VND (năm 2019: 20.033.774.981 VND) và hoàn nhập dự phòng với số tiền 20.033.774.981 VND (năm 2019: 256.015.467.889 VND) đối với hàng tồn kho bị giảm giá, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>39.320.620.505</b>	<b>44.866.445.221</b>
Bảo hiểm con người, rủi ro tài sản	35.709.925.567	33.971.864.339
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.610.694.938	10.894.580.882
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.876.839.449.622</b>	<b>270.814.231.247</b>
Chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4	1.421.830.899.288	-
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	212.807.504.174	257.751.270.212
Chi phí hóa chất xuất dùng	137.887.956.089	-
Chi phí sửa chữa tài sản	66.748.146.326	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.564.943.745	13.062.961.035
	<b>1.916.160.070.127</b>	<b>315.680.676.468</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

## 11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

MẪU SỐ B 09-DN/HN

NGUYÊN GIÁ	NHÀ XƯỞNG VÀ VẬT KIẾN TRÚC		MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ		PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN		THIỆT BỊ VẠN PHÒNG		TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH KHÁC		TỔNG CỘNG	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.942.429.690.949</b>	<b>39.224.041.301.839</b>	<b>186.876.209.350</b>	<b>558.456.093.459</b>	<b>406.645.128.413</b>	<b>47.318.448.424.010</b>						
Tăng trong năm	-	57.732.914.347	7.527.054.548	3.607.380.574	-	-	68.867.349.469					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.508.649.122)	-	-	-	(7.508.649.122)					
Giảm khác	-	(21.500.000)	-	-	-	-	(21.500.000)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.942.429.690.949</b>	<b>39.281.752.716.186</b>	<b>186.894.614.776</b>	<b>562.063.474.033</b>	<b>406.645.128.413</b>	<b>47.379.785.624.357</b>						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.803.824.445.387</b>	<b>19.471.582.599.718</b>	<b>113.924.276.274</b>	<b>332.678.215.446</b>	<b>96.740.906.710</b>	<b>22.818.750.443.535</b>						
Khấu hao trong năm	287.305.117.483	2.070.656.001.556	14.791.158.422	83.011.173.436	16.260.885.096	2.472.024.335.993						
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	182.806.359	460.036.680	-	215.001.304	-	857.844.343						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.684.390.540)	-	-	(4.684.390.540)						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.091.312.369.229</b>	<b>21.542.698.637.954</b>	<b>124.031.044.156</b>	<b>415.904.390.186</b>	<b>113.001.791.806</b>	<b>25.286.948.233.331</b>						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.138.605.245.562</b>	<b>19.752.458.702.121</b>	<b>72.951.933.076</b>	<b>225.777.878.013</b>	<b>309.904.221.703</b>	<b>24.499.697.980.475</b>						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.851.117.321.720</b>	<b>17.739.054.078.232</b>	<b>62.863.570.620</b>	<b>146.159.083.847</b>	<b>293.643.336.607</b>	<b>22.092.837.391.026</b>						

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là khoảng 1.290,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: khoảng 1.362 tỷ VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.758 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 309,8 tỷ VND).

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	BẢN QUYỀN, BẰNG SÁNG CHẾ	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>438.606.719.617</b>	<b>323.864.526.400</b>	<b>32.703.172.505</b>	<b>795.174.418.522</b>
Tăng trong năm	-	15.769.228.200	-	15.769.228.200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>438.606.719.617</b>	<b>339.633.754.600</b>	<b>32.703.172.505</b>	<b>810.943.646.722</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>269.131.395.668</b>	<b>150.553.210.806</b>	<b>27.678.067.596</b>	<b>447.362.674.070</b>
Khấu hao trong năm	23.834.425.667	55.652.149.615	479.563.620	79.966.138.902
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	-	917.673.360	-	917.673.360
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>292.965.821.335</b>	<b>207.123.033.781</b>	<b>28.157.631.216</b>	<b>528.246.486.332</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>169.475.323.949</b>	<b>173.311.315.594</b>	<b>5.025.104.909</b>	<b>347.811.744.452</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>145.640.898.282</b>	<b>132.510.720.819</b>	<b>4.545.541.289</b>	<b>282.697.160.390</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 185,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 39,4 tỷ VND).

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.072.374.125.592	1.003.884.732.778
Dự án cải hoán đường thoát nước mái nổi của bể chứa dầu thô TK-6001A	8.576.590.909	-
Dự án kho lưu chứa nguồn phóng xạ	2.432.882.552	2.430.982.552
Các công trình khác	18.461.166.380	20.182.709.780
	<b>1.101.844.765.433</b>	<b>1.026.498.425.110</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Socar Trading Singapore Pte. Ltd.	1.254.592.557.174	1.254.592.557.174	1.315.825.625	1.315.825.625
Công ty Liên doanh Điều hành chung Cửu Long	1.090.409.294.550	1.090.409.294.550	1.002.560.729.188	1.002.560.729.188
Shell International Eastern Trading Company	822.056.487.659	822.056.487.659	-	-
Vitol Asia Pte. Ltd.	317.805.955.066	317.805.955.066	-	-
Công ty Điều hành chung Hoàng Long	227.776.301.765	227.776.301.765	860.407.745.789	860.407.745.789
Premier Oil Việt Nam Offshore B.V	-	-	44.144.550.755	44.144.550.755
Công ty Điều hành chung Thăng Long	142.515.541.416	142.515.541.416	175.238.596.078	175.238.596.078
Các đối tượng khác	561.755.874.994	561.755.874.994	328.416.391.519	328.416.391.519
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(chi tiết tại Thuyết minh số 34)	2.588.018.709.661	2.588.018.709.661	4.655.857.571.784	4.655.857.571.784
	<b>7.004.930.722.285</b>	<b>7.004.930.722.285</b>	<b>7.067.941.410.738</b>	<b>7.067.941.410.738</b>

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ PHẢI NỘP/BÙ TRỪ TRONG NĂM	SỐ ĐÃ THỰC NỘP TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>				
Thuế xuất, nhập khẩu	665.094.257	56.731.771.363	56.731.771.363	665.094.257
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.153.596.211	(158.261.805)	-	3.311.858.016
Thuế thu nhập cá nhân	224.383.243	(5.294.721)	-	229.677.964
Thuế nhà thầu	2.112.726.304	60.770.239.124	60.752.607.635	2.095.094.815
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.095.094.815	33.559.727.955	33.559.727.955	2.095.094.815
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	17.631.489	27.210.511.169	27.192.879.680	-
Tiền thuê đất	28.783.100	455.618.048	426.834.948	-
	<b>6.184.583.115</b>	<b>117.794.072.009</b>	<b>117.911.213.946</b>	<b>6.301.725.052</b>
<b>Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	678.990.465.412	3.497.620.644.735	3.679.172.312.079	497.438.798.068
- Thuế GTGT đầu ra	678.979.788.592	1.578.897.408.511	1.760.438.399.035	497.438.798.068
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10.676.820	1.918.723.236.224	1.918.733.913.044	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	570.334.154.148	2.510.003.386.325	2.645.456.120.236	434.881.420.237
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.823.620.821	2.160.005.119	58.485.451.850	498.174.090
Thuế thu nhập cá nhân	4.034.998.382	15.753.516.221	17.302.808.060	2.485.706.543
Các loại thuế khác	14.001.151.658	112.341.648.895	110.310.246.247	16.032.554.306
	<b>1.324.184.390.421</b>	<b>6.137.879.201.295</b>	<b>6.510.726.938.472</b>	<b>951.336.653.244</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Lãi vay phải trả	267.781.358.510	216.449.022.997
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	15.893.114.951	45.275.257.314
Phải trả chi phí vận chuyển	18.009.114.580	8.091.361.074
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	8.896.287.309	12.161.602.775
	<b>310.579.875.350</b>	<b>281.977.244.160</b>

## 17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	957.457.298.927	-
Lợi nhuận còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	917.747.535.419	917.747.535.419
Phải trả tiền bán cổ phần (ii)	9.211.577.795	9.211.577.795
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.696.119.070	5.480.260.710
Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	1.118.996.642
Ngân hàng Phát triển Việt Nam trước hạn (iii)	-	1.925.894.960.000
Phải trả ngắn hạn khác	15.147.045.984	14.598.566.875
	<b>1.905.378.573.837</b>	<b>2.874.051.897.441</b>
Trong đó: <b>Phải trả khác cho các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 34)	918.866.532.061	2.846.136.260.431

(i) Phải trả thư tín dụng trả chậm (UPAS L/C) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi liên quan đến lô dầu nhập khẩu từ Vitol Asia Pte. Ltd. đã được ngân hàng thanh toán. Thời hạn phải trả từ ngày 24 tháng 12 năm 2020 đến ngày 22 tháng 6 năm 2021, mức phí UPAS L/C là 2,9%/năm. Toàn bộ phải trả liên quan đến số tiền đã thanh toán và phí UPAS L/C tương ứng sẽ được trả một lần vào ngày đến hạn.

(ii) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và chưa nộp về Quý hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp bao gồm cả tiền lãi. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

(iii) Phản ánh khoản Công ty phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Nghị quyết số 7301/NQ- DKVN ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Thành viên PVN về việc phê duyệt chủ trương ứng trả nợ trước hạn khoản vay Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 01/2007/HĐTD-DQR giữa PVN và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) tương ứng với số tiền 83.336.000 USD để trả trước hạn 04 kỳ trả gốc năm 2020. Theo Thỏa thuận ghi nhận nợ và trả nợ số 2503/TTGNN-DKVN ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty và PVN, Công ty nhận nợ số tiền trên với kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 3 tháng một lần và trả vào ngày 25 của tháng cuối cùng của kỳ trả nợ. Số tiền nợ gốc và lãi vay được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân giá mua và bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán. Lãi suất cho vay 3,6%/năm, lãi được tính trên dư nợ và số ngày nhận nợ thực tế chia cho 360 ngày. Công ty đã thanh toán hết cho PVN trong năm 2020.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

## 18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>VAY NGẮN HẠN</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>40.530.338.344.135</b>	<b>33.818.528.830.230</b>	<b>7.111.809.513.905</b>	<b>7.111.809.513.905</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-	-	26.580.356.681.939	22.425.907.522.624	4.154.449.159.315	4.154.449.159.315
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	3.839.226.911.071	2.101.866.556.481	1.737.360.354.590	1.737.360.354.590
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	-	-	2.700.000.000.000	1.850.000.000.000	850.000.000.000	850.000.000.000
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.535.000.000.000	1.165.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Hội sở chính	-	-	2.742.965.037.349	2.742.965.037.349	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	2.664.212.989.201	2.664.212.989.201	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	400.000.000.000	400.000.000.000	313.665.502.374	713.665.502.374	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	-	-	14.911.222.201	14.911.222.201	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
<b>NỢ DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ (XEM THUYẾT MINH SỐ 19)</b>	<b>706.165.600.001</b>	<b>-</b>	<b>4.077.199.119.999</b>	<b>1.925.894.960.000</b>	<b>2.857.469.760.000</b>	<b>1.919.644.760.000</b>
Chi tiết số dư vay dài hạn đến hạn trả tại:						
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	-	3.845.539.720.000	1.925.894.960.000	1.919.644.760.000	1.919.644.760.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	706.165.600.001	(*)	231.659.399.999	-	937.825.000.000	(*)
	<b>1.106.165.600.001</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>44.607.537.464.134</b>	<b>35.744.423.790.230</b>	<b>9.969.279.273.905</b>	<b>9.031.454.273.905</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay nêu trên.

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất cố định quy định theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	SỐ ĐẦU NĂM		TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>VAY DÀI HẠN</b>	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>-</b>	<b>18.921.146.397</b>	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>4.798.374.780.000</b>
<b>Chi tiết số dư vay dài hạn tại:</b>						
Công ty Cổ phần Lạc hóa dầu Bình Sơn	4.813.997.880.000	4.813.997.880.000	-	15.623.100.000	4.798.374.780.000	4.798.374.780.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	1.084.515.029.335	(*)	-	3.298.046.397	1.081.216.982.938	(*)
	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>4.813.997.880.000</b>	<b>-</b>	<b>18.921.146.397</b>	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>4.798.374.780.000</b>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	706.165.600.001				2.857.469.760.000	
- Số phải trả sau 12 tháng	5.192.347.309.334				3.022.122.002.938	

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay nêu trên.

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	SỐ ĐẦU NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị VND	Nợ phải trả sau 12 tháng VND	Giá trị VND	Nợ phải trả sau 12 tháng VND
<b>VAY DÀI HẠN</b>	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>706.165.600.001</b>	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>3.022.122.002.938</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	4.813.997.880.000	-	4.798.374.780.000	2.878.730.020.000
- Chi nhánh Quảng Ngãi				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	521.787.529.780	340.074.746.960	520.094.147.028	451.803.750.779
- Chi nhánh Quảng Ngãi				
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương	346.456.605.923	225.469.660.787	345.443.024.877	299.373.022.417
- Chi nhánh				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	216.270.893.632	140.621.192.254	215.679.811.033	186.648.226.804
- Chi nhánh Dung Quất				
	<b>5.898.512.909.335</b>	<b>706.165.600.001</b>	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>3.022.122.002.938</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn của Công ty mẹ và công ty con được dùng để đầu tư, mua sắm và xây dựng tài sản cố định. Lãi suất trong năm là từ 10,87%/năm đến 16,55%/năm (bao gồm cả lãi quá hạn) đối với đồng Việt Nam và từ 3,2%/năm đến 4,8%/năm đối với Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm, và lãi suất vay như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Vay bằng USD	5.291.220.615.910	5.830.235.909.335
Vay bằng VND	588.371.147.028	68.277.000.000
	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>5.898.512.909.335</b>

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Vay có đảm bảo bằng tài sản (Thuyết minh số 11)	1.081.216.982.938	1.084.515.029.335
Vay tín chấp	4.798.374.780.000	4.813.997.880.000
	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>5.898.512.909.335</b>

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Vay theo lãi suất thả nổi	1.081.216.982.938	1.084.515.029.335
Vay theo lãi suất cố định	4.798.374.780.000	4.813.997.880.000
	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>5.898.512.909.335</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Trong vòng một năm	2.857.469.760.000	706.165.600.001
Trong năm thứ hai	2.063.036.742.938	2.160.419.360.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	959.085.260.000	3.031.927.949.334
	<b>5.879.591.762.938</b>	<b>5.898.512.909.335</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	2.857.469.760.000	706.165.600.001
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>3.022.122.002.938</b>	<b>5.192.347.309.334</b>

## 20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Số dư đầu năm	1.412.296.119.080	1.415.813.745.459
Giảm trong năm	(24.427.658.256)	(3.517.626.379)
- Sử dụng quỹ	(24.427.658.256)	(3.517.626.379)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.387.868.460.824</b>	<b>1.412.296.119.080</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU		QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU		LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHUA CỬA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		LỢI ÍCH	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>SỐ DƯ ĐẦU NĂM TRƯỚC</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>2.440.434.975</b>	<b>106.709.914</b>	<b>256.261.875.092</b>	<b>113.741.149.859</b>	<b>31.377.546.329.840</b>			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.913.822.026.418	(40.822.853.071)	2.872.997.410.347			
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018	-	-	-	-	(65.853.362.976)	(253.983.915)	(66.107.346.891)			
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	(129.166.019.726)	(251.080.274)	(129.417.100.000)			
Giảm khác	-	-	-	-	(4.704.793)	(1.417.584.792)	(1.422.289.585)			
<b>SỐ DƯ ĐẦU NĂM NAY</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>2.440.434.975</b>	<b>106.709.914</b>	<b>2.975.058.051.015</b>	<b>70.995.647.807</b>	<b>34.053.597.003.711</b>			
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(2.818.841.515.440)	(39.285.986.934)	(2.858.127.502.374)			
Trích các quỹ (*)	-	-	-	-	(127.803.050.573)	(619.086.461)	(128.422.137.034)			
Giảm khác	-	-	-	-	(510.987.556)	(1.997.445.825)	(2.508.433.381)			
<b>SỐ DƯ CUỐI NĂM NAY</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>2.440.434.975</b>	<b>106.709.914</b>	<b>27.902.497.446</b>	<b>29.093.128.587</b>	<b>31.064.538.930.922</b>			

(\*) Trích các quỹ trong năm bao gồm:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 ngày 26 tháng 5 năm 2020, Công ty mẹ được trích thêm 124.723.600.000 VND vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí Việt Nam (PVBuilding), PVBuilding trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.388.227.247 VND (PVBuilding đã tạm trích trong năm 2019 số tiền 1.500.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm 2020 là 1.888.227.247 VND); trích Quỹ thưởng ban điều hành: 310.309.787 VND và tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 với số tiền là 1.500.000.000 VND.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.004.996.160.000</b>	<b>100%</b>

## Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

## 22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngoại tệ các loại Đô la Mỹ (USD)	695.644,85	408.105,81
Euro (EUR)	1,56	2,16

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

## 23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty có 02 công ty con. Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau:

- Công ty mẹ: thực hiện hoạt động lọc hóa dầu và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): quản lý nhà ở, kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị và các hoạt động thương mại;
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF): thực hiện sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sinh học.

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	SẢN PHẨM LỌC HÓA DẦU	NHIÊN LIỆU SINH HỌC	SẢN XUẤT BAO BÌ & THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	LOẠI TRỪ NỘI BỘ	TỔNG
TÀI SẢN	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	54.509.262.241.492	1.354.289.365.935	234.275.973.870	(202.893.510.224)	55.894.934.071.073
<b>TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT</b>	<b>54.509.262.241.492</b>	<b>1.354.289.365.935</b>	<b>234.275.973.870</b>	<b>(202.893.510.224)</b>	<b>55.894.934.071.073</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>					
Nợ phải trả bộ phận	23.470.716.632.561	1.362.635.328.507	43.611.654.952	(46.568.475.869)	24.830.395.140.151
Vốn chủ sở hữu bộ phận	31.038.545.608.931	(8.345.962.572)	190.664.318.918	(156.325.034.355)	31.064.538.930.922
<b>TỔNG NGUỒN VỐN HỢP NHẤT</b>	<b>54.509.262.241.492</b>	<b>1.354.289.365.935</b>	<b>234.275.973.870</b>	<b>(202.893.510.224)</b>	<b>55.894.934.071.073</b>

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	SẢN PHẨM LỌC HÓA DẦU	NHIÊN LIỆU SINH HỌC	SẢN XUẤT BAO BÌ & THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	LOẠI TRỪ NỘI BỘ	TỔNG
TÀI SẢN	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	52.218.212.446.096	1.429.080.960.467	226.255.282.000	(289.555.692.504)	53.583.992.996.059
<b>TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT</b>	<b>52.218.212.446.096</b>	<b>1.429.080.960.467</b>	<b>226.255.282.000</b>	<b>(289.555.692.504)</b>	<b>53.583.992.996.059</b>
<b>CÔNG NỢ</b>					
Nợ phải trả bộ phận	18.242.558.329.309	1.316.338.747.682	34.454.809.952	62.955.894.595)	19.530.395.992.348
Vốn chủ sở hữu bộ phận	33.975.654.116.787	112.742.212.785	191.800.472.048	(226.599.797.909)	34.053.597.003.711
<b>TỔNG NGUỒN VỐN HỢP NHẤT</b>	<b>52.218.212.446.096</b>	<b>1.429.080.960.467</b>	<b>226.255.282.000</b>	<b>(289.555.692.504)</b>	<b>53.583.992.996.059</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

## 23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	SẢN PHẨM LỌC HÓA DẦU	NHIÊN LIỆU SINH HỌC	SẢN XUẤT BAO BÌ & THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	LOẠI TRỪ NỘI BỘ	TỔNG
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	57.895.323.757.871	6.928.553.398	353.869.055.711	(297.008.693.568)	57.959.112.673.412
Chi phí sản xuất kinh doanh	60.878.574.859.724	84.217.970.877	34.162.963.251	(299.315.268.922)	61.005.107.193.930
- Giá vốn hàng bán	60.063.500.340.583	82.136.617.110	320.800.268.788	(282.497.532.955)	60.183.939.693.526
- Chi phí bán hàng	548.015.340.700	3.444.500	3.854.338.565	-	551.873.123.765
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	267.059.178.441	2.077.909.267	16.975.024.898	(16.817.735.967)	269.294.376.639
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN</b>	<b>(2.983.251.101.853)</b>	<b>(77.289.417.479)</b>	<b>12.239.423.460</b>	<b>2.306.575.354</b>	<b>(3.045.994.520.518)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					666.178.306.758
Chi phí tài chính					497.659.186.225
Lợi nhuận khác					25.047.961.455
<b>(LỖ) TRƯỚC THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>					<b>(2.852.427.438.530)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.001.392.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.698.671.766
<b>(LỖ) SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>					<b>(2.858.127.502.374)</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

## 23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHI TIÊU	SẢN PHẨM LỌC HÓA DẦU		NHIÊN LIỆU SINH HỌC		SẢN XUẤT BAO BÌ & THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ		LOẠI TRỪ NỘI BỘ		TỔNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần	102.724.546.230.672	25.170.004.860	337.052.183.641	(263.015.773.876)	102.823.752.645.297				
Chi phí sản xuất kinh doanh	99.788.545.723.504	108.659.930.609	320.747.981.770	(263.422.779.165)	99.954.530.856.718				
- Giá vốn hàng bán	98.697.523.697.030	105.297.908.896	300.606.134.743	(252.436.446.840)	98.850.991.293.829				
- Chi phí bán hàng	710.446.673.326	314.667.512	3.353.674.111	-	714.115.014.949				
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	380.575.353.148	3.047.354.201	16.788.172.916	(10.986.332.325)	389.424.547.940				
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN</b>	<b>2.936.000.507.168</b>	<b>(83.489.925.749)</b>	<b>16.304.201.871</b>	<b>407.005.289</b>	<b>2.869.221.788.579</b>				
Doanh thu hoạt động tài chính					536.775.450.247				
Chi phí tài chính					416.118.869.286				
Lợi nhuận khác					64.515.872.130				
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>					<b>3.054.394.241.670</b>				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					177.270.179.729				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					4.126.651.594				
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>					<b>2.872.997.410.347</b>				

## Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
<b>TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>57.959.112.673.412</b>	<b>102.823.756.014.297</b>
Doanh thu Diesel DO	20.974.515.674.982	38.125.709.062.933
Doanh thu Xăng Mogas 95	16.853.642.486.590	26.692.353.973.898
Doanh thu Xăng Mogas 92	7.912.219.714.341	16.430.742.751.160
Doanh thu LPG	4.561.695.283.802	5.983.079.101.866
Doanh thu Polypropylene	3.381.652.704.008	4.512.820.605.656
Doanh thu Kerosen/Jet A1	2.083.373.690.850	8.479.141.714.457
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	1.037.851.412.074	1.661.960.488.449
Doanh thu dầu nhẹ Light Cycle Oil	474.583.133.298	-
Doanh thu Xăng sinh học E5	417.714.578.066	704.950.001.899
Doanh thu dịch vụ cảng biển	113.495.864.228	132.327.172.807
Doanh thu E100	2.616.805.927	17.068.909.603
Doanh thu bán Pallet	20.618.540.600	28.402.868.000
Doanh thu khác	125.132.784.646	55.199.363.569
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>3.369.000</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>57.959.112.673.412</b>	<b>102.823.752.645.297</b>
Trong đó:		
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 34)	<b>11.634.320.272.792</b>	<b>15.380.475.531.029</b>

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	22.865.658.374.487	37.009.464.968.400
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	18.022.154.006.181	25.789.079.015.418
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	8.251.438.729.400	15.808.778.247.701
Giá vốn hàng bán LPG	3.367.107.698.415	5.902.869.971.359
Giá vốn hàng bán Polypropylene	2.748.730.764.034	4.507.411.275.185
Giá vốn hàng bán Kerosen/Jet A1	2.271.584.227.464	7.740.466.487.400
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	865.364.249.167	1.428.509.340.911
Giá vốn hàng bán dầu nhẹ Light Cycle Oil	445.052.429.055	-
Giá vốn Xăng sinh học E5	436.673.539.251	684.020.650.274
Giá vốn dịch vụ cảng biển	37.255.119.093	55.590.959.997
Giá vốn bán Pallet	18.582.586.558	27.782.417.000
Giá vốn bán E100	1.799.700.000	16.720.818.884
Chi phí phát sinh trong giai đoạn bảo dưỡng tổng thể lần 4	649.459.908.622	-
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất Nhà máy nhiên liệu sinh học	78.141.549.784	80.731.866.670
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.999.676.493	(235.981.692.908)
Giá vốn khác	122.937.135.522	35.546.967.538
	<b>60.183.939.693.526</b>	<b>98.850.991.293.829</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.613.507.950.919	98.266.866.668.665
Chi phí nhân công	686.364.323.089	796.193.089.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.551.990.474.895	2.669.783.294.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.310.299.041.363	1.656.063.760.299
Chi phí khác	319.774.521.125	361.890.347.733
	<b>63.481.936.311.391</b>	<b>103.750.797.160.465</b>

## 27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	376.789.604.760	339.167.562.075
Lãi chênh lệch tỷ giá	289.388.701.998	197.187.888.172
Doanh thu tài chính khác	-	420.000.000
	<b>666.178.306.758</b>	<b>536.775.450.247</b>

## 28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Chi phí lãi vay	325.082.824.759	359.859.613.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá	171.324.825.399	53.747.346.371
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	41.973.720	1.225.764.177
Chi phí tài chính khác	1.209.562.347	1.286.145.711
	<b>497.659.186.225</b>	<b>416.118.869.286</b>

## 29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
<b>CÁC KHOẢN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP PHÁT SINH TRONG NĂM</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	122.025.756.862	150.918.034.220
Chi phí vật liệu quản lý	1.897.976.025	2.441.767.786
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.332.656.151	4.886.254.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.087.509.955	33.539.369.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.745.152.973	60.366.455.797
Chi phí khác	71.205.324.673	137.272.665.961
	<b>269.294.376.639</b>	<b>389.424.547.940</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
<b>CÁC KHOẢN CHI PHÍ BÁN HÀNG PHÁT SINH TRONG NĂM</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	36.473.929.039	43.737.677.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.736.383.372	147.736.383.372
Chi phí vận chuyển bán sản phẩm	273.750.896.356	394.795.375.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.161.409.525	126.845.599.083
Chi phí khác	2.750.505.473	999.980.008
	<b>551.873.123.765</b>	<b>714.115.014.949</b>

## 30. THU NHẬP KHÁC

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	10.784.438.424	44.478.206.730
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	10.238.789.441	17.543.088.058
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	795.343.479	483.738.663
Thu nhập khác	3.952.967.683	6.376.560.171
	<b>25.771.539.027</b>	<b>68.881.593.622</b>

## 31. CHI PHÍ KHÁC

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Chi phí bồi thường, phạt hợp đồng	159.497.873	2.025.664.825
Chi phí khác	564.079.699	2.340.056.667
	<b>723.577.572</b>	<b>4.365.721.492</b>

## 32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	(100.481.600)	175.094.251.662
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.101.873.678	2.175.928.067
	<b>2.001.392.078</b>	<b>177.270.179.729</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 33. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chi tiết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
	VND	VND
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(2.818.841.515.440)</b>	<b>2.913.820.263.418</b>
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(256.969.070.299)
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận để tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(2.818.841.515.440)</b>	<b>2.656.851.193.119</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
<b>(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(909)</b>	<b>857</b>

Công ty xác định lại số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm trước bằng số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí phê duyệt (như trình bày tại Thuyết minh số 21). Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước được trình bày lại như sau:

	SỐ TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO NĂM TRƯỚC	SỐ TRÌNH BÀY LẠI	CHÉNH LỆCH
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	898	857	(41)

## 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.634.320.272.792</b>	<b>15.380.475.531.029</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.905.749.124.305	13.565.534.712.777
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.529.373.753.271	373.261.641.531
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	741.406.776.266	793.396.952.424
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	396.741.259.117	30.236.913.901
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	60.052.462.302	84.331.191.229
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	572.897.531	1.370.880.774
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	400.000.000	6.853.923.670
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chính hành Miền Trung	8.000.000	96.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc - Chính hành Miền Nam	16.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	524.990.208.996

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	345.321.182
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	57.784.545
<b>Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp</b>	<b>29.789.860.155.161</b>	<b>53.046.564.710.124</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	19.972.832.931.932	47.268.273.589.266
PVOIL Singapore Pte. Ltd.	6.460.568.811.801	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	967.044.525.971	1.282.983.079.618
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02)	625.851.447.796	2.102.825.226.565
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	543.530.586.623	1.299.009.748.855
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	409.871.097.663	240.444.022.955
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	273.750.906.355	-
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	110.313.782.298	23.652.459.215
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	92.725.142.733	624.027.081.610
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	72.579.504.292	-
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	72.216.983.844	84.893.179.436
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	45.640.172.970	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	42.684.258.359	37.909.959.309
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	31.141.839.104	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	21.793.445.133	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	7.683.127.088	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	6.901.689.107	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	6.510.287.490	14.777.377.414
Trường Cao đẳng Dầu khí	5.162.681.904	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	4.568.554.741	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	4.109.669.490	5.424.226.479
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	3.447.555.597	4.439.572.880
Viện Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.764.423.630	8.941.483.653
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	1.535.372.689	2.895.489.851
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.230.000.000	1.306.368.132
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	715.050.000	248.784.125
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	685.470.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	506.260.002	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	489.073.091	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	369.810.090	699.381.420
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	364.000.000	300.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	171.943.370	154.313.752
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chính hành miền Trung	99.749.998	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	-	34.302.966.076
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí - Chi nhánh Giải pháp Công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt	-	7.436.037.913
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	-	1.174.036.600
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật	-	296.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	-	50.325.000

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(\*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần bao gồm:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Giá trị hàng hóa và dịch vụ	79.772.266.692	141.432.616.735
Giá trị đầu thô mua ủy thác	19.884.911.010.351	47.118.615.643.352
Các khoản ủy thác khác	8.149.654.889	8.225.329.179
	<b>19.972.832.931.932</b>	<b>47.268.273.589.266</b>

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
<b>Nhận trả trước nợ vay</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.935.895.280.000
<b>Nộp lợi nhuận</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	506.245.087.886

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
<b>PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>1.604.199.661.373</b>	<b>1.840.829.852.705</b>
Tổng công ty Dầu Việt Nam- Công ty Cổ phần	944.265.324.925	1.588.484.124.730
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	441.446.739.201	53.216.420.850
Công ty Cổ phần kinh doanh khí Miền Nam	119.791.818.650	103.854.638.626
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	84.793.598.864	5.090.559.866
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi Công ty	13.852.179.733	15.251.135.610
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	71.143.449.656
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	50.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	63.563.000
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	3.695.960.367
<b>TRẢ TRƯỚC NHÀ CUNG CẤP</b>	<b>48.056.609.709</b>	<b>48.056.609.709</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	47.272.509.876	47.272.509.876
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam -Trung tâm nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	694.999.833	57.784.545
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	89.100.000
<b>PHẢI THU KHÁC</b>	<b>1.842.065.713</b>	<b>1.333.435.575</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.118.996.642	1.118.996.642
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	44.444.533	44.444.533
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	210.000	210.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	508.630.138	-
<b>PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP</b>	<b>2.588.018.709.661</b>	<b>4.655.857.571.784</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần	1.609.255.896.269	3.704.917.704.343
Công ty TNHH NN MTV – Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	344.119.111.337	6.962.649.159
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	182.290.913.316	208.557.105.747
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	124.501.852.281	25.476.451.462
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	97.851.806.508	11.774.127.960

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	43.593.879.340	46.768.614.605
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	35.374.700.945	-
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt PVOIL Singapore Pte. Ltd.	32.499.527.559	39.327.954.473
PVOIL Singapore Pte. Ltd.	24.321.120.757	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	19.286.303.658	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	17.893.200.179	-
Công ty TNHH NN MTV – Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 và 02/97)	16.741.552.604	15.111.408.994
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	8.297.591.311	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	7.175.049.200	6.868.486.519
Công ty TNHH NN MTV – Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02)	6.259.767.346	578.259.334.464
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	5.424.580.107	1.286.382.937
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.025.410.215	1.470.937.735
Trường Cao đẳng Dầu khí	3.546.447.657	-
Viện Dầu khí Việt Nam	1.203.851.789	4.401.603.822
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	799.414.808	2.402.898.994
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	626.370.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần – Nhà máy Đạm Phú Mỹ	556.886.002	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	537.980.400	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	637.496.073	910.257.270
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	198.000.000	871.990.762
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	-	273.662.538
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	216.000.000
<b>PHẢI TRẢ KHÁC</b>	<b>918.866.532.061</b>	<b>2.846.136.260.431</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	917.747.535.419	2.843.642.495.419
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	1.374.768.370
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	1.118.996.642



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	VND	VND
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
Ông Nguyễn Văn Hội	1.387.374.000	1.389.052.000
Ông Lê Xuân Huyền	133.800.000	1.076.117.000
Ông Bùi Minh Tiến	1.403.703.000	1.306.172.000
Ông Hà Đổng	1.249.534.000	1.256.557.000
Ông Nguyễn Bá Phước	1.250.044.000	1.246.349.000
Ông Nguyễn Hải Âu	1.208.493.000	787.685.000
Ông Khương Lê Thành	1.252.050.800	1.345.589.000
Ông Nguyễn Quang Hòa	-	1.172.422.000
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
Ông Bùi Minh Tiến	(*)	(*)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	1.224.074.000	1.351.125.000
Ông Nghiêm Đức Dương	1.260.220.000	1.268.911.000
Ông Trần Đoàn Thịnh	1.204.959.400	928.472.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	714.383.500	-
Ông Bùi Ngọc Dương	991.080.000	-
Ông Nguyễn Văn Hội	(*)	(*)
Ông Khương Lê Thành	(*)	(*)
Ông Nguyễn Duyên Cường	505.384.000	1.216.612.000
Ông Đinh Thái Hà	1.099.899.000	1.213.200.000
(*) Trình bày tại phần thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị bên trên do có sự thay đổi/kiêm nhiệm về chức vụ		
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
Ông Phạm Ngọc Quý	1.231.249.000	1.253.328.000
Ông Hoàng Ngọc Xuân	1.045.745.000	1.032.004.000
Ông Vũ Lê Huy	199.505.000	187.360.000
<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>		
Ông Bạch Đức Long	1.192.420.000	751.235.000

## 35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

### Cam kết bán sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu mối (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng Không Việt Nam (Skypec), Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí..., trong năm 2021, bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF được xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Cam kết đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.813.470.000 USD với cơ cấu vốn của chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu là 30/70. Thời gian thực hiện dự án là 78 tháng kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu (ITB) lựa chọn nhà thầu thiết kế tổng thể (FEED). Theo Nghị Quyết số 1144/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt thiết kế FEED và dự toán của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang tiến hành công tác thu xếp vốn và lựa chọn nhà thầu EPC.

## 36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 38.695.714.116 VND (năm 2019: 69.525.263.490 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, và đã bao gồm 1.820.769.562 VND (năm 2019: 3.268.908.404 VND), là số tiền ứng trước cho mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

## 37. SỰ KIỆN KHÁC

Hiện nay, dịch Covid-19 vẫn đang lan rộng sang nhiều quốc gia trên thế giới đã tạo nhiều thách thức cho các ngành công nghiệp cũng như xã hội. Công ty đã đánh giá tác động tổng thể tình hình dịch bệnh đối với toàn bộ hoạt động của Công ty, đồng thời thực hiện tất cả các biện pháp có thể để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với nhân viên và các hoạt động của Công ty. Công ty đang tiếp tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.

Lê Thị Hồng Trâm  
Người lập biểu

Bạch Đức Long  
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Thắng  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021





**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

208 Đại lộ Hùng Vương, P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

0255 3835 825 / 0255 3835 826

[www.bsr.com.vn](http://www.bsr.com.vn)

